



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, P. Đại Phúc, TP Bắc Ninh
ĐT: 02223827974 Email: cdcnbn.bci@gmail.com
Fax: Web: www.bci.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2024

Bắc Ninh, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I.	4
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CỂNG NGHỀ ể Tế.....	4
I. THỂNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG	4
1.1. Thụng tin chung.....	4
1.2. Thụng tin khỏi quỏt về lịch sử phỏt triển và thành tóch nổi bật của Nhà trường.....	4
1.2.1. Khỏi quỏt về lịch sử phỏt triển của Nhà trường:.....	4
1.2.2. Cơ cấu tổ chức và nhõn sự của trường	7
1.2.3. Sơ đồ tổ chức và quản lý của trường	9
II. THỂNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	10
Email : CNOTO.bci@gmail.com.....	10
2.1. Quỏ trởnh hõnh thành và phỏt triển đờn vị.....	10
2.2. Chức năng, nhiệm vụ đờn vị.....	11
2.3. Đờn ngũ giỏo viờn của đờn vị.....	11
2.4. Cơ cấu tổ chức của đờn vị:	12
2.5. Cỏc nghề đào tạo của đờn vị:	12
3. THỂNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
3.1. Lịch sử phỏt triển và thành tóch nổi bật.....	12
3.2. Mục tiờu của chương trởnh đào tạo	13
3.2.1. Mục tiờu chung:	13
3.2.2. Mục tiờu cụ thể:	13
3.3. Phương thức đào tạo.....	14
3.4. Tóm tắt nội dung chương trởnh đào tạo.....	15
3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp:	20
3.6. Đờn ngũ giỏng viờn tham gia chương trởnh đào tạo:.....	20
3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trởnh đào tạo	21
PHẦN II	21
KÁT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	21
1. Tổng quan chung.....	21
1.1. Căn cứ tự đờnh giỏ	21
1.2. Mục đờch tự đờnh giỏ.....	22
1.3. Yờu cầu tự đờnh giỏ	22
1.4. Phương phỏp tự đờnh giỏ	22
1.5. Cỏc bước tiến hành tự đờnh giỏ.....	22
2. Tự đờnh giỏ.....	23

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo_Ngành: Cung nghệ ụ tậ. Trỡnh độ: Cao đẳg.....	23
2.2. Tự đõnh giỏ theo từng tỡu chớ, tỡu chuẩn:	29
2.2.1. Tỡu chớ 1: Mục tỡu, quản lý và tài chớnh.....	29
2.2.2. Tỡu chớ 2: Hoạt đõng đào tạo	38
2.2.3. Tỡu chớ 3 - Nhà giỏo, cõn bộ quản lý và nhõn vờn	53
2.2.4. Tỡu chớ 4: Chương trỡnh, giỏo trỡnh	69
2.2.5. Tỡu chớ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư vện	88
Tiêu chuẩn 5.7: Thư vện được trang bị máy tính và nớ mạng internet đấp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	97
2.2.6. Tỡu chớ 6: Dịch vụ người học	99
2.2.7. Tỡu chớ 7: Giõm sỏt, đõnh giỏ chất lượng.....	112
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO .	132
3.1. Mục tỡu, quản lý và tài chớnh	132
3.2. Hoạt đõng đào tạo.....	133
3.3. Nhà giỏo, cõn bộ quản lý, và nhõn vờn	133
3.4. Chương trỡnh, giỏo trỡnh.....	133
3.5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư vện.....	133
3.6. Dịch vụ cho người học.....	133
3.7. Giõm sỏt, đõnh giỏ chất lượng	133
PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	133
4.1. KẾT LUẬN	133
4.2. KIẾN NGHỊ	134

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	UBHC	Ủy ban hành chính
4.	HĐND	Hội đồng nhân dân
5.	CNKT	Công nhân kỹ thuật
6.	TC	Trung cấp
7.	CD	Cao đẳng
8.	BGH	Ban Giám hiệu
9.	TK	Trưởng khoa
10.	P.TK	Phó Trưởng khoa
11.	TP	Trưởng phòng
12.	P.TP	Phó Trưởng phòng
13.	CB	Cán bộ
14.	GV	Giáo viên
15.	CNVC	Công nhân viên chức
16.	TT	Thông tư
17.	TW	Trung ương
18.	CTĐT	Chương trình đào tạo
19.	CTK	Chương trình khung
20.	GT	Giáo trình
21.	NĐ	Nghị định
22.	QĐ	Quyết định
23.	ĐH	Đại học
24.	HSSV	Học sinh, sinh viên
25.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
26.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
27.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
28.	KTX	Ký túc xá
29.	HTQT	Hợp tác Quốc tế
30.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
31.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
32.	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
33.	CNTT	Công nghệ thông tin
34.	KNN	Kỹ năng nghề
35.	SĐH	Sau đại học
36.	Th.S	Thạc sĩ
37.	UBND	Ủy ban nhân dân

38.	VHPT	Văn hóa phổ thông
39.	VHVL	Vừa học vừa làm

UBND TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 60/BC - CĐCN

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
ngành Công nghệ Ô tô trình độ Cao đẳng**

PHẦN I.

**GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG, KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ**

I. THÔNG TIN CHUNG KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

1.1. Thông tin chung

- 1.1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- 1.1.2. Tên Tiếng Anh: Bacninh College of Industry
- 1.1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- 1.1.4. Địa chỉ trường: Số 499 - Đường Hàn Thuyên - Khu I - Phường Đại Phúc - TP. Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh.
- 1.1.5. Số điện thoại: 0222 3 827 974
- 1.1.6. Email: cdcn.bci@gmail.com
- 1.1.7. Website: www.bci.edu.vn
- 1.1.8. Năm thành lập trường:
 - Năm thành lập đầu tiên: Năm 1970 - Trường công nghiệp Hà Bắc;
 - Năm 1988 thành lập Trung tâm hướng nghiệp và dạy nghề Hà Bắc;
 - Năm 1997 thành lập trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh;
 - Năm thành lập trường Trung cấp nghề: Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh;
 - Năm thành lập trường Cao đẳng nghề: Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh,;
 - Năm 2017 đổi tên trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- 1.1.9. Loại hình trường: Công lập

1.2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường

1.2.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày 50 năm xây dựng và trưởng thành. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường

Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982-1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988-1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.
- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc chuyển trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 14/03/2017 đổi tên trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các ngành nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số ngành nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với tổng số nghề đào tạo, ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 12 nghề đào tạo:

1	Điện công nghiệp;
2	Điện tử công nghiệp;
3	Công nghệ Hàn;
4	Cơ khí chính xác - Cắt gọt kim loại;
5	Công nghệ ô tô;
6	Kế toán doanh nghiệp;
7	Cơ điện tử;

8	<i>Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp;</i>
9	<i>Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm);</i>
10	<i>Tự động hoá công nghiệp;</i>
11	<i>Công nghệ chế tạo máy</i>
12	<i>Thương Mại điện tử</i>

+ Trình độ Trung cấp với 10 nghề đào tạo:

1	<i>Điện công nghiệp;</i>
2	<i>Điện tử công nghiệp;</i>
3	<i>Hàn;</i>
4	<i>Cơ khí chính xác - Cắt gọt kim loại;</i>
5	<i>Công nghệ ô tô;</i>
6	<i>Kế toán doanh nghiệp;</i>
7	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;</i>
8	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn;</i>
9	<i>Bảo trì, sửa chữa ô tô;</i>
10	<i>Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)</i>

+ Trình độ Sơ cấp với 29 nghề đào tạo:

1	<i>Điện công nghiệp</i>
2	<i>Điện tử công nghiệp</i>
3	<i>Điện dân dụng</i>
4	<i>Lắp đặt thiết bị lạnh</i>
5	<i>Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp</i>
6	<i>Công nghệ ô tô phần gầm</i>
7	<i>Công nghệ ô tô phần động cơ</i>
8	<i>Công nghệ ô tô phần điện</i>
9	<i>Sửa chữa thiết bị tự động hóa</i>
10	<i>Nguội sửa chữa máy công cụ</i>
11	<i>Hàn điện hồ quang tay</i>
12	<i>Hàn (Hàn hơi và inox)</i>
13	<i>Phay CNC</i>
14	<i>Tiện trên máy vạn năng</i>
15	<i>Cơ điện tử</i>
16	<i>Máy công nghiệp</i>
17	<i>Tin học văn phòng</i>
18	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
19	<i>Quản lý khai thác công trình thủy lợi</i>
20	<i>Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG</i>
21	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>
22	<i>Chăn nuôi thú y</i>

23	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc</i>
24	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm</i>
25	<i>Trồng rau an toàn</i>
26	<i>Trồng và chăm sóc cây hoa</i>
27	<i>Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh</i>
28	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>
29	<i>Bảo trì và sửa chữa ô tô</i>

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, thực hiện đào tạo một số ngành nghề trình độ đại học đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

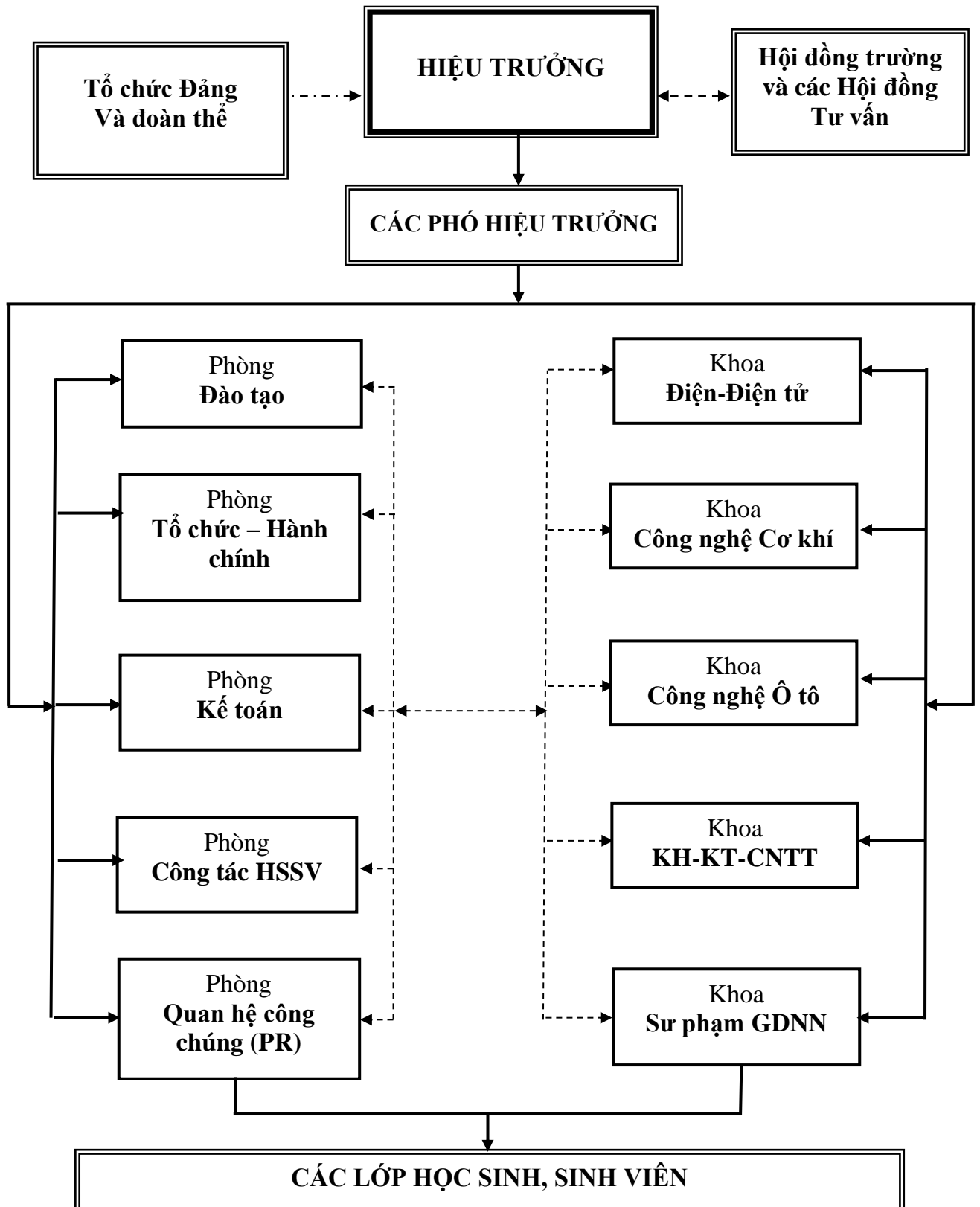
1.2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

- Đảng ủy trường;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám Hiệu;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể:
 - + Đoàn thanh niên,
 - + Hội Sinh viên
- Các phòng chức năng:
 - + Phòng Đào tạo;
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
 - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn:
 - + Khoa công nghệ Cơ khí;
 - + Khoa Điện - Điện tử;
 - + Khoa công nghệ Ô tô;
 - + Khoa KH-KT-CNTT;
 - + Khoa sư phạm GDNN.

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sĩ	Hiệu trưởng
	Trần Văn Thục	1977	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sĩ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:				
Đảng bộ	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sĩ	Bí thư Đảng ủy

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sĩ	Phó bí thư Đảng uỷ
Chi bộ 1	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Lê Sỹ Phỉnh	1964	Đại học	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 5	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sĩ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thực	1977	Thạc sĩ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Tạ Thị Huyền	1987	Thạc sĩ	Bí thư
Hội sinh viên	Phan Văn Nghiêm	1993	Thạc sĩ	Chủ tịch
3. Các phòng (05 phòng):				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Lê Sỹ Phỉnh	1964	Đại học	Trưởng phòng
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Thạc sĩ	Kế Toán trưởng
Phòng Đào Tạo	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sĩ	Trưởng phòng
Phòng quan hệ công chúng	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sĩ	Trưởng phòng
4. Các khoa (05 khoa):				
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Khoa học-KT-CNTT	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Trần Mạnh Hùng	1980	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sĩ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ cơ khí	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sĩ	Trưởng khoa

1.2.3. Sơ đồ tổ chức và quản lý của trường



II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thông tin khái quát đơn vị:

Tên khoa : CÔNG NGHỆ Ô TÔ.
Tên Tiếng Anh : Automotive Technology Faculty.
Số điện thoại : 02223.855 843
Số fax : Không có
Email : CNOTO.bci@gmail.com

2.1. Quá trình hình thành và phát triển đơn vị

Khoa Công nghệ ô tô được thành lập tháng 10 năm 2007, tiền thân là Khoa cơ khí thuộc Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh hiện nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của nhà trường, tập thể cán bộ, giáo viên khoa Công nghệ ô tô có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có lòng nhiệt tình, yêu nghề và tâm huyết với sự nghiệp đào tạo của Nhà trường; đã và đang đào tạo hàng nghìn học sinh sinh viên với ba cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp thuộc các nghề Cơ khí động lực, Nguội sửa chữa máy công cụ, Công nghệ ô tô, Bảo trì và sửa chữa ô tô; nhằm cung cấp nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng cung cấp cho thị trường lao động tại địa phương và trong cả nước. Ngoài ra, cán bộ và các giáo viên của Khoa còn tham gia giảng dạy cho các lớp Đại học VHVL liên kết với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên tại trường nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và đáp ứng nhu cầu học tập của nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân tại tỉnh Bắc Ninh và các địa phương lân cận.

Trong quá trình xây dựng và phát triển Khoa Công nghệ ô tô đã đạt được nhiều thành tích trong phong trào thi đua dạy và học:

*** Phong trào thi đua trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên:**

- Trong giảng dạy:

- + 05 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh.
- + 02 giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia.

- Trong nghiên cứu khoa học:

- + Tham gia đề tài Quản lý xưởng theo mô hình 3S, 5S.
- + Tham gia sáng kiến cải tiến và chế tạo đồ dùng dạy học: Có 03 thiết bị dạy nghề tự làm đạt giải cao trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp Tỉnh năm 2013, 2018, 2022; có 02 thiết bị tham gia Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2019 – tại Huế (đạt giải nhì) và năm 2022 tại Bà Rịa- Vũng Tàu (đạt giải khuyến khích).

*** Phong trào thi đua trong học tập của HSSV:**

- + Năm 2008: 03 học sinh đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2010: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2012: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2014: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2016: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2019: 03 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp trường (01 giải nhất, 01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2019: 02 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh (01 giải nhì, 01 giải ba).

+ Năm 2024: 02 học sinh, sinh viên đạt danh hiệu HSGN cấp tỉnh (01 giải nhất, 01 giải nhì).

Khoa Công nghệ ô tô có hệ thống các phòng học lý thuyết và phòng học thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo các nghề giảng dạy. Các trang thiết bị đào tạo được đầu tư từ nguồn tài trợ của tổ chức GTV (Italia) năm 2003 và nguồn vốn ODA của “Chương trình Đào tạo nghề 2008” trong khuôn khổ hợp tác với chính phủ CHLB Đức và vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia hàng năm; cũng như ngân sách cấp thường xuyên của tỉnh Bắc Ninh.

2.2. Chức năng, nhiệm vụ đơn vị

- Nhiệm vụ trọng tâm của Khoa Công nghệ ô tô là tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy các môn học, mô-đun của các chuyên ngành: Công nghệ ô tô, Bảo trì và sửa chữa ô tô với ba cấp trình độ là Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp.

- Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của Trường.

- Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề.

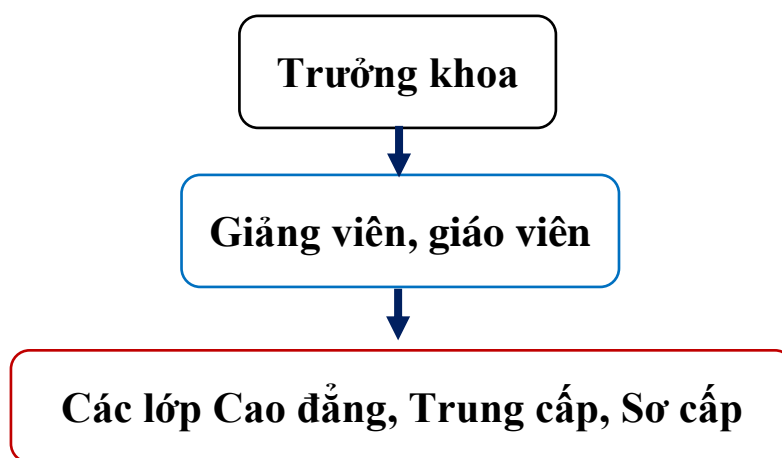
- Quản lý giáo viên, quản lý sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Trường; đề xuất xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì các trang thiết bị đào tạo nghề Công nghệ ô tô và Bảo trì và sửa chữa ô tô.

2.3. Đội ngũ giáo viên của đơn vị

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	EMAIL	DIỆN THOẠI
1	Võ Văn Hùng	Trưởng khoa	hungvv.bci@gmail.com	0982 726 609
2	Nguyễn Văn Hạnh	Giảng viên	nguyenvanh76@gmail.com	0947 155 016

3	Lê Đức	Tùng	„	letungtcnbn@gmail.com	0916 020 607
4	Nguyễn Văn	Hiệu	„	hieubn02@gmail.com	0984 037 555
5	Nguyễn Quốc	Hiệp	„	hthiepnguyen@gmail.com	0978 844 633
6	Nguyễn Đăng	Tiến	„	dangtien1977@gmail.com	0385 252 666
7	Võ Đình	Long	Giáo viên	Vodinhlong0204@gmail.com	0984 018 792
8	Cao Huy	Phúc	„	huyphucbn96@gmail.com	0832 846 296

2.4. Cơ cấu tổ chức của đơn vị:



2.5. Các nghề đào tạo của đơn vị:

STT	Tên nghề	Ghi chú
1	Công nghệ ô tô (trình độ đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp)	
2	Bảo trì và sửa chữa ô tô (trình độ đào tạo: Trung cấp, Sơ cấp)	

3. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Từ những năm 2002 nhà Trường tuyển sinh và đào tạo Công nhân kỹ thuật bậc 3/7, 4/7 nghề Cơ khí động lực và Nguội sửa chữa máy công cụ; năm 2007 tuyển sinh và đào tạo hệ Trung cấp nghề Công nghệ ô tô; Năm học 2010 Trường tuyển sinh và đào tạo trình độ Cao đẳng nghề khoá đầu tiên nghề Công nghệ ô tô (khóa học 2010-2013).

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển của các nghề kỹ thuật được đào tạo tại trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được hình thành và phát triển từ chương trình đào tạo Công nhân kỹ thuật Cơ khí động lực; đội ngũ Giáo viên được đào tạo có trình độ và tay nghề cao; đồng thời tâm huyết với nghề.

Chính vì vậy số lượng học sinh sinh viên vào học ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của địa phương và một số tỉnh lân cận.

Hàng năm, Khoa Công nghệ ô tô phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt” trong toàn thể GV và HSSV; GV đăng ký và thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trình lên BGH đúng thời hạn, tham gia Hội giảng cấp trường, cấp tỉnh; đồng thời cử HSSV tham gia các kỳ thi HSSV giỏi nghề cấp trường, cấp tỉnh, tất cả đều đạt danh hiệu GV dạy giỏi, HSSV giỏi nghề. Kết quả các đề tài nghiên cứu, sáng kiến kinh nghiệm của GV được công nhận và ứng dụng trong giảng dạy.

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi học xong chương trình Cao đẳng Công nghệ ô tô người học có khả năng phải nhận biết được cấu tạo, nguyên lý làm việc và tình trạng kỹ thuật của động cơ đốt trong và các loại xe ô tô như xe con, xe du lịch, xe tải, xe bus, xe chuyên dùng... Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ đo, thiết bị chẩn đoán và các loại máy móc hiện đại chuyên dùng thường sử dụng trong các Công ty sản xuất ô tô, các Garage ô tô, từ đó lập phương án công nghệ bảo dưỡng, sửa chữa một cách khoa học và hợp lý.

Bảo dưỡng, sửa chữa được các loại động cơ đốt trong và các loại xe ô tô (như xe con, xe du lịch, xe tải, xe bus, xe chuyên dùng) nói trên và có khả năng tự học tập, nghiên cứu, làm việc độc lập trong các Công ty sản xuất ô tô, các Garage ô tô hoặc làm kỹ thuật viên cho các hãng như Toyota, Hyundai, Honda và Ford....

3.2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô;
- + Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- + Hiểu được cách đọc các bản vẽ kỹ thuật và phương pháp tra cứu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- + Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- + Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
- + Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực của ô tô hiện đại;
- + Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
- + Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- + Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô;
- + Nêu được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp;

+ Nêu được nội dung và những nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý và tổ chức sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề Công nghệ ô tô;

+ Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động;

+ Thực hiện được công việc kiểm tra, chẩn đoán và khắc phục các sai hỏng của các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực trong ô tô;

+ Lập được quy trình kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn;

+ Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp;

+ Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc; sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản;

+ Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;

+ Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;

+ Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp hơn.

- Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

+ Tham gia sản xuất tại các Doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp,

+ Thợ sửa chữa tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

+ Chuyên viên kỹ thuật tại các công ty vận tải ô tô;

+ Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô;

+ Kỹ thuật viên tại các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa của các hãng xe ô tô.

+ Giáo viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo nghề.

+ Ngoài ra sinh viên có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

3.3. Phương thức đào tạo

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với nghề Công nghệ ô tô là phương thức đào tạo tập trung, học theo niên chế hoặc tích lũy mô đun.

Phương thức đào tạo nghề của trường hiện nay được tính theo đơn vị là năm học, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đào tạo trong thời gian 03 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2018 trở về trước); 2,5 năm (đối với khoá tuyển sinh năm 2019 và các khoá tiếp theo), một năm học có 2 học kỳ và chương trình học được thiết kế theo năm học và ít biến động. Về mặt sinh viên phải hoàn thành nội dung môn học đã được ấn định theo học kỳ, năm học; sinh viên chấp hành tốt các lịch học, lịch thi, các quy định, quy chế của nhà trường, tích cực học tập và rèn luyện thì sẽ đạt kết quả tốt. Tuy

nhiên với phương thức này cũng có những hạn chế về tính chủ động của sinh viên, người học xoay quanh quỹ đạo của người dạy, khó liên thông sang ngành học khác.

Để khắc phục những hạn chế trên, trường chủ động trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô thời gian học thực hành chiếm 50%-70% tổng giờ học nhằm tạo điều kiện để sinh viên thực hành, chủ động tự rèn luyện kỹ năng nghề; đồng thời phương pháp giảng dạy của giảng viên thực hiện giảng dạy lấy người học làm trung tâm, tổ chức nghiên cứu cho SV nhóm theo nhóm, làm bài tập lớn, báo cáo đề án; chương trình đào tạo được xây dựng mang tính liên thông trình độ trung cấp lên cao đẳng của trường, liên thông trình độ từ trung cấp, cao đẳng lên đại học với nghề tương ứng.

3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo chi tiết của nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh khóa đầu tiên năm 2010 được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ LĐTB&XH, đã được Trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo Quyết định số 05/QĐ-CDN ngày 6/12/2010 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh (nay là trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh) về việc Ban hành chương trình dạy nghề 3 cấp trình độ.

Chương trình dạy nghề chi tiết của nghề Công nghệ ô tô các khoá sau được xây dựng trên cơ sở rà soát chương trình đào tạo nghề khoá trước và chương trình khung của BLĐTB&XH, đã được nhà Trường thẩm định và ban hành theo đúng quy định.

Nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và thực hiện các quy định, yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; năm 2017, Trường thực hiện xây dựng mới tất cả các chương trình đào tạo trong đó có chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, thời gian đào tạo 2,5 năm, được thẩm định theo đúng quy định.

Trên cơ sở khảo sát nhu cầu lao động và chương trình đào tạo đã xây dựng, năm 2019, 2022 Trường tổ chức thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo Công nghệ ô tô tăng thời lượng cho Sinh viên học ngoài doanh nghiệp.

- Bảng thống kê các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh 2019:

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	29	435	157	255	23	

1	MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
5	MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
6	MH 06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
	II.	Các môn học, mô đun chuyên môn	99	2790	741	1882	167
	II.1	Môn học, mô đun cơ sở	28	480	258	182	40
7	MH 07	Kỹ thuật điện	2	30	20	8	2
8	MH 08	Kỹ thuật điện tử	2	30	22	6	2
9	MH 09	Cơ kỹ thuật	4	60	38	18	4
10	MH 10	Vật liệu cơ khí	2	30	24	4	2
11	MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	19	9	2
12	MH 12	Vẽ kỹ thuật cơ khí	3	45	25	15	5
13	MH 13	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	26	2	2
14	MH 14	Nhiệt kỹ thuật	2	30	23	5	2
15	MH 15	An toàn vệ sinh lao động	2	30	16	12	2
16	MĐ 16	Thực hành AUTOCAD	2	45	15	27	3
17	MĐ 17	Sử dụng dụng cụ cầm tay	3	75	15	52	8
18	MĐ 18	Thực hành Hàn	2	45	15	24	6
	II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành	71	2310	483	1700	127
19	MH 19	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	2	30	20	8	2
20	MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	4	105	30	68	7
21	MĐ 21	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	60	15	39	6

22	MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	60	15	39	6
23	MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	15	24	6
24	MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	90	28	55	7
25	MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	5	150	45	97	8
26	MĐ 26	Bài tập tổng hợp chẩn đoán, sửa chữa Pan động cơ	8	300	30	262	8
27	MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	105	30	68	7
28	MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	15	24	6
29	MĐ 29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2	45	15	24	6
30	MĐ 30	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	60	15	39	6
31	MĐ 31	Bài tập nâng cao bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	8	300	30	262	8
32	MĐ 32	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	2	60	20	34	6
33	MĐ 33	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	2	60	15	39	6
34	MĐ 34	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	15	39	6
35	MĐ 35	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	60	15	39	6
36	MĐ 36	Thực tập tốt nghiệp	11	450	15	425	10
37	MĐ 37	Đồ án tốt nghiệp	5	225	100	115	10
Tổng cộng			128	3225	898	2137	190

Năm 2022 Nhà trường tiếp tục rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô để phù hợp với thực tế phát triển của doanh nghiệp:

- Bảng thống kê các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh 2022:

TT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	I	Các môn học chung	29	435	157	255	23
1	MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
5	MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
6	MH 06	Tiếng Anh	8	120	42	72	6
	II	Các môn học, mô đun đào tạo chuyên ngành	93	2755	805	1853	97
	<i>II.1</i>	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	28	525	270	222	33
7	MH 07	Kỹ thuật điện	2	30	23	5	2
8	MH 08	Kỹ thuật điện tử	2	30	22	6	2
9	MH 09	Cơ kỹ thuật	4	60	39	17	4
10	MH 10	Vật liệu cơ khí	2	30	24	4	2
11	MH 11	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	20	8	2
12	MH 12	Vẽ kỹ thuật cơ khí	4	60	29	27	4
13	MH 13	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	30	26	2	2
14	MH 14	An toàn vệ sinh lao động	2	30	22	6	2
15	MĐ 15	Thực hành Autocad	2	60	20	37	3

16	MĐ 16	Gia công chi tiết và cụm chi tiết bằng dụng cụ cầm tay	4	120	30	82	8
17	MĐ 17	Thực hành Hàn	2	45	15	28	2
	<i>II.2</i>	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành</i>	65	2230	535	1631	64
18	MH 18	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	45	35	7	3
19	MĐ 19	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ	4	120	35	81	4
20	MĐ 20	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	2	60	20	38	2
21	MĐ 21	Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	2	60	20	38	2
22	MĐ 22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	2	45	20	23	2
23	MĐ 23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	95	32	60	3
24	MĐ 24	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	5	150	44	101	5
25	MĐ 25	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	120	35	81	4
26	MĐ 26	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	45	16	27	2
27	MĐ 27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2	45	16	27	2
28	MĐ 28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	60	20	38	2
29	MĐ 29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	2	60	22	36	2
30	MĐ 30	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	2	60	16	42	2

31	MĐ 31	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	2	60	17	41	2
32	MĐ 32	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	2	60	17	41	2
33	MĐ 33	Thực hành chẩn đoán và sửa chữa ô tô	5	200	40	150	10
34	MĐ 34	Thực tập tốt nghiệp	16	720	50	660	10
35	MĐ 35	Đồ án tốt nghiệp	5	225	80	140	5
Tổng cộng			122	3190	962	2108	120

3.5. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp:

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp/TS (%)	Ghi chú
		Theo kế hoạch	Thực tế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	2018 – 2021 (K9)	60	50	65,3%	(K7 tốt nghiệp)
2	2019 – 2022 (K10)	60	56	72,8%	(K8 tốt nghiệp)
3	2020 – 2023 (K11)	60	72	80,4%	(K9 tốt nghiệp)
4	2021 – 2024 (K12)	60	68	54,4%	(K10 tốt nghiệp)
5	2022 – 2025 (K13)	65	67	56,2%	(K11 tốt nghiệp)
6	2023 – 2026 (K14)	80	80	100%	(K12 tốt nghiệp)
7	2024 – 2027 (K15)	95	90		
Cộng		535	485		

3.6. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình đào tạo:

Tổng số: 08, trong đó:

- Nam: 08;

- Nữ: 0;

- Cơ hữu : 08;

- Thỉnh giảng: 0.

- Trình độ đào tạo:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	-	-	-
Thạc sĩ	06	0	06
Đại học	02	0	02

Cao đẳng	-	-	-
Trung cấp	-	-	-
Công nhân bậc 5/7 trở lên	-	-	-
Trình độ khác	-	-	-
Tổng số	8	0	8

3.7. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

TT	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Văn phòng khoa	45m ²	01	
2	Phòng học lý thuyết	235 m ²	03	Tuỳ từng môn học được phân bổ theo thời khoá biểu
3	Kho trang thiết bị thực tập HS	33,20m ²	01	
4	Kho vật tư	35,30m ²	01	
5	Xưởng ô tô 1	250 m ²	01	
6	Xưởng ô tô 2	250 m ²	01	
7	Xưởng ô tô 3	250 m ²	01	
8	Xưởng ô tô 4	250 m ²	01	
9	Xưởng Dụng cụ cầm tay	400 m ²	01	
10	Xưởng liên kết đào tạo	200 m ²	01	Trung tâm dịch vụ ô tô Thuận Phong

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề

nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của nghề trọng điểm, đánh giá toàn bộ hoạt động theo hệ thống tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Nâng cao nhận thức của viên chức, GV, nhân viên và học sinh, sinh viên trong trường công tác tự đánh giá; đánh giá mức độ, hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân, bộ phận, xem xét thực trạng, chất lượng của chương trình đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu chất lượng cho thời gian tiếp theo.

- Duy trì việc rà soát thường xuyên toàn bộ hoạt động của Trường, của chương trình đào tạo so với các tiêu chuẩn có liên quan trong bộ tiêu chí để kịp thời có những giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường hàng năm.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của chương trình đào tạo, có sự tham gia của tất cả các bộ phận và cá nhân liên quan.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ Trường, được cập nhật vào dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

- Thu thập tài liệu, thông tin, rà soát các hoạt động của Trường, đối chiếu các kết quả đạt được với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiến định chất lượng chương trình đào tạo.

- Xác định mức độ đạt của các tiêu chuẩn, lập kế hoạch cải thiện các tồn tại để nâng cao chất lượng của Trường.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Bước 2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Bước 3: Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT.

- Bước 4: Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo Sở Lao động Thương binh và Xã hội và Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Ngành: Công nghệ ô tô. Trình độ: Cao đẳng.

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	100
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06
1.1.	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	Đạt
1.2.	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	Đạt
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	Đạt
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	14
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	Đạt
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	Đạt
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực	2	Đạt

	hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.		
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	Đạt
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	Đạt
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	Đạt
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	Đạt
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	Đạt
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	Đạt
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	Đạt
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt

3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	Đạt
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	Đạt
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	Đạt
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	Đạt
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	Đạt
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	Đạt
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun,	2	Đạt

	môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.		
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	Đạt
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	Đạt
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	Đạt
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	Đạt
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	Đạt
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	Đạt

6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	Đạt
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	Đạt
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	Đạt
7	Tiêu chí 7 – Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	Đạt
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	Đạt
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng	2	Đạt

	dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.		
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	Đạt
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	Đạt
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	Đạt

Điểm tự đánh giá các tiêu chí:

Tiêu chí	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6/6
Tiêu chí 2	14/14
Tiêu chí 3	16/16
Tiêu chí 4	24/24
Tiêu chí 5	16/16
Tiêu chí 6	8/8
Tiêu chí 7	16/16
Tổng số	100/100

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn:

2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mục tiêu và sứ mạng của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh được xác định và điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn cụ thể: Giai đoạn 2015-2020, mục tiêu, sứ mạng của nhà trường là: "Xây dựng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh trở thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp hàng đầu của tỉnh Bắc Ninh và trong cả nước...". Từ năm 2021, mục tiêu, sứ mạng của nhà trường được điều chỉnh: "Tiếp tục xây dựng nhà trường trở thành trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng hội nhập quốc tế". Trong đó định hướng xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô phù hợp với mục tiêu phát triển chung của nhà trường. Mục tiêu được xây dựng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của nhà trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, và được cụ thể hóa tại Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường là "Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và thường xuyên nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo điều kiện cho họ có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động".

Chính vì vậy qua các giai đoạn khác nhau nhà trường luôn hướng đến mục tiêu đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực trong đó chú trọng các ngành/ngành công nghiệp, dịch vụ đáp ứng yêu cầu nhân lực của tỉnh. Đặc biệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ XX có quán triệt nội dung "Xây dựng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh trở thành trường Cao đẳng chất lượng cao". Chính vì vậy cuối năm 2020 nhà trường đã điều chỉnh mục tiêu, sứ mạng là "đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng hội nhập quốc tế".

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô còn được thể hiện vai trò trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương. Tỉnh Bắc Ninh là một tỉnh công nghiệp. Năm 2022, tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 76,06%, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,45%, khu vực dịch vụ 17,68%, thuế sản phẩm 3,81%. Theo báo cáo của Sở LĐTBXH cho thấy hiện nay trên địa bàn tỉnh có 20.594 doanh nghiệp, với nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp-dịch vụ dự kiến là 155-160 nghìn lao động. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định cơ cấu lao động của tỉnh như sau: nông, lâm nghiệp và thủy sản: 12.9%, công nghiệp - xây dựng: 55.8%, dịch vụ 31,3%. Như vậy cơ cấu lao động trên toàn tỉnh thay đổi theo hướng nâng cao tỉ lệ lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ và xây dựng, giảm lao động trong nông nghiệp.

Khoa Công nghệ ô tô được giao nhiệm vụ phụ trách chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô. Trên cơ sở mục tiêu chung của nhà trường, khoa Công nghệ ô tô đã chủ động xây dựng mục tiêu của chương trình đào tạo luôn bám sát các mục tiêu, chủ trương của nhà trường và phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực của tỉnh và nhu cầu tuyển

dụng của của doanh nghiệp để xây dựng các mục tiêu theo từng giai đoạn cụ thể nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của doanh nghiệp. Chính vì vậy sau khi tốt nghiệp trên 95% HSSV có việc làm, trong đó 86% có việc làm đúng chuyên ngành.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là một đơn vị sự nghiệp có thu đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên, luôn ổn định nên không gây xáo trộn lớn trong việc thực hiện kế hoạch hàng năm của nhà trường. Trường đã thực hiện cơ chế quản lý tài chính thống nhất, đã triển khai xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo, hàng năm việc lập và điều chỉnh dự toán, kế hoạch đều căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường và sự chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo, mua sắm đầu tư trang thiết bị phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên chức và giáo viên, đồng thời thường xuyên thực hiện tiết kiệm chi phí một cách hợp lý, có hiệu quả. Các kế hoạch, dự toán ngân sách hàng năm được lập phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường;

Công tác lập kế hoạch tài chính của Nhà trường đạt chuẩn theo các văn bản pháp quy và đáp ứng được yêu cầu về quản lý tài chính của đơn vị.

Chế độ quản lý tài chính thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo tính chính xác, minh bạch và công khai.

*** Những điểm mạnh:**

Mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường được xác định rõ ràng theo từng giai đoạn phát triển, được công bố dưới nhiều hình thức.

Trường có đầy đủ các văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các bộ phận trực thuộc theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Các bộ phận được phân cấp hợp lý, có quyền chủ động trong công việc. Trường đã thực hiện định kỳ rà soát, điều chỉnh và bổ sung các văn bản này cho phù hợp với thực tế và điều kiện của Trường;

Các nguồn kinh phí luôn được sử dụng ưu tiên cho các hoạt động đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ giáo viên, nhân viên; đầu tư kinh phí để nâng cao trình độ của cán bộ giáo viên hàng năm, vì vậy số cán bộ giáo viên đạt trình độ cao của toàn trường nói chung và giáo viên giảng dạy nghề Công nghệ ô tô nói chung ngày càng tăng về số lượng và chất lượng.

Trường thực hiện đúng quy định của Nhà nước về công tác lập báo cáo tài chính, sổ sách công khai, minh bạch, rõ ràng và đầy đủ cho từng năm hoạt động;

Công tác lập kế hoạch tài chính phù hợp với thực tế và với nhu cầu đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Trường, việc quản lý và sử dụng kinh phí được công khai hóa, minh bạch, tuân thủ các quy định của Nhà nước.

*** Những tồn tại:**

Kế hoạch tài chính của trường phụ thuộc vào định mức Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo. Tuy nhiên định mức hiện đang áp dụng chưa phù hợp với tình hình giá cả thị trường.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng.**

Nhà trường hoạt động với phương pháp quản lý chuyên nghiệp, mọi quy trình được đánh giá và thực hiện theo tiêu chuẩn ISO;

Mạng lưới doanh nghiệp được kết nối tới HSSV trong toàn bộ thời gian thực tập tốt nghiệp và sau khi ra trường;

Các đơn vị trực thuộc trường hoạt động dựa trên các quy trình ISO, cơ cấu tổ chức bền vững, có kế thừa đảm bảo cho mọi hoạt động của nhà trường được ổn định, phát triển;

Xây dựng và thực hiện các quy trình quản lý chất lượng quản lý thu-chi ngân sách trong nhà trường.

Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và điều chỉnh mức chi tối thiểu cho một người học nghề công nghệ ô tô cũng như các ngành nghề đào tạo khác trong trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	06
Tiêu chuẩn 1.1	02
Tiêu chuẩn 1.2	02
Tiêu chuẩn 1.3	02

Tiêu chuẩn 1.1. *Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô phù hợp mục tiêu của nhà trường

Năm 2019: Chương trình ngành Công nghệ ô tô được rà soát điều chỉnh từ chương trình đào tạo năm 2017, trong đó xây dựng mục tiêu là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Công nghệ ô tô trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ...

Năm 2022: Nhà trường tiến hành rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo sau 3 năm (2019 đến 2022) trên cơ sở mục tiêu đã xác định của ngành Công nghệ ô tô là đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có trình độ cao đẳng nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề Công nghệ ô tô trong lĩnh vực công nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm ... hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển chung của nhà trường (**1.1.01 - Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2019, 2022**).

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được xây dựng với mục tiêu đào tạo phù hợp mục tiêu và sứ mệnh của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh (**1.1.02 -**

Công bố Sổ tay chất lượng, sứ mệnh, chiến lược, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm 2017; 1.1.03 - Quyết định số 371/QĐ/CĐCN ngày 11/12/2020 về việc Công bố Sổ tay chất lượng, sứ mệnh, chiến lược, chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh)

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô hoàn toàn phù hợp Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô được quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô phù hợp nhu cầu thị trường lao động

Theo báo cáo của Sở LĐTBXH Bắc Ninh cho thấy hiện nay trên địa bàn tỉnh có 20.594 doanh nghiệp, với nhu cầu lao động trong lĩnh vực công nghiệp-dịch vụ dự kiến là 155-160 nghìn lao động. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định cơ cấu lao động của tỉnh như sau: nông, lâm nghiệp và thủy sản: 12.9%, công nghiệp - xây dựng: 55.8%, dịch vụ 31,3%. Như vậy cơ cấu lao động trên toàn tỉnh thay đổi theo hướng nâng cao tỉ lệ lao động trong các ngành công nghiệp, dịch vụ và xây dựng, giảm lao động trong nông nghiệp. Việc đào tạo nhân lực chất lượng cao ngành Công nghệ ô tô cũng nằm trong mục tiêu phát triển chung và cung cấp nhân lực chất lượng cao cho tỉnh nhà và các tỉnh lân cận đặc biệt là tỉnh Bắc Giang một tỉnh có sức nóng phát triển công nghiệp rất mạnh mẽ.

Tính đến tháng 4/2023, Bắc Giang đã hiện có 14.159 doanh nghiệp; có 305.000 lao động làm việc trong các doanh nghiệp, trong đó các Khu công nghiệp có 159.024 người, Dự kiến trong quý II/2023 các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng khoảng trên 20.000 lao động. Như vậy phát triển nhân lực kỹ thuật qua đào tạo nói chung và nhân lực ngành Công nghệ ô tô nói riêng hoàn toàn phù hợp với xu hướng phát triển đặc biệt phù hợp với Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình "Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư"

(1.1.04 - Quyết định số 680/QĐ-UBND về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; 1.1.05 - Nghị quyết số 12/2007/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2007 của ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Về Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo và nguồn nhân lực; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Bắc Giang đến năm 2020)

Sinh viên ngành Công nghệ ô tô sau khi ra trường được khẳng định vị trí việc làm và có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 95% *(1.1.06- Các chương trình, văn bản liên quan chương trình tổ chức ngày Hội chợ việc làm, tiếp xúc các nhà tuyển dụng: Kế hoạch số 01/KH-CĐCN, ngày 02/01/2020 Tổ chức ngày hội việc làm, tuyển dụng kỹ thuật viên cho doanh nghiệp; Kế hoạch số 64/KH-CĐCN, ngày 01/12/2020 V/v phối hợp tổ chức chương trình thi tuyển “ Học bổng kỹ thuật viên Samsung tài năng”; Kế hoạch số 70/KH-CĐCN, ngày 14/10/2021 V/v phối hợp tổ chức chương trình thi tuyển “ Học bổng kỹ thuật viên Samsung năm 2021”;* Kế hoạch số 23/KH-CĐCN, ngày

23/3/2022 V/v phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm Bắc Ninh tổ chức tư vấn tìm việc cho học sinh, sinh viên; Kế hoạch số 76/KH-CĐCN, ngày 31/10/2022 V/v phối hợp tổ chức chương trình thi tuyển “ Học bổng kỹ thuật viên Samsung năm 2023” ; **1.1.07- Ảnh chụp các hoạt động liên quan tổ chức chương trình ngày hội việc làm, tư vấn việc làm, tuyển dụng cho HSSV sau khi tốt nghiệp hàng năm)**

Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học tốt nghiệp đã đi làm, ý kiến của doanh nghiệp có liên quan về tính phù hợp mục tiêu của chương trình đào tạo, thông qua đó làm căn cứ tham khảo để thực hiện công tác rà soát điều chỉnh mục tiêu đào tạo phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp (**1.1.08- Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2021, 2022,2023; 1.1.09- Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2021, 2022,2023).**

3. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được công bố công khai, minh bạch

Mục tiêu của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được công bố công khai và đảm bảo các quy định. (**1.1.10 - Danh sách và chuẩn đầu ra các ngành nghề đào tạo của trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh; Quyết định số 297/QĐ-CĐCN ngày 15/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc Ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, năm 2020)**

Hình thức công bố mục tiêu của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô, trên cơ sở đã được cấp phép nhà trường đã tổ chức rà soát và xây dựng chuẩn đầu ra cho và công khai trên Website của nhà trường địa chỉ: www.bci.edu.vn, Thông qua mạng xã hội Facebook; Đài phát thanh và truyền hình Bắc Ninh; các trang thông tin tuyển sinh của Bộ lao động và các bộ ngành khác (**1.1.11 - Hình thức công bố chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo. (Thông qua website địa chỉ: www.bci.edu.vn, Thông qua mạng xã hội Facebook. 1.1.12- Tờ rơi tuyển sinh các năm 2021,2022, 2023,2024. 1.1.13- Văn bản tuyển sinh đến các trường THPT)**

4. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Thường xuyên rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Cập nhật, bổ sung kiến thức kỹ năng mới, lược bớt những kiến thức kỹ năng không còn phù hợp giúp chương trình đào tạo bắt kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ, giúp người học thích ứng tốt hơn với các vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Khi thực hiện xây dựng, nhà trường căn cứ theo quy định của thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH để triển khai (**1.1.14- Quyết định ban hành Quy định xây dựng, thẩm định chương trình và giáo trình 2017; Quyết định ban hành chương trình đào tạo 2017).**

Năm 2019, trước xu thế chung của các trường trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tích lũy mô đun, nhà trường tiếp tục rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành nghề từ đào tạo theo niên chế sang tích lũy mô đun đối với hầu hết các ngành nghề đang đào tạo. Năm 2022, định kỳ sau khóa học nhà trường đã tổ chức tiếp tục rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo hướng tích lũy mô đun

(1.1.15 - Thông báo số 29/TB-CĐCN ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc rà soát, áp dụng chương trình đào tạo Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun; Kế hoạch số 15/KH-CĐCN ngày 28/02/2022 Rà soát, chỉnh sửa chương trình và xây dựng giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022; 1.1.16 - Quyết định số 192/QĐ-CĐCN ngày 8/7/2019 về việc thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình cao đẳng năm 2019; Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 Thành lập ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2022)

Sau khi rà soát, các tổ rà soát từng chương trình đã có văn bản báo cáo kết quả rà soát trong đó đánh giá cụ thể những ưu điểm, hạn chế của chương trình đào tạo, những thành tựu khoa học kỹ thuật cần cập nhật, bổ sung vào chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo của từng ngành nghề (*1.1.17 - Báo cáo rà soát chương trình đào tạo cao đẳng Công nghệ ô tô năm 2019 và năm 2022*).

Căn cứ kết quả rà soát của các tổ, Ban rà soát đã làm việc với các tổ đi đến các kết luận làm căn cứ biên soạn chương trình đào tạo mới. Chương trình đào tạo sau khi được thẩm định và được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành đã đảm bảo khắc phục được phần lớn nhưng hạn chế của chương trình cũ, cập nhật bổ sung các thành tựu khoa học kỹ thuật, tuân thủ quy định của Bộ LĐTB&XH (*1.1.18 - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019; Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 1.2: *Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

1. Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Công nghệ ô tô phụ trách chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016, văn bản hợp nhất Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Điều lệ Trường Cao đẳng, nhà trường đã cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa tại Điều 13 Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 quy định về điều lệ trường cao đẳng. Trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, không có sự trùng chéo, đảm bảo sự phân công, phân cấp quản lý hợp lý, rõ ràng. Giúp các đơn vị chủ động trong công việc của mình đồng thời tăng cường công tác phối hợp nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao (*1.2.01 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường năm 2021,2022,2023*).

Hiện nay nhà trường tổ chức đào tạo các ngành nghề theo giấy chứng nhận đã được cấp. Tất cả các ngành/ngành đào tạo của nhà trường được Tổng cục GDNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: Giấy chứng nhận số 175/2017/GCNĐKHĐ-TCĐN ngày 23/6/2017; số 175^a/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 25/8/2017; số 175^b/2017/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 26/7/2019 (**1.2.02** - Báo cáo đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp 2017; **1.2.03** - Báo cáo đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp 2019).

Trên cơ sở giấy chứng nhận được cấp, thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, Nhà trường giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Công nghệ ô tô phụ trách chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo, cụ thể:

+ Công nghệ ô tô: Thực hiện kế hoạch đào tạo các nghề: Công nghệ ô tô, Bảo trì và sửa chữa ô tô và các nghề đào tạo bổ sung (nếu có);

+ Phòng Đào tạo: Tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo bao gồm: kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo 3 cấp trình độ, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo; tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học.

+ Phòng Kế toán: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong lĩnh vực quản lý về tài chính, kế toán và tài sản của trường.

+ Phòng Tổ chức - Hành chính: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác tổ chức, cán bộ; bảo vệ chính trị nội bộ; công tác quản trị hành chính - tổng hợp, văn thư - lưu trữ; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; công tác an ninh trật tự và phục vụ.

+ Phòng Công tác học sinh sinh viên: Tham mưu và giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện, quản lý, giáo dục công tác chính trị - tư tưởng đối với học sinh sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa và quản lý học sinh sinh viên theo quy chế công tác HSSV; Là đầu mối về các công tác liên quan đến học sinh sinh viên.

+ Phòng Quan hệ công chúng: Tham mưu cho Hiệu trưởng, làm đầu mối, chủ trì tổ chức triển khai thực hiện và quản lý công tác truyền thông và tuyển sinh các hệ đào tạo của nhà trường; thực hiện công tác quan hệ đối ngoại; thực tập sản xuất và thực tập tốt nghiệp cho học sinh sinh viên; tổ chức giới thiệu việc làm, thu thập thông tin của học sinh sinh viên sau khi tốt nghiệp.

+ Khoa Khoa học - Kinh tế - Công nghệ thông tin: Tổ chức các hoạt động giảng dạy các môn học chung, môn học cơ sở (nếu có) trình độ trung cấp, cao đẳng. Thực hiện kế hoạch đào tạo các nghề: Kế toán doanh nghiệp, Công nghệ thông tin, Quản trị mạng máy tính, Thương mại điện tử và các nghề đào tạo bổ sung.

2. Khoa Công nghệ ô tô được giao phụ trách chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô.

Chức năng, nhiệm vụ của khoa Công nghệ ô tô quy định rõ tại Điều 13 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường. Hiện nay khoa Công nghệ ô tô có 01 Trưởng khoa phụ trách khoa, 08 giảng viên đào tạo 2 ngành: Công nghệ ô tô và Bảo trì và sửa chữa ô tô. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, khoa Công nghệ ô tô đã phân

công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. (**1.2.04** - *Bảng phân công nhiệm vụ của khoa Công nghệ ô tô*).

Hàng năm, khoa Công nghệ ô tô luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả nổi bật trong 3 năm qua: Thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập và các hoạt động ngoại khóa khác theo chương trình, kế hoạch giảng dạy hằng năm của trường theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, bao gồm:

- Xây dựng chương trình đào tạo của từng ngành, nghề theo từng trình độ đào tạo thuộc khoa mình quản lý hoặc do Hiệu trưởng giao.

- Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học, mô-đun, tín chỉ liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học, mô-đun, tín chỉ của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo.

- Tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo theo định hướng phát triển của nhà trường; phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định.

- Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.

Hàng năm trong báo cáo chung của nhà trường và đơn vị, kết quả Khoa luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (**1.2.05** - *Báo cáo tổng kết công tác GDNN năm 2021, 2022,2023*; **1.2.06** - *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa CNOTO năm 2021, 2022,2023*).

Trong 3 năm qua, tập thể giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng của trường tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo GDNN, hội thi thiết bị tự làm các cấp và nhiều giảng viên đạt thành tích cao (**1.2.07** - *Các Quyết định thi đua, khen thưởng của trường năm 2021, 2022,2023*; **1.2.08** - *Bằng khen, giấy khen cá nhân, tập thể của các cấp của khoa Công nghệ ô tô năm 2021, 2022,2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3. *Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo phù hợp với Thông tư số 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Trước khi Thông tư số 24/2019/TT-BLĐTBXH có hiệu lực thi hành, nhà trường căn cứ các quy định của nhà nước xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cụ thể cho ngành

(1.3.01- Định mức kinh tế kỹ thuật cho ngành Công nghệ ô tô 2018, 2020).

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh là đơn vị sự nghiệp có thu và được cấp kinh phí theo chỉ tiêu biên chế *(1.3.02- Quyết định về việc giao chỉ tiêu và dự toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023)*. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nhà trường đã cân đối các khoản thu hợp pháp: Thu học phí, thu liên kết đào tạo, thu dịch vụ và thu các khoản khác *(1.3.03 - Báo cáo thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, 2022, 2023; 1.3.04 - Quyết toán ngân sách năm 2021, 2022, 2023)*; Việc cân đối thu chi được thực hiện đúng luật pháp được thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế cung ứng sử dụng vật tư trong đào tạo *(1.3.05 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022, 2023, 1.3.06 - Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo năm 2021, 2022, 2023, 2024)*; Căn cứ vào dự toán hàng năm, nguồn thu khác, căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ nhà trường đã lập dự toán cho các mục chi, cụ thể xây dựng định mức vật tư cho từng ca học sinh, sinh viên thực tập theo từng nghề *(1.3.07 - Biểu định mức chi vật tư cho từng ca, từng học sinh, sinh viên thực tập năm 2021, 2022, 2023)*;

Trường có hệ thống quản lý việc cấp phát vật tư, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật liệu do phòng Tổ chức - Hành chính phụ trách. Việc cấp phát vật liệu, vật tư, nhiên liệu thực hiện theo quý và được báo cáo để Hiệu trưởng phê duyệt *(1.3.08 - Dự trù vật tư quý các năm 2021, 2022, 2023; 1.3.09 - Phiếu giao nhận vật tư năm 2021, 2022, 2023; 1.3.10 - Biên bản thu hồi vật tư, sản phẩm thực tập năm 2021, 2022, 2023; 1.3.11 - Phân công nhân viên kế toán vật tư, tài sản)*.

Nhà trường quản lý, sử dụng các nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp, hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng quy định. Nguồn tài chính của Trường bao gồm các nguồn thu hợp pháp là: Kinh phí thường xuyên và không thường xuyên từ ngân sách cấp; Nguồn thu từ học phí, các dịch vụ và các khoản thu khác....*(1.3.12 - Danh mục các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo năm 2021, 2022, 2023)*. Tất cả các nguồn thu này đều được phản ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán và được sử dụng một cách có hiệu quả vào hoạt động chung của Nhà trường.

Trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính theo quy định, công tác quản lý tài chính của Nhà trường được kiểm soát rất chặt chẽ và bảo đảm tính chính xác. Phòng kế toán bảo đảm việc lập báo cáo tài chính theo năm và ghi chép lưu trữ sổ sách kế toán theo luật kế toán và chế độ kế toán hành chính sự nghiệp *(1.3.13 - Báo cáo quyết toán tài chính năm 2021, 2022, 2023; 1.3.14 - Báo cáo quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo, sản xuất, dịch vụ năm 2021, 2022, 2023; 1.3.15 - Bộ hồ sơ lưu trữ năm 2021, 2022, 2023)*

Hàng năm, cấp Sở đều thực hiện duyệt quyết toán và qua các đợt thanh kiểm tra công tác quản lý tài chính của trường đều được đánh giá là thực hiện tốt. Nhà trường thực hiện đúng các quy định của nhà nước về công tác thu chi ngân sách và kế toán. *(1.3.16 - Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2021, 2022, 2023; 1.3.17 - Biên bản thanh, kiểm tra, kiểm toán)*.

Đồng thời thực hiện tốt công tác định mức chi hỗ trợ đào tạo nghề cho HSSV theo Nghị quyết 10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã phê duyệt. Đảm bảo

đáp ứng tốt định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 02 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã và đang thực hiện đa dạng các loại hình đào tạo, nhằm đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao thuộc các lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật đạt chuẩn quốc tế như: nghề Công nghệ ô tô và các ngành nghề khác theo quy định; là cơ sở nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất - kinh doanh đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong quá trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô để tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Nhà trường đã nghiên cứu, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất để đáp ứng với phương thức đào tạo theo niên chế, tích lũy Mô đun của nhà trường theo yêu cầu của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 và Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh Xã hội. Các ngành, nghề đào tạo của trường được Bộ Lao động - Thương Binh Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Nhà trường coi công tác đổi mới phương pháp dạy học là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo: giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, phát triển năng lực tự học của HSSV; ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học là những biện pháp cụ thể để đạt mục tiêu này.

Việc thu thập thông tin về HSSV đã tốt nghiệp nghề Công nghệ ô tô của Trường; phân tích, đánh giá tình hình việc làm, thu nhập, khả năng học tiếp của HSSV đã tốt nghiệp là cơ sở để nhà trường điều chỉnh, bổ sung CTĐT, phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp.

**** Những điểm mạnh:***

Trong những năm qua, với sự nỗ lực rất lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên nhà trường, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã ngày càng khởi sắc trên tất cả các phương diện. Trong đó, khoa Công nghệ ô tô đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao thể hiện ở các mặt:

- Kết quả tuyển sinh nhiều năm từ 2020-2024 đều đạt từ 100% trở lên so với kế hoạch đề ra. Thực hiện đúng các quy định về công tác tuyển sinh, xét tuyển.

- Trường và khoa đã xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo hợp lý khoa học, chương trình giáo trình đầy đủ được cập nhật và điều chỉnh hàng năm. Trong giảng dạy nghề Công nghệ ô tô giáo viên đã sử dụng nhiều phương pháp, nhiều phần mềm ứng dụng, video mô phỏng phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học.

- Công tác phối hợp với doanh nghiệp được Trường và khoa chuyên môn chú trọng. Sinh viên nghề Công nghệ ô tô được thực tập, thực hành ở nhiều doanh nghiệp khác nhau, nội dung thực tập, thực hành phù hợp với chuyên môn nghề. Đặc biệt, đã phối hợp với doanh nghiệp để sản xuất ra sản phẩm ngay tại xưởng, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên và sinh viên được tiếp cận môi trường doanh nghiệp trong suốt thời gian đào tạo.

- Thực hiện công tác thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đúng quy chế, nghiêm túc, công khai. Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp kịp thời tạo điều kiện cho người học có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp, hồ sơ được lưu trữ đầy đủ.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện hiệu quả. Trường khoa có kế hoạch kiểm tra nội bộ đã góp phần kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp. Nhà trường có tổ thanh kiểm tra công tác đào tạo, luôn thực hiện kiểm tra đột xuất, kiểm tra có kế hoạch.

*** Những tồn tại:**

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo chưa tương xứng với vai trò và giá trị đích thực của nhà trường.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Dựa trên những điểm mạnh và tồn tại ở trên, Trường đã phát huy những điểm mạnh và khắc phục những tồn tại:

Hợp tác với các trường đại học tiên hành tạo nguồn tuyển sinh đào tạo trình độ đại học; Tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm đưa sinh viên nghề Công nghệ ô tô tham gia học tập, thực tập và làm quen với môi trường làm việc thực tế.

Tăng cường cơ sở vật chất phòng học thực hành, trang thiết bị, máy móc thực hành nghề Công nghệ ô tô tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều làm việc thực tế.

Tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo và việc làm; tìm hiểu các cơ hội để hợp tác quốc tế, tiếp thu các chương trình đào tạo tiên tiến, hiện đại và phù hợp.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 2.1	02
Tiêu chuẩn 2.2	02
Tiêu chuẩn 2.3	02
Tiêu chuẩn 2.4	02
Tiêu chuẩn 2.5	02
Tiêu chuẩn 2.6	02
Tiêu chuẩn 2.7	02

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện công tác đào tạo trên cơ sở đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, giáo trình và các điều kiện khác để tổ chức giảng dạy và học tập. Trường đã đăng ký và Tổng cục GDNN cấp giấy phép đào tạo với tổng số 08 nghề cao đẳng trong đó có nghề Công nghệ ô tô với quy mô 60 sinh viên hệ cao đẳng, 25 trung cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 175/2017/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 23/6/2017 của Tổng cục GDNN (**2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 175a/2017/GCNĐKBS-GDNN ngày 25/8/2017**). Hàng năm nhà trường căn cứ vào Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH ngày 07/3/2019; Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động TB&XH, Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trên cơ sở đó, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển trình độ trung cấp, cao đẳng với đầy đủ các thông tin về đối tượng áp dụng, thời gian, hình thức tuyển sinh, nội dung, hồ sơ, tổ chức thực hiện. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo các quy định và Giấy chứng nhận đăng ký GDNN được cấp, các chính sách ưu tiên được thể hiện rõ. Trong đó nghề Công nghệ ô tô với chỉ tiêu 3 năm 2021, 2022, 2023 đều đạt và vượt chỉ tiêu (**2.1.02 – Quy chế tuyển sinh và Quy định xét tuyển trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng hệ chính quy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025**).

Nhà trường đang tuyển sinh theo kế hoạch (**2.1.03 - Các Kế hoạch tuyển sinh năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024, 2024-2025**).

Xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm (2022 - 2024) của nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng, được thực hiện trên cơ sở giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cân đối tỷ lệ HSSV/giáo viên và cơ sở vật chất, thiết bị đào. Cụ thể:

- + Năm 2022-2023 xác định chỉ tiêu: 65
- + Năm 2023-2024 xác định chỉ tiêu: 80
- + Năm 2024-2025 xác định chỉ tiêu: 95

Hàng năm, trên cơ sở xác định chỉ tiêu tuyển sinh, nhà trường đã ra thông báo tuyển sinh và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như tại trang Website của trường www.bci.edu.vn , mã QR code để tuyển sinh online, treo các banzon tại cổng trường, tại các trường THPT, THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và trên đài, báo Bắc Ninh, trong các chương trình tư vấn tuyển sinh và giới thiệu việc làm của trường trong đó có nghề Công nghệ ô tô (**2.1.04 - Thông báo tuyển sinh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.1.05- Hình ảnh banzon, mã QR code dùng cho công tác tuyển sinh**).

Các năm 2021, 2022, 2023, 2024 Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh với thành phần đúng quy định, thành lập Ban thư ký hội đồng làm chức năng tham mưu tổ chức xét tuyển theo đúng các quy chế tuyển sinh tùy theo ngành, nghề. Trình độ có điều kiện xét

tuyển khác nhau, sau khi xét tuyển có bộ phận thanh kiểm tra lại kết quả tuyển sinh để đảm bảo học sinh, sinh viên trúng tuyển đáp ứng các yêu cầu của ngành, nghề theo học trong đó có nghề Công nghệ ô tô dựa trên kết quả thi hoặc tổng kết 3 môn (Toán, Lý, Hóa) (**2.1.06- Các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, Ban thư ký và tư vấn tuyển sinh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025**).

Tại Trường, phòng Quan hệ công chúng được giao nhiệm vụ thu nhận hồ sơ dự tuyển của HSSV bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, hồ sơ gửi qua bưu điện, tổng hợp hồ sơ chuyển cho Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo từng đợt trong năm. Kết quả xét duyệt được thông báo rộng rãi và niêm yết công khai tại trường (**2.1.07 - Hồ sơ đăng ký xét tuyển năm học 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024; 2.1.08 - Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh hàng năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.1.09 - Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Sau khi có kết quả phê duyệt trúng tuyển, Trường xác định thời điểm nhập học và gửi giấy báo kết quả trúng tuyển, dự kiến thời gian nhập học, các hồ sơ cần hoàn thiện, người học có thể nhận giấy báo trực tiếp tại trường các trường hợp ở xa nhà, trường gửi qua đường bưu điện đồng thời gọi điện thông báo tới người học.

Căn cứ vào danh sách trúng tuyển các ngành nghề, phòng Đào tạo biên chế các lớp học đảm bảo số lượng theo quy định, cụ thể nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng kết quả tuyển sinh và biên chế các lớp qua các năm 2019, 2021, 2022, 2023 kết quả đều đạt trên 80% trở lên (**2.1.10 – Các Quyết định Biên chế các lớp Cao đẳng và Trung cấp năm 2020;2021, 2022**).

TT	Năm học	Quy mô TS trong GCN đăng ký HD GDNN	Chỉ tiêu trường đăng ký	Số lượng tuyển sinh	Tỷ lệ kết quả	Ghi chú
1	2022-2023	60	65	73	112%	Khóa 13
2	2023-2024	60	80	91	113%	Khóa 14
3	2024-2025	60	95	87	92%	Khóa 15

Hàng năm nhà trường đều có các Báo cáo đánh giá về công tác tuyển sinh, trong đó đã nêu cụ thể số sinh viên các nghề tuyển được so với kế hoạch, đánh giá được những khó khăn, tồn tại trên cơ sở đó đề ra phương hướng, giải pháp cho các năm tiếp theo. Năm 2022 tại Báo cáo tuyển sinh năm 2022, phương án tuyển sinh năm 2023; năm 2023 tại Báo cáo tuyển sinh năm 2023, phương án tuyển sinh năm 2024; Năm 2024 tại Báo cáo tuyển sinh năm 2024, phương án tuyển sinh năm 2025. Các Báo cáo được gửi về Sở Lao động TB&XH tỉnh Bắc Ninh, Tổng cục GDNN tổng hợp theo quy định (**2.1.11 - Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Để công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy chế tuyển sinh, xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nhà trường đã thành lập Ban thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2019 tại Quyết định số 373/QĐ-CĐCN ngày 09/12/2019, năm 2020 tại Quyết định số 411/QĐ-CĐCN ngày 31/12/2020, năm 2021 tại Quyết định số 429/QĐ-CĐCN ngày

15/12/2021; năm 2022 tại Quyết định số 573/QĐ-CĐCN ngày 28/12/2022 (2.1.12 – *Quyết định thành lập ban thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024*); tại các biên bản kiểm tra các năm không có các trường hợp vi phạm quy chế tuyển sinh, việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp với quy mô và kế hoạch được giao, không có các khiếu nại, tố cáo sai phạm về công tác tuyển sinh (2.1.13 - *Biên bản thanh kiểm tra công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 2.2: *Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện quản lý công tác đào tạo đúng quy định theo Thông tư số 23/2018/TT – BLĐT BXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động TB&XH nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về việc quản lý, sử dụng hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại Quyết định số 38/QĐ-CĐCN ngày 25/3/2019, trong đó quy định đầy đủ về kế hoạch, tiến độ đào tạo, kế hoạch giáo viên cũng như hồ sơ, sổ sách của giáo viên. (2.2.01 - *Quyết định số 38/QĐ-CĐCN ngày 25/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc quản lý, sử dụng hồ sơ sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*).

Hàng năm phòng Đào tạo chủ trì phối hợp cùng các khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo cho chung toàn trường trong đó có nghề Công nghệ ô tô đã được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt (2.2.02 - *Kế hoạch đào tạo khóa học 2021-2024, 2022-2025, 2023-2026; 2024-2027*; 2.2.03 - *Tiến độ giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*) sau khi có kế hoạch và tiến độ Khoa căn cứ vào chuyên môn, nhiệm vụ của từng giáo viên. Khoa xây dựng kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ, 06 giáo viên tham gia giảng dạy thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy và tiến độ giảng dạy đúng theo thời khóa biểu đã được Ban Giám hiệu ký duyệt (2.2.04 - *Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*; 2.2.05 - *Thời khóa biểu theo tuần học của năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*). Riêng năm 2020, 2021 do tình hình dịch Covid-19, Trường đã lùi tiến độ đào tạo 04 tuần nhưng đã bố trí học bù vào thời gian hè, thay đổi học theo hình thức học lý thuyết online, điều chỉnh kế hoạch học tập đối với các lớp đang học mô đun (2.2.06 - *Các Thông báo điều chỉnh tiến độ đào tạo năm học 2019-2020 và 2020-2021 do dịch Covid-19*)

Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐT BXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (2.2.07- *Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế*); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (2.2.08- *Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2021; Quyết định số 320/QĐ-CĐCN*

ngày 10/8/2022, về việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun; Quyết định số 233/QĐ-CĐCN ngày 17/5/2023, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun kèm theo Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/08/2022).

Năm học 2021-2022, 2022-2023; 2023-2024, 2024-2025 trường thực hiện đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun áp dụng cho toàn bộ các lớp nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng. Kế hoạch đào tạo được xây dựng theo từng khóa nhập học, tiến độ đào tạo được xây dựng theo từng năm học cho các lớp. Kế hoạch và tiến độ thể hiện nội dung đào tạo theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch và tiến độ các lớp nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng có mặt trong 3 năm tính tới thời điểm đánh giá (tháng 5/2024) như sau:

- Năm học 2021 - 2022: Tổng số 06 lớp thuộc các khóa 10, 11, 12;
- Năm học 2022 - 2023: Tổng số 09 lớp thuộc các khóa 11, 12, 13;
- Năm học 2023 – 2024: Tổng số 09 lớp các khóa 12, 13, 14.
- Năm học 2024-2025: Tổng số 09 lớp các khóa 13, 14, 15

Giáo viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng có đầy đủ hồ sơ, giáo án, sổ tay giáo viên, sổ lên lớp. Các hồ sơ được lưu trữ đầy đủ, rõ ràng đúng quy định (**2.2.09** - *Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề Công nghệ ô tô năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.10* - *Biên bản dự giờ năm 2021, 2022, 2023, 2024*)

Khoa ký duyệt hồ sơ, giáo án cho giáo viên trước khi lên lớp, tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất đối với giáo viên trong khoa; Trường hàng năm thành lập các tổ thanh kiểm tra đào tạo và để nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đã thành lập Tổ khảo thí và đảm bảo chất lượng trực thuộc phòng Đào tạo tại Quyết định số 96/QĐ-CĐCN ngày 23/3/2022 (**2.2.11** – *Các Quyết định thành lập tổ thanh, kiểm tra công tác đào tạo 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*).

Thực hiện các quyết định, hàng năm các tổ thanh kiểm tra đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo đúng kế hoạch (**2.2.12**- *Kế hoạch kiểm tra đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025*). Đã kiểm tra khoa Công nghệ Ô tô và đã đánh giá việc tổ chức giảng dạy đúng kế hoạch, tiến độ, hồ sơ đầy đủ, cấp phát vật tư đầy đủ theo quy định.

Qua công tác kiểm tra, dự giờ đã giúp cho khoa và nhà trường chủ động điều chỉnh kế hoạch, tiến độ phù hợp, đảm bảo chất lượng nâng cao ý thức giáo viên, đảm bảo chất lượng đào tạo, hiệu quả (**2.2.13** - *Các biên bản và báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Kết quả kiểm tra công tác giảng dạy nghề Công nghệ ô tô cho thấy đa phần các giảng viên thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, tiến độ và thời khóa biểu; Còn một số ít GV cập nhật các thông tin trên sổ tay giáo viên, sổ lên lớp và giáo án chưa đúng quy định..., cụ thể:

- Năm học 2021-2022 có 5% giáo án của giảng viên không ghi đầy đủ tên học sinh, sinh viên vắng mặt; 5% số giáo án không ghi phần rút kinh nghiệm hoặc viết sơ sài; 8% sau khi kết thúc MH/MĐ GV vào điểm sổ lên lớp muộn; 5% sinh viên không mặc đầy đủ bảo hộ lao động, 10% sinh viên còn đi học muộn và nghỉ học không lý do, 4% lớp học chưa thực hiện tốt công tác 5S trong các giờ học.

- Năm học 2022-2023 có 4,5% giáo án của giảng viên một số chưa ghi chi tiết các hoạt động dạy và học; 4,5% số giáo án ghi phần rút kinh nghiệm sơ sài; 8% sau khi kết thúc MH/MĐ GV vào điểm sổ lên lớp muộn; 4,8% sinh viên không mặc đầy đủ bảo hộ lao động; 7% sinh viên đi học muộn và nghỉ không lý do, 3% lớp học chưa thực hiện tốt công tác 5S trong các giờ học.

- Năm học 2023-2024 có 4,0% giáo án của giảng viên một số chưa ghi chi tiết các hoạt động dạy và học; 3,5% số giáo án ghi phần rút kinh nghiệm sơ sài; 7% sau khi kết thúc MH/MĐ GV vào điểm sổ lên lớp muộn; 4,8% sinh viên không mặc đầy đủ bảo hộ lao động; 9% sinh viên đi học muộn và nghỉ không lý do, 3% lớp học chưa thực hiện tốt công tác 5S trong các giờ học.

- Tính đến tháng 12 năm học 2024-2025: theo thống kê chưa tạm thời đến thời điểm kiểm tra: vẫn còn có 5% giáo án của giảng viên một số chưa ghi chi tiết các hoạt động dạy và học; 3% số giáo án ghi phần rút kinh nghiệm sơ sài; 5% sau khi kết thúc MH/MĐ GV vào điểm sổ lên lớp muộn; 10% sinh viên không mặc đầy đủ bảo hộ lao động (do chưa phát kịp thời trang phục bảo hộ); 10% sinh viên đi học muộn và nghỉ không lý do, 4% lớp học chưa thực hiện tốt công tác 5S trong các giờ học (Chủ yếu rơi vào các lớp khóa mới khi chưa ổn định, đầu năm học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 2.3: *Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, phòng Đào tạo chủ trì phối hợp cùng các khoa chuyên môn xây dựng Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo cho chung toàn trường được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt (**2.2.02** - Kế hoạch đào tạo khóa học 2021-2024, 2022-2025, 2023-2026, 2024-2027; **2.2.03** - Tiến độ giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025) sau khi có kế hoạch và tiến độ Khoa căn cứ vào chuyên môn, nhiệm vụ của từng giảng viên mà xây dựng kế hoạch giảng viên theo từng học kỳ. Thời khóa biểu hàng tuần được lập và lưu trữ tại Khoa - phòng Đào tạo. Giảng viên tham gia giảng dạy đúng theo thời khóa biểu đã được lãnh đạo nhà trường ký duyệt (**2.2.04** - Kế hoạch giảng viên theo học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; **2.2.05** - Thời khóa biểu theo tuần học của năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017; Thông

tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (**2.2.07- Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế**); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (**2.2.08- Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2021, Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022, về việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun; Quyết định số 233/QĐ-CĐCN ngày 17/5/2023, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun kèm theo Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/08/2022**).

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của trường được ban hành tại Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 37, 128 tín chỉ trong chương trình. Đã thể hiện rõ mỗi môn học, mô đun đều có hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập của các môn học, mô đun, các phương pháp dạy học kết hợp trang bị kiến thức chuyên môn với thực hành tay nghề cuối khóa. Sinh viên có mô đun Đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp để phát huy tính sáng tạo, chủ động của người học. Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ ô tô tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 35, 122 tín chỉ áp dụng từ năm học 2022-2023 (**2.3.01 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo năm 2019, 2022**).

Tổ thanh, kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất bằng nhiều phương pháp như giám sát giờ dạy và học theo thời khóa biểu, dự giờ, kiểm tra hồ sơ giáo viên... Ngoài ra khoa Công nghệ ô tô hàng năm xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch dự giờ tại các biên bản dự giờ, phiếu đánh giá giờ giảng và báo cáo kết quả dự giờ của khoa cũng cho thấy: các giáo viên có đầy đủ hồ sơ giáo án, sổ lên lớp... giáo viên đã sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với các môn học, mô đun có sự kết hợp giữa trang bị kiến thức với kỹ năng thực hành, sử dụng các phương pháp phát huy tích cực của sinh viên như mô phỏng, chia nhóm thực hành, thảo luận nhóm, làm bài tập thực hành (**2.2.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.3.02 - Biên bản dự giờ các môn học của khoa năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.03 - Các phiếu đánh giá giờ giảng các năm học 2021, 2022, 2023, 2024; 2.3.04 - Báo cáo kết quả dự giờ, kế hoạch khắc phục khoa năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.2.09 - Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề Công nghệ ô tô năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025**)

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, hội nhập khu vực và thế giới, hàng năm nhà trường đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, các phần mềm hỗ trợ dạy học... để hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học (**2.3.05 - Danh sách các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy**

tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector...). Đối với nghề Công nghệ ô tô nhà trường đã đầu tư mua các phần mềm và ban hành quy định sử dụng tại các *Quyết định số 30/QĐ-CĐCN ngày 28/01/2019; Quyết định số 50/QĐ-CĐCN ngày 29/01/2020* hiện đang sử dụng 05 phần mềm chuyên dụng và các video mô tả để giảng dạy. Các phần mềm được các giáo viên sử dụng hiệu quả (**2.3.06** - *Phần mềm Matlab; ZEN-SOFT01-V411; CX-Programmer; Phần mềm MultiSIM; Phần mềm Eagle; Proteus, Eplan; Tia Portal V142; Các video mô tả hoạt động của động cơ, máy...*).

Đối với chương trình đào tạo năm 2019

Bảng thống kê các phần mềm ứng dụng trong đào tạo các môn học mô đun thuộc chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô ban hành năm 2019 như sau:

(Có bảng thống kê chi tiết kèm theo)

- Số phần mềm được đưa vào phục vụ đào tạo: 21 phần mềm;
- Số môn học, mô đun chuyên môn nghề đã thực hiện ứng dụng phần mềm trong đào tạo: 21/24 môn học, mô đun (87,5%); Nếu không tính mô đun thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp và mô đun học tập tại doanh nghiệp tỉ lệ các môn học, mô đun ứng dụng phần mềm mô phỏng đạt 100%

Đối với chương trình đào tạo năm 2022

Bảng thống kê các phần mềm ứng dụng trong đào tạo các môn học mô đun thuộc chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô ban hành năm 2022 như sau:

(Có bảng thống kê chi tiết kèm theo)

- Số phần mềm được đưa vào phục vụ đào tạo: 21 phần mềm;
- Số môn học, mô đun chuyên môn nghề đã thực hiện ứng dụng phần mềm trong đào tạo: 21/23 môn học, mô đun (91,3%); Nếu không tính mô đun thực tập tốt nghiệp, tỉ lệ các môn học, mô đun ứng dụng phần mềm mô phỏng đạt 100%

Ngoài các phần mềm được trang bị riêng còn có các phần mềm dùng chung với nhà trường như Phần mềm quản lý đào tạo, Thư viện số (**2.3.07** - *Phần mềm quản lý và lưu trữ dữ liệu đào tạo; Phần mềm quản lý thư viện*). *Thư viện số đầy đủ chương trình, giáo trình nghề Công nghệ ô tô được kết nối với trang Web của trường tại địa chỉ <https://bci.edu.vn>; 2.3.08* - *Báo cáo các phần mềm sử dụng trong công tác đào tạo*). Đã phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động và khả năng làm việc độc lập của người học cũng như tổ chức làm việc theo nhóm, phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực tế. Ứng dụng các phần mềm trong dạy và học tỉ lệ đánh giá tốt và rất tốt các năm khảo sát đều đạt từ 90% trở lên còn lại là trung bình (**2.3.09** - *Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 2.4: *Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người*

học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện chương trình đào tạo đối với các mô đun đi thực tập tại doanh nghiệp để học sinh nâng cao trình độ kỹ năng nghề, đáp ứng chuẩn đầu ra cũng như đáp ứng các yêu cầu của nguồn nhân lực chất lượng cao. Hàng năm, nhà trường đã ký nhiều hợp đồng với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đi thực tập (**2.4.01**- Các hợp đồng, biên bản ghi nhớ với Công ty điện tử Samsung Việt Nam, Công ty TNHH Sanwa Việt Nam, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Tập đoàn khoa học kỹ thuật Hồng Hải, Công ty TNHH ABB, Công ty TNHH Goertek Vina, Công ty TNHH Điện tử LG Hải Phòng...)

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo cụ thể của các lớp, hợp đồng với các doanh nghiệp phòng Đào tạo lập kế hoạch đưa các lớp đi thực tập tại doanh nghiệp gồm các nội dung lớp, địa điểm, thời gian thực tập, yêu cầu nội dung viết báo cáo thực tập (**2.4.02** - Kế hoạch thực tập năm 2021, 2022, 2023, 2023; **2.2.02** - Kế hoạch đào tạo khóa học 2021-2024, 2022-2025, 2023-2026, 2024-2027; **2.2.03** - Tiến độ giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)

Trên cơ sở các kế hoạch được lập, phòng Đào tạo lập các Quyết định trình lãnh đạo nhà trường ký phê duyệt đi thực tập tại các doanh nghiệp, thời gian thực tập hệ cao đẳng trên 450 giờ và các bài tập thực hành ứng dụng với 600 thực hành tại doanh nghiệp như tại các Quyết định cử sinh viên các lớp cao đẳng Công nghệ ô tô (**2.4.03** - Các quyết định cử sinh viên lớp Công nghệ ô tô đi thực tập sản xuất tại các cơ sở hàng năm).

Để quá trình thực tập của sinh viên hiệu quả kịp thời trao đổi các nội dung phát sinh, đồng thời giáo viên cũng được tiếp cận với những công nghệ mới tại các doanh nghiệp. Nhà trường đã cử các giáo viên tham gia quản lý, hướng dẫn sinh viên viết báo cáo thực tập (**2.4.04** - Các quyết định cử giáo viên quản lý hướng dẫn sinh viên đi thực tập sản xuất tại các cơ sở hàng năm).

Kết thúc đợt thực tập, mỗi sinh viên có phiếu nhận xét của doanh nghiệp nơi đến thực tập, đánh giá kết quả học tập với 4 nội dung chính và thang điểm đánh giá là thang điểm 10 được các đơn vị thực tập xác nhận và báo cáo kết quả thực tập (**2.4.05** - Mẫu đề cương báo cáo thực tập; **2.4.06** - Báo cáo thực tập sản xuất của học sinh tại các cơ sở có nhận xét của cơ sở tiếp nhận năm 2020,2021,2022; **2.4.07** - Danh sách sinh viên ngành Công nghệ ô tô đã được thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động. Năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025.; **2.4.08** - Danh sách sinh viên đã tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **2.4.09** - Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động). Kết quả thực tập được cựu sinh viên, nhà tuyển dụng đánh giá rất cao kỹ năng, tay nghề của sinh viên các lớp cao đẳng Công nghệ ô tô đã đến doanh nghiệp thực tập. Với tỷ lệ 100% sinh viên được đi thực tập tại các doanh nghiệp, nhà trường đã đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với nghề đào tạo, cụ thể: K10 vào trường năm 2019 ra trường năm 2022 với số SV đi thực tập 30, số SV tốt nghiệp 30; K11 vào trường năm 2020 ra trường 2023 với số SV đi thực tập tốt

ng nghiệp là 25 SV, tốt nghiệp 25 SV; K12 vào trường năm 2021 ra trường 2024 với số SV đi thực tập tốt nghiệp là 31 SV, tốt nghiệp 31 SV

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 02 điểm .

Tiêu chuẩn 2.5: *Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường căn cứ các Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017; Thông tư 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/3/2022 đã xây dựng và ban hành các Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế (**2.2.07** - *Quyết định số 142a/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2017 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế*); Quy chế đào tạo về việc thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun (**2.2.08** - *Quyết định số 205/QĐ-CĐCN, ngày 18/9/2021; Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022, về việc ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun; Quyết định số 233/QĐ-CĐCN ngày 17/5/2023, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun kèm theo Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/08/2022*). Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của trường được ban hành tại Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/9/2019 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 37, 128 tín chỉ. Năm 2022, sau khi rà soát để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp nhà trường ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Công nghệ ô tô tại Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/8/2022 có thời gian đào tạo 2,5 năm với số lượng môn học, mô đun: 35, 122 tín chỉ áp dụng từ năm học 2022-2023 (**2.3.01** - *Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo và chương trình đào tạo kèm theo năm 2019, 2022*).

Căn cứ Thông tư 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017, Trường đã xây dựng và ban hành quy trình in quản lý, sử dụng, mẫu văn bằng chứng chỉ tại các Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp; Quyết định số 288/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2019 Quy định mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, phôi chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo của trường; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022 Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng (**2.5.01** - *Quy định quy trình in, quản lý việc in, bảo quản, bảo mật, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp quản lý việc cấp phát bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng năm 2018, 2019, 2022*).

Trường tổ chức kiểm tra kết thúc mô học mô đun các hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp và thực hành, việc quản lý các đề thi được giao cho phòng Đào tạo quản lý và giám sát quá trình tổ chức thi kiểm tra, khoa tổ chức coi, chấm thi. qua khảo

sát minh chứng và các bài thi nhận thấy việc tổ chức thi kiểm tra đúng theo kế hoạch, thời khóa biểu đã lập (2.5.02 - Hồ sơ kiểm tra kết thúc môn học, mô đun 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Đối với thi tốt nghiệp, Trường lập kế hoạch chi tiết về thời gian, địa điểm như: Kế hoạch số 37/KH-CĐCN ngày 9/10/2019 về Kế hoạch thi tốt nghiệp năm 2019-2020; Kế hoạch số 58/KH-CĐCN ngày 02/11/2020 về Kế hoạch thi tốt nghiệp năm 2020-2021... và tổ chức thi tốt nghiệp các khóa theo đúng các kế hoạch đề ra (2.5.03 - Kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.5.04 - Các Quyết định ban hành và Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện HSSV). Trên cơ sở các kế hoạch Trường thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, Ban thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp, thành lập các ban ra đề thi, coi, chấm thi. Hội đồng thi tốt nghiệp chỉ đạo việc tổ chức thi tốt nghiệp theo đúng quy chế, lập danh sách xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, tổ chức thi tốt nghiệp theo đúng các quy định (2.5.05 - Hồ sơ thi tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022; Bài thi và phiếu chấm thi tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022).

Sau khi tổ chức thi tốt nghiệp, xét kết quả thi và các điều kiện trên cơ sở các biên bản xét và theo đề nghị của Hội đồng. Nhà trường ra Quyết định công nhận kết quả và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên, tổ chức lễ tốt nghiệp và trao bằng cho các em sinh viên kết hợp với giới thiệu việc làm cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh (2.5.06 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp 2021, 2022, 2023, 2024).

Đối với đào tạo theo tích lũy mô đun, Trường xây dựng kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp, thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp, Ban thư ký Hội đồng xét tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp chỉ đạo việc tổ chức xét tốt nghiệp theo đúng quy chế: Lập danh sách xét điều kiện xét tốt nghiệp, tổ chức xét tốt nghiệp, ra quyết định công nhận tốt nghiệp, tổ chức trao bằng theo đúng các quy định (2.5.07 - Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, xét tốt nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; Biên bản họp xét đủ điều kiện tốt nghiệp; Bảng tổng hợp kết quả học tập từng học kỳ, năm học, khoá học và các biên bản họp xét kết quả học kỳ; Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp 2022, 2023, 2024).

Để giám sát quá trình kiểm tra kết thúc môn học mô đun, tổ chức thi tốt nghiệp các kỳ thi Trường có các quyết định thành lập tổ thanh tra công tác đào tạo, thành lập Ban giám sát thi tốt nghiệp và giám sát thi tốt nghiệp các kỳ thi tốt nghiệp diễn ra an toàn đúng quy định, trong các kỳ thi các năm qua không để xảy ra các vi phạm về quy chế thi, kiểm tra (2.5.08 - Quyết định 184/QĐ-CĐCN ngày 30/10/2017 Quy định về công tác kiểm tra giám sát của trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh; 2.2.13 - Các biên bản và báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Việc cấp phát văn bằng được thực hiện theo đúng các Quy chế nhà trường đã ban hành tại các Quyết định số 145/QĐ-CĐCN ngày 02/5/2018; Quyết định số 288/QĐ-CĐCN ngày 02/10/2019; Quyết định số 319/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022, đảm bảo công tác lưu trữ theo đúng quy định, thực hiện công tác kiểm tra tình hình quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ (2.5.09 - Sổ gốc cấp bằng tốt nghiệp hệ Cao đẳng, Trung cấp 2021,

2022, 2023, 2024). Hàng năm Trường thực hiện công tác báo cáo về tình hình cấp phát văn bằng chứng chỉ hàng năm như Báo cáo số 22/CĐCN-ĐT ngày 19/2/2020; Báo cáo số 11/CĐCN-ĐT ngày 3/2/2021... gửi Sở Lao động TB& XH tỉnh Bắc Ninh theo quy định (2.5.10 - Báo cáo tình hình thực hiện in phôi, sử dụng phôi bằng tốt nghiệp hệ Cao đẳng, Trung cấp bản chính, bản sao năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình thực hiện hoạt động dạy và học, Nhà Trường đã có nhiều hình thức kiểm tra. Khoa đã chủ động kiểm tra, ký duyệt hồ sơ, giáo án cho giáo viên trước khi lên lớp, tổ chức dự giờ thường xuyên, đột xuất đối với giáo viên trong khoa; Trường thành lập các tổ thanh kiểm tra đào tạo; Tổ khảo thí và đảm bảo chất lượng trực thuộc phòng Đào tạo tại Quyết định số 96/QĐ-CĐCN ngày 23/3/2022 (2.2.11 - Các Quyết định thành lập tổ thanh, kiểm tra công tác đào tạo 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Thực hiện các quyết định, hàng năm các tổ thanh kiểm tra đã chủ động lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra theo đúng kế hoạch (2.2.12- Kế hoạch kiểm tra đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Kết quả kiểm tra chi tiết đối với giáo viên được lập báo cáo kiểm tra khoa đầy đủ, về cơ bản qua công tác kiểm tra đều đánh giá việc tổ chức giảng dạy đúng kế hoạch, tiến độ, hồ sơ đầy đủ, cấp phát vật tư đầy đủ theo quy định. Công tác kiểm tra giám sát, đã đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo thường xuyên và đảm bảo hiệu quả thông qua các hoạt động theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng chương trình đào tạo từng ngành nghề nói chung, ngành Công nghệ ô tô nói riêng (2.2.13 - Các biên bản và báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2021, 2022, 2023, 2023).

Kết quả kiểm tra được ghi trong các biên bản, được nêu trong các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng của Khoa và Trường để kịp thời khắc phục và điều chỉnh, đưa ra các giải pháp khắc phục tại các báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm, báo cáo tổng kết năm học như tại các Báo cáo số 39/BC-CĐCN ngày 12/12/2019; Báo cáo số 27/BC-CĐCN ngày 11/12/2020; Báo cáo số 51/BC-CĐCN ngày 14/12/2021... Trên cơ sở đó các khoa chuyên môn lập các kế hoạch khắc phục và điều chỉnh cho phù hợp như điều chỉnh về hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo kép, đào tạo song hành, bố trí nhiều thời gian cho sinh viên các lớp Công nghệ ô tô đi thực tập tại doanh nghiệp (2.6.01 - Các Biên bản dự giờ, thanh kiểm tra đào tạo năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.2.05 - Báo cáo tổng kết công tác GDNN năm 2021, 2022, 2023, 2024; 2.6.02 - Sổ giao ban; 2.2.13 - Các biên bản và báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Hàng năm, Trường tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên và người học về nâng cao chất lượng đào tạo. Thể hiện ở các biên bản họp khoa, văn bản đề nghị

và các Báo cáo kết quả khảo sát đối với giáo viên và sinh viên như Báo cáo số 11/BC-CĐCN ngày 06/07/2020; Báo cáo số 28/BC-CĐCN ngày 08/07/2021; Báo cáo số 24/BC-CĐCN, ngày 20/06/2022... với 24 nội dung được khảo sát cụ thể trong đó nội dung khảo sát tại chỉ số 14: Sự hài lòng chất lượng giáo dục dịch vụ, nội dung 45: Chương trình đào tạo phù hợp, sát thực tiễn, đáp ứng nhu cầu người học, số khảo sát rất tốt năm 2021 là 33,3%, tốt là 62,5%, năm 2022 đã tăng rất tốt là 52,5%, tốt là 44,1%. Tại nội dung 46: Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, số khảo sát rất tốt năm 2021 là 22,9%, tốt là 72,9% , năm 2022 đã tăng rất tốt là 52,5%, tốt là 44,9% bình (2.6.04 - Phiếu khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát các năm 2022, 2023, 2024; 2.6.05 - Biên bản đóng góp ý kiến của Phòng Khoa về công tác thi kiểm tra, rèn luyện) qua đó chứng tỏ rằng Trường qua công tác thanh, kiểm tra đã sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất được thể hiện qua kết quả thanh kiểm tra hoạt động dạy và học hành năm, cụ thể: Kết quả kiểm tra công tác giảng dạy nghề Công nghệ ô tô cho thấy đa phần các giảng viên thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, tiến độ và thời khóa biểu; Còn một số ít GV cập nhật các thông tin trên sổ tay giáo viên, sổ lên lớp và giáo án chưa đúng quy định..., cụ thể:

(Được nêu rất rõ trong tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2)

Thể hiện qua các giải thưởng mà giáo viên đạt được trong Hội giảng các cấp, Hội thi thiết bị tự làm các cấp, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài được nghiệm thu và ứng dụng, cụ thể:

Năm học 2021-2022:

- Nhà giáo Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Quốc Hiệp, Lê Đức Tùng Đạt giải nhất Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm cấp trường với sản phẩm “ Mô hình thực hành Ô tô động cơ xăng truyền động cầu sau” (QĐ số 222/QĐ-CĐCN, ngày 17/6/2022)

- Nhà giáo Võ Văn Hùng, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Quốc Hiệp, Lê Đức Tùng, Nguyễn Văn Hiệu Đạt giải nhì trong Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh với sản phẩm “ Mô hình thực hành Ô tô động cơ xăng” (QĐ số 152/QĐ-CĐCN, ngày 23/6/2022 của Giám đốc Sở lao động TB&XH)

- Nhà giáo Võ Văn Hùng, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Quốc Hiệp, Lê Đức Tùng, Nguyễn Văn Hiệu Đạt giải Khuyến khích trong Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc với sản phẩm “ Mô hình thực hành Ô tô động cơ xăng” (QĐ số 594/QĐ-LĐTBXH, ngày 14/10/2022)

Thể hiện qua kết quả Hội giảng năm sau cao hơn năm trước, cụ thể:

- Nhà giáo Nguyễn Văn Hạnh đạt giải nhất trong Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường (QĐ số 492/QĐ-CĐCN, ngày 15/11/2022)

- Nhà giáo Nguyễn Văn Hiệu đạt giải ba Thi thiết kế bài giảng trực tuyến trên hệ thống LCMS tại Hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường; (QĐ số 492/QĐ-CĐCN, ngày 15/11/2022)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã đăng ký và Tổng cục GDNN cấp giấy phép đào tạo trong đó có nghề Công nghệ ô tô với quy mô 60 sinh viên hệ cao đẳng, 25 trung cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 175/2017/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 23/6/2017 của Tổng cục GDNN (**2.1.01** - *Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 175a/2017/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 25/8/2017*).

Đề tổ chức công tác đào tạo liên thông trên cơ sở Thông tư số 27/2017/TT-BLĐT BXH ngày 21/9/2017 của Bộ Lao động TB&XH, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ tại Quyết định số 204/QĐ-CĐCN ngày 30/07/2019 (**2.7.01** - *Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ tại trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh*).

Năm trường đã xây dựng và ban hành chương trình đào tạo trong đó có nghề Công nghệ ô tô Quyết định số 75/QĐ-CĐCN ngày 07/03/2019; Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 và Chương trình đào tạo liên thông có nghề Công nghệ ô tô tại Quyết định số 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 (**2.3.01** - *Quyết định số 75/QĐ-CĐCN ngày 07/03/2019 Ban hành chương trình đào tạo năm 2019; Quyết định số 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 Ban hành chương trình đào tạo liên thông; Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm học 2019-2020; Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22/08/2022 ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2022; Quyết định số 481/QĐ-CĐCN ngày 07/11/2022 Ban hành chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng năm*).

Trường đã xây dựng và ban hành quy định về chuyển đổi tại Quyết định số 230/QĐ-CĐCN ngày 12/8/2019 về việc Quy định xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo liên thông giữa các trình độ của trường (**2.7.02** - *Quyết định và Quy định kèm theo về việc xét công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo liên thông; 2.7.03* - *Các quyết định xét công nhận giá trị chuyển đổi các môn học, mô đun của người học các nghề đào tạo liên thông; 2.7.04*- *Báo cáo rà soát, so sánh khối lượng kiến thức, kỹ năng giữa trình độ Trung cấp và Cao đẳng của các ngành nghề*). Từ năm 2020 - 2023, Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh toàn trường hàng năm (bao gồm có chỉ tiêu tuyển sinh liên thông); Thông báo công khai các thông tin về ngành nghề tuyển sinh liên thông, kế hoạch đào tạo và bằng cấp sau khi tốt nghiệp (**2.1.04** - *Các Thông báo tuyển sinh các năm , 2022, 2023; 2.7.05* - *Hồ sơ đăng ký xét tuyển các năm 2022, 2023, 2024*)

Trên cơ sở các hồ sơ đăng ký Hội đồng tuyển sinh xét tuyển chung các chỉ tiêu liên thông nằm trong quy mô đào tạo được cấp phép của nghề Công nghệ ô tô; tuy nhiên sinh viên có nguyện vọng học liên thông nghề Công nghệ ô tô ít (**2.1.08** - *Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh các năm , 2022, 2023; 2.7.06* - *Quyết định công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển năm, 2021; 2.7.07* - *Quyết định 381/QĐ-CĐCN ngày 12/12/2019 biên chế lớp cho các sinh viên trình độ cao đẳng tuyển sinh năm 2019; Quyết định*

342/QĐ-CĐCN ngày 16/10/2021 về việc Biên chế lớp cho các SV hệ liên thông trình độ Cao đẳng khóa TS năm 2021; ...).

Trường lập kế hoạch - tiến độ đào tạo và thực hiện công tác đào tạo liên thông theo đúng hướng dẫn đào tạo liên thông của trường. Đảm bảo đúng quy định gồm kế hoạch giáo viên, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu, hồ sơ giảng dạy và hồ sơ thi thực hiện đúng theo thời khóa biểu (2.7.08 - Kế hoạch xây dựng và thực hiện công tác đào tạo liên thông; 2.7.09 - Sổ lên lớp, giáo án, sổ tay nhà giáo đào tạo liên thông năm học 2022-2023, 2023-2024).

Thực hiện đúng các quy định khi đào tạo Trường đã gửi Báo cáo 30/BC-CĐCN ngày 16/8 /2019; Báo cáo 01/BC-CĐCN ngày 05/01 /2021 về việc đào tạo liên thông của trường tới Tổng cục GDNN và Sở Lao động TB&XH tỉnh Bắc Ninh (2.7.10 - Các Báo cáo hoạt động đào tạo liên thông 2022, 2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 02 điểm.

2.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Đảng ủy, Ban giám hiệu (BGH) trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh luôn xác định đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động là yếu tố quan trọng quyết định đến sự phát triển của nhà trường cũng như quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường. Ngành Công nghệ ô tô là một trong những ngành nghề trọng điểm được nhà trường đặc biệt quan tâm chú trọng về mọi mặt trong đó có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

Trên cơ sở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của đơn vị, nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giáo viên ngành Công nghệ ô tô theo hướng đảm bảo về số lượng, nâng cao về chất lượng.

Hiện nay, chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô có sự tham gia của 06 cán bộ, giáo viên (100% giáo viên cơ hữu). Trong đó 100% giáo viên đảm bảo chuẩn nhà giáo giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - TBXH về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

*** Những điểm mạnh:**

- Đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định và hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao;

- CTĐT có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định;

- Hàng năm, các nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn nghề CNOTO tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm;

- 100% nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng và đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

*** Những tồn tại:** Không có.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục cử cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 3.1	02
Tiêu chuẩn 3.2	02
Tiêu chuẩn 3.3	02
Tiêu chuẩn 3.4	02
Tiêu chuẩn 3.5	02
Tiêu chuẩn 3.6	02
Tiêu chuẩn 3.7	02
Tiêu chuẩn 3.8	02

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Môn học GDQP và An ninh do nhà giáo thuộc Trung tâm GDQP và An ninh thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giảng dạy theo Hợp đồng đào tạo (3.1.01 - Bộ hợp đồng đào tạo môn Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2021,2022, 2023, 2024). Môn học Tin học năm 2022, Nhà trường và Trung tâm tin học ngoại ngữ thuộc Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh tổ chức thực hiện (3.1.02 - Kế hoạch, Thông báo, Hợp đồng về tổ chức thi tin học cơ bản cho sinh viên năm 2022)

Đội ngũ nhà giáo của Trường tham gia giảng dạy CTĐT nghề CNOTO trình độ cao đẳng 3 năm gần đây như sau:

Năm học	Tổng số	GV dạy các môn chung	GV giảng dạy chuyên môn nghề	Ghi chú
2021-2022	12	06	06	0 GV kiêm nhiệm
2022-2023	10	04	06	0 GV kiêm nhiệm
2023-2024	14	06	08	0 GV kiêm nhiệm

(3.1.03- Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNOTO năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.04 - Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.09 - Sổ lên lớp, Giáo án giảng dạy, Sổ tay nhà giáo nghề CNOTO năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Kiểm tra hồ sơ quản lý nhà giáo cho thấy trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các nhà giáo dạy nghề CNOTO của Trường trong các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 như sau:

* Năm học 2021-2022: Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 12 trong đó: 06 nhà giáo dạy các môn chung; 06 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề. (Trong số 06 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề có 06 GV giảng dạy tích hợp các môn học/mô đun chuyên môn nghề). Tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT đều có thâm niên giảng dạy trên 03 năm.

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 08 người; Đại học: 04 người; 100% các nhà giáo trên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với các môn học/mô đun được phân công giảng dạy cho CTĐT.

- Về kỹ năng nghề của 06 nhà giáo giảng dạy tích hợp, thực hành các môn học/mô đun nghề: 06 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 nghề công nghệ ô tô.

- Về nghiệp vụ sư phạm: 02 người có trình độ ĐHSP, 05 người có trình độ CĐCPKT, 05 người có trình độ SPDN.

- Ngoại ngữ: 01 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 04 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 07 người có chứng chỉ B (bậc 2).

- Tin học: 12 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản.

* Năm học 2022-2023: Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 10 trong đó: 04 nhà giáo dạy các môn chung; 06 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề. (Trong số 06 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề có 06 GV giảng dạy tích hợp các môn học/mô đun chuyên môn nghề). Tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT đều có thâm niên giảng dạy trên 03 năm.

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 08 người; Đại học: 02 người; 100% các nhà giáo trên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với các môn học/mô đun được phân công giảng dạy cho CTĐT.

- Về kỹ năng nghề của 06 nhà giáo giảng dạy tích hợp, thực hành các môn học/mô đun nghề: 06 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 nghề công nghệ ô tô.

- Về nghiệp vụ sư phạm: 01 người có trình độ ĐHSP, 05 người có trình độ CĐCPKT, 04 người có trình độ SPDN.

- Ngoại ngữ: 01 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 04 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 05 người có chứng chỉ B (bậc 2).

- Tin học: 10 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản.

* Năm học 2023-2024: Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy là 14 trong đó: 06 nhà giáo dạy các môn chung; 08 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề. (Trong số 08 nhà giáo giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn nghề có 06 GV giảng dạy tích hợp các môn học/mô đun chuyên môn nghề). Tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT đều có thâm niên giảng dạy trên 01 năm.

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 09 người; Đại học: 05 người; 100% các nhà giáo trên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với các môn học/mô đun được phân công giảng dạy cho CTĐT.

- Về kỹ năng nghề của 08 nhà giáo giảng dạy tích hợp, thực hành các môn học/mô đun nghề: 06 người có Chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 nghề công nghệ ô tô.

- Về nghiệp vụ sư phạm: 01 người có trình độ ĐHSP, 12 người có trình độ SPDN; 01 người có trình độ NVSP.

- Ngoại ngữ: 02 người có trình độ Đại học Anh ngữ; 04 người có chứng chỉ Anh ngữ B1 (bậc 3); 08 người có chứng chỉ B (bậc 2).

- Tin học: 02 người có trình độ Đại học; 01 người có chứng chỉ B; 11 người có chứng chỉ Tin học ứng dụng CNTT cơ bản.

(3.1.04 - Hồ sơ quản lý nhà giáo giảng dạy nghề CNOTO trình độ cao đẳng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Đối chiếu theo quy định tại Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐT BXH thì 100% nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo CNOTO trình độ cao đẳng của Trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Hàng năm, nhà Trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo toàn trường nói chung và nhà giáo giảng dạy nghề CNOTO nói riêng nhằm lấy ý kiến khách quan để có cơ sở đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo.

Có 04 mức đánh giá: 1. Rất tốt. 2. Tốt. 3. Trung bình. 4. Không tốt.

Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% đối tượng khảo sát đánh giá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo nghề CNOTO đạt loại tốt trở lên *(2.3.09 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)*

Hàng năm, Trường đánh giá tổng kết công tác đào tạo có nội dung đánh giá về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo toàn trường trong đó đội ngũ nhà giáo giảng dạy nghề CNOTO đảm bảo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. *(1.2.05 - Báo cáo tổng kết công tác GDNN năm 2021, 2022, 2023, 2024).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.2: *Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhiệm vụ đối với nhà giáo của Trường được quy định tại văn bản quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành theo Quyết định số 29/QĐ-CĐCN ngày 28/01/2019 của Hiệu trưởng Nhà trường. Tại văn bản trên Nhà trường đã quy định giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng, nhiệm vụ của giáo viên, thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm, chế độ làm việc, chế độ dạy thêm, giảm giờ giảng và quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn, trong đó tại Điều 5 “*Định mức giờ giảng*” quy định định mức giờ giảng trong một năm học: là 450 giờ chuẩn đối với nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, 510 giờ chuẩn đối với nhà giáo giảng dạy các môn chung trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp *(3.2.01 - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành năm 2021, 2022, 2023, 2024).*

Căn cứ các quy định trên hàng năm Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhà giáo giảng dạy từng môn học/mô đun cho từng lớp *(2.2.04 - Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).* Kết thúc mỗi năm học Nhà trường đã tổng hợp khối lượng công tác để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được

giao của từng cá nhân, tập thể trên cơ sở đó để bình xét thi đua, đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Thông qua kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, kết quả bình xét thi đua hàng năm cho thấy mức độ hoàn thành các nhiệm vụ của các nhà giáo.

Tổng số nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO trình độ cao đẳng các năm học 2021-2022 là 12 người; 2022-2023 là 10 người; năm học 2023-2024 là 14 người (3.1.03 Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNOTO năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các nhà giáo được thể hiện qua kết quả bình xét thi đua, kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo và kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức hàng năm cụ thể:

- Về kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo:

Nhà trường đã đánh giá, xếp loại nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024. Kết quả đánh giá, xếp loại được thể hiện qua Báo cáo số 28/BC-CĐCN ngày 23/8/2021; số 37/BC-CĐCN ngày 20/8/2022; Báo cáo số 19/BC-CĐCN ngày 14/7/2023; Báo cáo số 45/BC-CĐCN ngày 29/6/2024.

Theo đó kết quả đánh giá, xếp loại, nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO trình độ cao đẳng đạt được như sau:

Năm học	Số lượng		Kết quả đánh giá phân loại				Ghi chú
	Tổng	Tham gia đánh giá	Loại A	Loại B	Loại C	Không đạt	
2021-2022	12	12	12	0	0	0	BC số 37/BC-CĐCN ngày 20/8/2022
2022-2023	10	10	10	0	0	0	BC số 19/BC-CĐCN ngày 14/7/2023
2023-2024	14	13	13	0	0	0	Báo cáo số 45/BC-CĐCN ngày 29/6/2024

(3.2.02 - Các Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn, nghiệp vụ các năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024;).

- Về kết quả bình xét thi đua hàng năm:

Quyết định số 556/QĐ-CĐCN ngày 14/12/2022; Quyết định số 637/QĐ-CĐCN ngày 29/12/2023; Biên bản số 76/BB-CĐCN ngày 18/11/2024 kết quả bình xét thi đua các năm thể hiện sau:

Năm học	Số lượng nhà giáo		Kết quả xếp loại thi đua			Ghi chú
	Tổng	Tham gia xét	CSTĐCS	LĐTT	Không đạt LĐTT	
2022	12	12	01	11	0	QĐ số 556/QĐ-CĐCN ngày 14/12/2022

2023	10	10	01	09	0	Quyết định số 637/QĐ-CĐCN ngày 29/12/2023
2024	14	13	01	12	0	Biên bản số 76/BB-CĐCN ngày 18/11/2024

(1.2.07 - Các Quyết định thi đua, khen thưởng của trường năm 2022, 2023, 2024)

- Về kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, lao động hàng năm:

Theo Thông báo số 141/TB-CĐCN ngày 28/11/2022; số 108/TB-CĐCN ngày 01/12/2023; Biên bản số 76/BB-CĐCN ngày 18/11/2024 cho thấy kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức hàng năm thể hiện như sau:

Năm	Số lượng nhà giáo		Kết quả đánh giá, xếp loại				Ghi chú
	Tổng	Tham gia đánh giá	HTSX NV	HTT NV	HT NV	Không HTNV	
2022	12	12	04	08	0	0	TB số 141/TB-CĐCN ngày 28/11/2022
2023	10	10	04	06	0	0	TB số 108/TB-CĐCN ngày 01/12/2023
2024	14	13	04	09	0	0	Biên bản số 77/BB-HĐTĐKT ngày 18/11/2024

(3.2.03 – Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại CBVCLĐ năm 2021, 2022, 2023).

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhà giáo còn được Nhà trường và các cơ quan Nhà nước ghi nhận cụ thể:

- Năm học 2021-2022: 01 cá nhân được công nhận danh hiệu CSTĐCS (Nguyễn Văn Hiệu); 01 cá nhân được tặng Giấy khen của Trường của Hiệu trưởng (Lê Đức Tùng); Mô hình thực hành ô tô sử dụng động cơ xăng của thầy Võ Văn Hùng, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Quốc Hiệp, Lê Đức Tùng, Nguyễn Văn Hiệu đạt giải nhì tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2022.

- Năm học 2022-2023: Có 01 cá nhân đạt Giấy chứng nhận danh hiệu giáo viên giỏi cấp trường (Nguyễn Văn Hạnh); 02 GV đạt giải trong Thi thiết kế bài giảng trực tuyến trên hệ thống LCMS (Nguyễn Văn Hiệu, Nguyễn Quốc Hiệp) 01 giảng viên đạt danh hiệu CS TĐCS (Nguyễn Văn Hạnh); nhóm tác giả Mô hình thực hành ô tô sử dụng động cơ xăng của thầy Võ Văn Hùng, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Quốc Hiệp, Lê Đức Tùng, Nguyễn Văn Hiệu đạt giải khuyến khích tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2022; 02 thầy đạt giải tại Hội thi thiết kế bài giảng trực tuyến trên hệ thống LCMS năm 2022 (thầy Nguyễn Văn Hạnh đạt giải nhất, thầy Nguyễn Văn Hiệu đạt giải ba); 01 cá nhân được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng (Nguyễn Quốc Hiệp).

- Năm học 2023-2024: 02 cá nhân đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở (Nguyễn Văn hiệu, Nguyễn Văn Hạnh); 01 cá nhân được tặng Giấy khen của Hiệu trưởng; tập thể khoa đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”.

... (1.2.08 – Bằng khen, giấy khen cá nhân, tập thể của các cấp của khoa Công nghệ ô tô năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Báo cáo tổng kết của khoa, báo cáo tổng kết của trường cho thấy khoa Công nghệ ô tô và các khoa liên quan hàng năm đã hoàn thành nhiệm vụ được giao (1.2.05 - Báo cáo tổng kết công tác GDNN năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.2.06 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa CNOTO năm 2022, 2023, 2024)

Như vậy hàng năm các nhà giáo tham gia giảng CNOTO trình độ cao đẳng đều hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô - đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

- Việc bố trí nhà giáo đứng lớp cho các mô-đun, môn học thuộc CTĐT của trường: Chương trình ban hành năm 2017, 2019, 2022 thời gian đào tạo trong 2,5 năm (1.1.01 - Chương trình đào tạo ngành CNOTO năm 2017; 2019, 2022)

Số lớp nghề CNOTO trình độ cao đẳng qua các năm học thể hiện ở bảng sau:

Năm học	Lớp	Sĩ số	Quyết định thành lập số
2021-2022	CNOTO CĐK10A1	29	298/QĐ-CĐCN ngày 16/10/2020
	CNOTO CĐK10A2	27	
	CNOTO CĐK11A1	36	298/QĐ-CĐCN ngày 16/10/2020
	CNOTO CĐK11A2	36	
	CNOTO CĐK12A1	34	377/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2021
	CNOTO CĐK12A2	34	
2022-2023	CNOTO CĐK11A1	36	298/QĐ-CĐCN ngày 16/10/2020
	CNOTO CĐK11A2	36	
	CNOTO CĐK12A1	34	377/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2021
	CNOTO CĐK12A2	34	
	CNOTO CĐK13A1	36	437/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022
	CNOTO CĐK13A2	35	
2023-2024	CNOTO CĐK12A1	34	377/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2021
	CNOTO CĐK12A2	34	
	CNOTO CĐK13A1	36	437/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022
	CNOTO CĐK13A2	35	
	CNOTO CĐK14A1	31	520/QĐ-CĐCN ngày 19/10/2023
	CNOTO CĐK14A2	31	
	CNOTO CĐK14A3	31	

2024-2025	CNOTO CĐK13A1	36	437/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022
	CNOTO CĐK13A2	35	
	CNOTO CĐK14A1	31	520/QĐ-CĐCN ngày 19/10/2023
	CNOTO CĐK14A2	31	
	CNOTO CĐK14A3	31	
	CNOTO CĐK15A1	29	560/QĐ-CĐCN ngày 05/11/2024
	CNOTO CĐK15A2	29	
	CNOTO CĐK15A3	30	

(3.3.01 - Bảng diễn biến HSSV toàn trường năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.1.11- Các Quyết định Biên chế các lớp Cao đẳng và Trung cấp năm 2021, 2022, 2023, 2024)

Tổng số nhà giáo bao gồm cả nhà giáo giảng dạy các môn học chung, các môn chuyên môn ngành, tham gia giảng dạy nghề CNOTO trình độ cao đẳng các năm học 2021-2022 là 12 người; 2022-2023 là 10 người, năm học 2023-2024: 14 người (3.1.02 - Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNOTO năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Theo số môn học/mô đun của CTĐT, số lớp học, Nhà trường đã phân công GV đứng lớp cho từng năm học (1.2.04 - Bảng phân công nhiệm vụ của khoa Công nghệ ô tô; 2.2.04- Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Trong đó tất cả các môn học/mô đun của CTĐT của các lớp trong các năm học đều được phân công nhà giáo giảng dạy.

- Việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy của các nhà giáo: Trường có quy định định mức giờ giảng của nhà giáo GDNN giảng dạy trình độ cao đẳng, trung cấp là: 450 giờ chuẩn/năm đối với nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, 510 giờ chuẩn/năm đối với nhà giáo giảng dạy các môn chung trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp (3.2.01 - Quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN ban hành năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Kiểm tra bảng tổng hợp giờ giảng, bảng thanh toán vượt giờ cho nhà giáo cho thấy qua các năm học đối với các nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO trình độ cao đẳng không có nhà giáo nào vượt quá 200 giờ (3.3.02 - Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.3.03 - Bảng thanh toán tiền vượt giờ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

- Về số lượng người học/lớp: Theo các QĐ biên chế lớp, trong thời gian từ năm học 2020-2021 đến năm học 2022- 2023 có 14 lớp nghề CNOTO trình độ cao đẳng. Kiểm tra danh sách người học kèm theo QĐ thành lập lớp, sổ lên lớp, sổ giáo án, sổ tay giáo viên kết hợp khảo sát thực tế cho thấy các lớp học lý thuyết là đảm bảo theo quy định. Các lớp thực hành đảm bảo không quá 18 người/lớp. (2.2.09 - Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

- Tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo nghề CNOTO được quy đổi như sau:

TT	Nhà giáo	Số lượng giáo viên			Số giáo viên quy đổi		
		2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024

1	Giáo viên toàn thời gian	06	06	08	06	06	08
2	Giáo viên kiêm nhiệm	0	0	0	0	0	0
3	Giáo viên thỉnh giảng	0	0	0	0	0	0
4	Giáo viên môn chung	06	04	06	1.2	1.1	1.2
	Tổng	12	10	7.1	7.2	7.1	9.2

Thống kê số lượng SV qua các năm học cho thấy tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo của trường như sau (*Trong bảng trên tính thời gian học là 10 tháng/năm học*):

Năm học	Tổng số HSSV	Có mặt đầu năm	Tốt nghiệp đầu năm	Tuyển mới	HSSV quy đổi	Tổng HSSV quy đổi	GV quy đổi	Tỷ lệ HS/GV
2021-2022	196	72	56	68	82.7	154,7	7.2	21.5
2022-2023	211	68	72	71	95.3	163.3	7.1	23
2023-2024	232	139	39	93	98.5	174.6	9.2	18,9

(3.3.04- Bảng quy đổi tỷ lệ người học/giáo viên nghề CNOTO trình độ CD năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Số liệu trên cho thấy tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo của trường là đảm bảo quy định.

Trường đã được thực hiện thường xuyên (**2.2.11 - Các Quyết định thành lập tổ thanh, kiểm tra công tác đào tạo 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.12 Kế hoạch kiểm tra đào tạo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.13 - Các biên bản và báo cáo kết quả thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo các năm 2021, 2022, 2023, 2024**).

Như vậy, Trường đảm bảo đủ nhà giáo đứng lớp, đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.4: *Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Số nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn chuyên môn ngành, nghề của của nghề CNOTO qua các năm học như sau:

Năm học	Tổng số nhà giáo tham gia dạy	Số nhà giáo cơ hữu dạy chuyên môn nghề	Ghi chú
2022-2023	12	06	
2023-2024	10	06	
2024-2025	14	08	

(3.1.03 - Danh sách trích ngang nhà giáo nghề CNOTO năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025).

Trong 3 năm qua, tập thể giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề CNOTO trình độ cao đẳng của trường tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp, cụ thể như sau:

- Về công tác nghiên cứu khoa học

Trong 3 năm qua, tập thể giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên môn nghề CNOTO trình độ cao đẳng của trường tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp, cụ thể như sau:

Năm học 2022: Theo QĐ số 489/QĐ-CĐCN ngày 14/11/2022 có 02 đề tài NCKH: Nhóm tác giả Nguyễn Quốc Hiệp, Võ Văn Hùng với đề tài xây dựng bài giảng số cho mô đun MĐ34-Bảo dưỡng và sửa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô; Nhóm tác giả Võ Văn Hùng, Nguyễn Văn Hạnh, Lê Đức Tùng, Nguyễn Quốc Hiệp, Nguyễn Văn Hiệu với đề tài Mô hình thực hành ô tô sử dụng động cơ xăng.

Năm học 2023: Theo QĐ số 354/QĐ-SLĐTBXH ngày 05/12/2023 có 01 đề tài NCKH: Nhóm tác giả do Nguyễn Văn Hiệu làm chủ biên.

Năm học 2024: Theo QĐ số 559/QĐ-CĐCN ngày 04/11/2024 có 02 đề tài NCKH: Nhóm tác giả do Nguyễn Văn Hạnh và Nguyễn Văn Hiệu làm chủ biên. (3.4.01 Quyết định công nhận các ĐTKH, SKKN các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 3.4.02 - Hồ sơ thuyết minh khoa học năm 2021, 2022, 2023, 2024; 3.4.03 - Các bài báo của đội ngũ Nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO đăng trên các tạp chí khoa học; 3.4.04 - Các luận văn thạc sĩ hoàn thành từ năm 2020 đến năm 2024)

- Về việc tham gia hội thi nhà giáo dạy giỏi:

Năm học 2020 - 2021: Theo QĐ số 355/QĐ-CĐCN ngày 10/11/2020, nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO có 02 người (Nguyễn Quốc Hiệp đạt giải nhì, Nguyễn Văn Hiệu đạt giải ba) tại Hội thi cấp trường năm học 2021-2022.

Theo QĐ số 1281/QĐ-BLĐTBXH ngày 17/11/2020 nhà giáo tham gia nghề CNOTO có 01 người (Thầy Nguyễn Văn Hiệu) đạt giải khuyến khích tại Hội giảng nhà giáo GDNN toàn quốc năm 2021.

Năm học 2022 - 2023: Theo QĐ số 268/QĐ-CĐCN ngày 22/7/2022, nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO có 01 nhà giáo tham gia thi giảng nhà giáo GDNN cấp trường (thầy Nguyễn Văn Hạnh). 02 thầy đạt giải tại Hội thi thiết kế bài giảng trực tuyến trên hệ thống LCMS năm 2022 (thầy Nguyễn Văn Hạnh đạt giải nhất, thầy Nguyễn Văn Hiệu đạt giải ba).

(3.4.05 - Quyết định công nhận kết quả hội giảng nhà giáo GDNN cấp trường năm 2021, 2022, 2023, 2024)

- Về việc các nhà giáo tham gia hội thi thiết bị tự làm các cấp:

+ Năm học 2021-2022: Theo Quyết định số 222/QĐ-CĐCN ngày 17/6/2022 của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh, 01 nhóm tác giả Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Quốc Hiệp, Lê Đức Tùng, Nguyễn Văn Hiệu với Mô hình thực hành ô tô cơ xăng truyền động cầu sau.

Theo Quyết định số 152/QĐ-LĐTBXH ngày 23/6/2022 của Sở LĐTBXH, 01 nhóm tác giả nghề CNOTO tham gia và đạt giải tại hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2022. Mô hình thực hành ô tô sử dụng động cơ xăng của thầy Võ Văn Hùng,

Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Quốc Hiệp, Lê Đức Tùng, Nguyễn Văn Hiệu đạt giải nhì tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh năm 2022.

+ Năm học 2022-2023: Theo Quyết định số 963/QĐ-BLĐT BXH ngày 14/10/2022 của Bộ Lao động - TBXH nhóm tác giả Mô hình thực hành ô tô sử dụng động cơ xăng của thầy Võ Văn Hùng, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Quốc Hiệp, Lê Đức Tùng, Nguyễn Văn Hiệu đạt giải khuyến khích tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2022.

(3.4.06 - Quyết định công nhận kết quả hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp).

Tổng hợp các hoạt động tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp của đội ngũ nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng của trường cụ thể như sau:

Năm học	Số nhà giáo cơ hữu dạy chuyên môn nghề	Số lượt tham gia NCKH	Số lượt tham gia hội thi nhà giáo GDNN	Số lượt Thi TB tự làm	Tổng	Tỷ lệ (%)
2021-2022	06	06	-	09	15	250%
2022-2023	06	05	03	05	13	217%
2023-2024	08	06	-	-	06	75%

Qua số liệu trên cho thấy, hàng năm các nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn nghề đã tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các hội thi thiết bị tự làm, hội thi nhà giáo dạy giỏi cấp trường hàng năm vượt trên 50%.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường xây dựng Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2018 Nhà trường xây dựng quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động kèm theo Quyết định số 21/QĐ-CĐCN ngày 23/01/2018 về việc ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Hàng năm nhà trường tiến hành rà soát lại Quy chế nêu trên. Năm 2023 Nhà trường điều chỉnh lại và ban hành theo Quyết định số 52/QĐ-CĐCN ngày 30/01/2023, Quyết định số 77/QĐ-CĐCN ngày 06/2/2024. **(3.5.01- Quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2022,2023, 2024)** theo đó Quy chế có 6 chương 17 điều trong đó quy định nội dung, hình thức, tổ chức quản lý, trình tự thủ tục, chế độ thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, người lao động của trường.

Hàng năm Nhà trường đã xây dựng đào tạo, kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo của trường trong đó có các nhà giáo tham gia giảng dạy CTĐT Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng cụ thể:

- Về việc xây dựng kế hoạch: Năm 2021: Kế hoạch số 72/KH-CĐCN ngày 25/12/2020; Năm 2022: Kế hoạch số 02/KH-CĐCN ngày 10/01/2022; Năm 2023: Kế

hoạch số 92/KH-CĐCN ngày 26/12/2022; Năm 2024: Năm 2024: Kế hoạch số 67/KH-CĐCN ngày 06/7/2023 trong đó có nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy chương trình CNOTO trình độ cao đẳng nằm trong kế hoạch trên trường (3.5.02- Các Kế hoạch công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023, 2024).

- Về việc tổ chức thực hiện cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đối với nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình CNOTO trình độ cao đẳng trong các năm học qua Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc. Trong đó 100% nhà giáo tham gia đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ... (3.5.03 - Các Quyết định cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, các nhà giáo đều có báo cáo quá trình và kết quả học tập, bồi dưỡng gửi Nhà trường (3.5.04 - Chứng nhận, chứng chỉ hoàn thành khoá đào tạo, bồi dưỡng của các nhà giáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 3.5.05 - Báo cáo của nhà giáo sau các khóa đào tạo, bồi dưỡng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về “công tác đào tạo, bồi dưỡng” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% đối tượng tham gia khảo sát nhận định Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả (2.3.09 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Nội dung thu thập ý kiến	Năm học	Số người thu ý kiến	Kết quả (%)			
			Rất tốt	Tốt	T. bình	Không tốt
Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên được triển khai, thực hiện có hiệu quả	2021-2022	37	37.84	54.05	8.11	0.00
	2022-2023	36	41.67	50.00	8.33	0.00
	2023-2024	38	43.74	45.73	10.53	0.00

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khảo sát minh chứng cho thấy hàng năm Nhà trường đã, tổ chức cho các nhà giáo đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động.

Năm học 2021-2022: Kế hoạch số 14/KH-CĐCN ngày 25/02/2021, Quyết định số 90/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 trong đó có kế hoạch cho 06 nhà giáo cơ hữu tham gia

giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình trình CNOTO trình độ cao đẳng thực tại doanh nghiệp.

Năm học 2022-2023: Kế hoạch số 78/KH-CĐCN ngày 10/11/2022/KH-CĐCN; Quyết định số 195/QĐ-CĐCN ngày 24/4/2023 trong đó có kế hoạch cho 06 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình trình CNOTO trình độ cao đẳng thực tại doanh nghiệp.

Năm học 2023-2024: Kế hoạch số 94/KH-CĐCN ngày 06/11/2023; Quyết định số 205/QĐ-CĐCN ngày 13/4/2024 trong đó có kế hoạch cho 08 nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy các môn học/mô đun chuyên môn chương trình trình CNOTO trình độ cao đẳng thực tại doanh nghiệp (3.6.01 - Các kế hoạch thực tập doanh nghiệp các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

- Về việc tổ chức thực hiện: Trong các năm học qua nhà giáo tham gia giảng dạy nghề CNOTO đã nghiêm túc thực hiện việc thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động (3.1.03 - Danh sách trích ngang nhà giáo giảng dạy nghề CNOTO năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.6.02- Danh sách nhà giáo tham gia thực tập tại DN; 3.6.03 - Quyết định cử GV đi thực tập tại doanh nghiệp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Sau mỗi đợt học tập, bồi dưỡng, các nhà giáo đều có báo cáo kết quả với Nhà trường (3.6.04 - Báo cáo thực tập có xác nhận của doanh nghiệp; 3.6.05 - Hình ảnh nhà giáo đi thực tập tại doanh nghiệp). Đối chiếu danh sách các nhà giáo đã đi thực tập với danh sách đội ngũ nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo cho thấy hàng năm 100% nhà giáo cơ hữu gia giảng dạy chương trình đào tạo đã đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Hàng năm Trường đều thực hiện lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về “công tác đào tạo, bồi dưỡng” nhằm từng bước nâng cao hiệu quả công tác này. Kết quả khảo sát cho thấy trên 95% đối tượng tham gia khảo sát đánh giá từ mức tốt trở lên việc triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động đối với nhà giáo cơ hữu (2.3.09 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Nội dung thu thập ý kiến	Năm học	Số người thu ý kiến	Kết quả (%)			
			Rất tốt	Tốt	T. bình	Không tốt
Triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động đối với nhà giáo cơ hữu	2021-2022	37	37.84	51.35	10.81	0.00
	2022-2023	36	41.67	47.22	11.11	0.00
	2023-2024	38	47,37	42,11	10,52	0

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng bao gồm khoa Công nghệ ô tô đảm nhiệm giảng dạy các môn học/mô đun chuyên ngành; Các phòng Tổ chức - HC, Kế toán, Đào tạo, Quan hệ công chúng, Công tác HSSV... tham gia công tác hỗ trợ, phục vụ cho hoạt động đào tạo nghề Công nghệ ô tô cùng với Khoa chuyên môn.

- Số lượng CBQL, nhân viên các đơn vị của Trường tham gia vào quá trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng như sau:

TT	Đơn vị	Đối tượng	Số lượng		
			2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Khoa Công nghệ ô tô	CBQL	01	01	01
		Nhân viên	0	0	0
2	Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT	CBQL	02	02	02
		Nhân viên	0	0	0
3	Phòng Đào tạo	CBQL	01	02	02
		Nhân viên	06	06	07
4	Phòng Tổ chức - Hành chính	CBQL	03	03	03
		Nhân viên	04	04	04
5	Phòng Kế toán	CBQL	01	01	01
		Nhân viên	03	03	03
6	Phòng Quan hệ công chúng	CBQL	01	01	01
		Nhân viên	06	06	06
7	Phòng Công tác HSSV	CBQL	02	02	02
		Nhân viên	04	04	04
Cộng			34	35	36

* Đối với CBQL tính đến thời điểm hiện tại có 12 CBQL tham gia vào quá trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng. Qua kiểm tra hồ sơ cán bộ quản lý, viên chức cho thấy trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CBQL như sau:

- Khoa Công nghệ ô tô có 01 Trưởng khoa

+ Trưởng khoa: Thầy Võ Văn Hùng trình độ chuyên môn Thạc sĩ, chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, có trình độ trung cấp LLCT, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B1, kỹ năng nghề bậc 3, Chứng chỉ QLCSGDNN thâm niên công tác 25 năm.

- Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT có 02 cán bộ quản lý, 01 Trưởng khoa, 01 Phó trưởng khoa.

+ Trưởng khoa: Cô Nguyễn Thị Như Hoa, trình độ chuyên môn: ĐH Anh văn, Công nghệ thông tin cơ bản, Chứng chỉ QLCSGDNN thời gian công tác 19 năm.

+ Phó trưởng khoa: Thầy Nguyễn Xuân Hà, trình độ chuyên môn: ĐH SPGD thể chất, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B, Chứng chỉ QLCSGDNN, thời gian công tác 22 năm.

- Phòng Đào tạo có 02 cán bộ quản lý: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng:

+ Trưởng phòng: Thầy Trần Mạnh Hùng, trình độ chuyên môn Thạc sĩ, chuyên ngành SPKT điện, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B1, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 15 năm.

+ Phó trưởng phòng: Thầy Lê Trọng Nghĩa. Trình độ thạc sĩ, chuyên ngành Kỹ thuật điện tử, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B1, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 15 năm.

- Phó trưởng phòng Kế toán phụ trách phòng: Nguyễn Thị Hà: trình độ ĐH chuyên ngành Kế toán, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B, chứng chỉ kế toán trưởng, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 10 năm.

- Phòng Tổ chức - HC có 01 trưởng phòng, 02 phó trưởng phòng:

+ Trưởng phòng: Đinh Công Thuyến trình độ chuyên môn Thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh C, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 34 năm.

+ Phó trưởng phòng: Hoàng Thị Thanh trình độ chuyên môn Thạc sĩ, chuyên ngành quản trị trường học, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B1, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 16 năm.

+ Phó trưởng phòng Nguyễn Công Phước trình độ chuyên môn Đại học, chuyên ngành Điện tự động hóa, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B.

- Phòng Công tác HSSV có 01 trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng:

+ Trưởng phòng: Lê Sĩ Phỉnh trình độ chuyên môn ĐH chuyên ngành Kế toán, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 39 năm.

+ Phó trưởng phòng: Nguyễn Duy Diễm trình độ chuyên môn Thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật điện tử, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh C, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 19 năm.

- Trưởng phòng Quan hệ công chúng: Bùi Xuân Đoàn trình độ chuyên môn Thạc sĩ LL và PP dạy học kỹ thuật điện, Công nghệ thông tin cơ bản, trình độ ngoại ngữ: Anh B, Chứng chỉ QLCSGDNN, thâm niên công tác 15 năm.

* Đối với CBQL tính đến thời điểm hiện tại có 24 viên chức các phòng chức năng tham gia vào quá trình đào tạo nghề CNOTO trình độ cao đẳng. Các nhân viên thuộc các phòng chức năng trên có trình độ đào tạo: 08 Thạc sĩ, 16 có trình độ ĐH; Ngoại ngữ: 100% trình độ ngoại ngữ từ B trở lên; 100% có chứng chỉ tin học ứng dụng tin học cơ bản. (3.7.01 - Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề CNOTO năm 2021, 2022, 2023, 2024; 3.7.02- Các quyết định bổ nhiệm của CBQL; 3.7.03 - Hồ sơ cán bộ, viên chức, lao động).

Đối chiếu với quy định tại điều 21 của TT46/2016/BLĐTBXH và tại Điều 22; Điều 24 của TT 15/2021/BLĐTBXH. cho thấy 100% đội ngũ CBQL và nhân viên tham gia tổ chức CTĐT nghề CNOTO của Trường đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Số lượng CBQL, nhân viên tại các khoa, phòng tham gia tổ chức chương trình đào tạo nghề CNOTO của Trường qua các năm học 2021-2022 là 34 người; năm học 2022-2023 là 35 người; năm học 2023-2024: 36 người. Hàng năm, căn cứ vào tiêu chí xếp loại cán bộ viên chức nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ quản lý, giảng viên toàn trường trong đó có đội ngũ CBQL, NV trực tiếp thực hiện chương trình nghề CNOTO. Thông qua phiếu nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động theo hướng dẫn Luật viên chức, pháp luật lao động. Phiếu nhận xét, đánh giá trên các mặt công tác, theo đó cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm và tự nhận xét về những ưu, nhược điểm và đề ra phương hướng khắc phục khuyết điểm, các đơn vị tổ chức họp đánh giá và nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên sau đó Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường xem xét đánh giá, xếp loại. Kết quả đánh giá, xếp loại được Trường công bố qua số 81/TB-CĐCN ngày 30/11/2021; số 141/TB-CĐCN ngày 28/11/2022; Thông báo số 108/TB-CĐCN ngày 01/12/2023; Biên bản số 76/BB-CĐCN ngày 18/11/2024. Kết quả đánh giá, phân loại viên chức của đội ngũ cán bộ quản lý các khoa trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo các năm thể hiện như sau:

Năm	Số lượng nhà giáo		Kết quả đánh giá xếp loại				Ghi chú
	Tổng	Tham gia đánh giá	HT SXNV	HTT NV	HT NV	Không HTNV	
2022	34	34	13	21	0	0	TB số 141/TB-CĐCN ngày 28/11/2022
2023	35	35	13	22	0	0	TB số 108/TB-CĐCN ngày 01/12/2023
2024	36	36	14	22	0	0	Biên bản số 76/BB-CĐCN ngày 18/11/2024

(3.2.03 - Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, lao động năm 2021, 2022, 2023)

Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ CBQL và nhân viên còn được thể hiện qua kết quả bình xét thi đua hàng năm. Theo Quyết định số 556/QĐ-CĐCN ngày 14/12/2022; QĐ số 637/QĐ-CĐCN ngày 29/12/2023; Biên bản số 67/BB-HĐTĐKT ngày 18/11/2024. Kết quả bình xét danh hiệu thi đua như sau:

Năm	Tổng số	Số tham gia đánh giá	Kết quả đánh giá phân loại			Ghi chú
			CSTĐCS	LĐTT	Không đạt	
2022	34	34	02	32	0	QĐ số 514/QĐ/CĐCN ngày 28/12/2022
2023	35	35	01	34	0	QĐ số 637/QĐ-CĐCN ngày 29/12/2023
2024	36	36	01	35	0	Biên bản số 67/BB-HĐTĐKT ngày 18/11/2024

Báo cáo tổng kết của khoa, Báo cáo tổng kết của trường cho thấy hàng năm các đơn vị trên hoàn thành nhiệm vụ được giao (**1.2.05**- Báo cáo tổng kết công tác GDNN năm 2021, 2022, 2023, 2024; **1.2.06** - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa CNOTO năm 2021, 2022, 2023, 2024; **1.02.07** - Các Quyết định thi đua, khen thưởng của trường năm 2021, 2022, 2023; **1.2.08** - Bằng khen, giấy khen cá nhân, tập thể của các cấp của khoa Công nghệ ô tô năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 02 điểm.

2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được lựa chọn và xây dựng theo danh mục nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Hàng năm nhà trường thực hiện rà soát chỉnh sửa chương trình và giáo trình đào tạo, trong đó các chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô. Chương trình, giáo trình được xây dựng, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Chương trình khung thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các môn học, mô đun. Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Năm 2017 thực hiện theo luật giáo dục nghề nghiệp nghề Công nghệ ô tô đã được đăng ký theo giấy chứng nhận. Năm 2019 Nhà trường đã triển khai rà soát và thay đổi chuyển sang đào tạo chương trình theo tích lũy mô đun nên nghề Công nghệ ô tô được rà soát và thay đổi theo chủ trương của Nhà trường và ban hành. Năm 2022 Nhà trường tiếp tục triển khai rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp hơn.

Giáo trình Công nghệ ô tô cho các môn học, mô đun được biên soạn thẩm định, ban hành theo quy định năm 2017; đồng thời được rà soát, bổ xung, chỉnh sửa năm 2019 và năm 2022. Giáo trình đã xây dựng đầy đủ các nội dung kiến thức, kỹ năng của từng

môn học, mô đun trong chương trình đào tạo đảm bảo tính chính xác, tính khoa học và hiện đại; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong thực tế.

*** Những điểm mạnh:**

Chương trình, giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng của trường được xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã quy định.

Chương trình, giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô đáp ứng đầy đủ những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

Nhà trường có đầy đủ chương trình, giáo trình đào tạo cho ngành Công nghệ ô tô. Nội dung chương trình, giáo trình được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý.

Chương trình, giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô của nhà trường có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với môn học, mô đun.

Hàng năm được rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới với sự góp ý của các giáo viên, chuyên gia và doanh nghiệp sử dụng lao động để chương trình, giáo trình nghề Công nghệ ô tô ngày càng hoàn thiện hơn.

*** Những tồn tại:**

- Chương trình đào tạo, giáo trình đã được rà soát xây dựng và thẩm định; ban hành theo đúng quy định. Tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ trong và ngoài nước.

- Công tác đào tạo liên thông còn chưa đạt yêu cầu do nhu cầu học tập nâng cao trình độ của học viên ít, số lượng học viên đăng ký ngành công nghệ ô tô chưa đáp ứng đủ tiêu chí của Trường Đại học liên kết.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường cũng như những thay đổi của công nghệ, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

Phối hợp với một số cơ sở giáo dục đại học có cùng khối ngành đào tạo nhằm thiết kế, xây dựng và công nhận liên thông về chương trình đào tạo.

Duy trì việc thu thập ý kiến nhận xét đánh giá của cán bộ, giảng viên, HSSV về chất lượng chương trình và giáo trình nhằm tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp về sự thích ứng với thực tế của chương trình, giáo trình đào tạo với công nghệ hiện tại.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 4.1	02
Tiêu chuẩn 4.2	02

Tiêu chuẩn 4.3	02
Tiêu chuẩn 4.4	02
Tiêu chuẩn 4.5	02
Tiêu chuẩn 4.6	02
Tiêu chuẩn 4.7	02
Tiêu chuẩn 4.8	02
Tiêu chuẩn 4.9	02
Tiêu chuẩn 4.10	02
Tiêu chuẩn 4.11	02
Tiêu chuẩn 4.12	02

Tiêu chuẩn 4.1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội như: Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã tiến hành công tác xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lần đầu năm 2017 (**4.1.01** - *Quyết định số 01c/QĐ-CĐCN ngày 18/05/2017 về việc ban hành quyết định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng của Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh*). Trên cơ sở đó, nhà trường đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các ngành nghề đúng quy trình trong đó có chương trình ngành Công nghệ ô tô (**4.1.02** - *Quyết định số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2017*). Chương trình Công nghệ ô tô năm 2017 đã ban hành gồm tổng cộng 38 môn học và mô đun; tổng số thời gian đào tạo là 3195 giờ với số lượng là 129 tín chỉ.

Đến năm 2019 theo quy định và nhu cầu phát triển của xã hội đảm bảo về thực tiễn giảng dạy đáp ứng thị trường lao động, Nhà trường ra Thông báo số 29/TB-CĐCN ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc rà soát, áp dụng chương trình đào tạo Cao đẳng năm 2019. Trên cơ sở đó Nhà trường thành lập ban rà soát, tổ chức xây dựng chương trình đào tạo trong đó có ngành Công nghệ ô tô. Trong ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo có trưởng ban, thư ký và các thành viên đều đảm bảo theo điều 10 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH (**4.1.03** - *Quyết định số 192/QĐ-CĐCN ngày 8/7/2019 về việc thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình cao đẳng năm 2019*).

- Tổ chức họp ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo, họp tổ biên soạn chương trình, tiến hành lấy phiếu xin ý kiến của cán bộ quản lý, ý kiến của chuyên

gia, ý kiến của người sử dụng lao động, ý kiến của Nhà giáo của cơ sở đào tạo khác để hoàn thiện khung chương trình (4.1.04 - Biên bản họp Ban rà soát, xây dựng chương trình đào tạo năm 2019, Biên bản họp tổ biên soạn chương trình ngành Công nghệ ô tô năm 2019; 4.1.05 – Phiếu xin ý kiến của cán bộ quản lý, ý kiến chuyên gia, ý kiến của người sử dụng lao động, ý kiến của nhà giáo cơ sở đào tạo khác về chương trình ngành Công nghệ ô tô năm 2019).

- Đối với 6 môn học chung của các chương trình đào tạo các nghề, nhà trường thực hiện đúng nội dung trong các thông tư số 10,11,12,13,24/2018/TT-BLĐT BXH và thông tư số 03/2019/TT-BLĐT BXH. Trong đó các môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, Tin học, Giáo dục thể chất, Pháp luật, Giáo dục chính trị, Tiếng Anh được giữ nguyên nội dung và phân phối thời gian theo quy định (4.1.06 - QĐ số 01/QĐ-CĐN ngày 02/01/2019 Ban hành 5 môn học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng; QĐ số 70/QĐ-CĐN ngày 28/02/2019 Ban hành chương trình môn học MH06: Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng).

- Đối với các môn học-mô đun cơ sở và chuyên ngành, thực hiện rà soát, điều chỉnh trên cơ sở chương trình khung đào tạo cao đẳng năm 2017 do nhà trường ban hành theo QĐ số 24/QĐ-CĐCN ngày 31/05/2017. Trên đó đã dự thảo được chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô cao đẳng năm 2019 (4.1.07 - Báo cáo rà soát, xây dựng chương trình cao đẳng Công nghệ ô tô năm 2019). Đồng thời Nhà trường và Khoa CN ô tô tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các chuyên gia, giáo viên, doanh nghiệp để hoàn thiện dự thảo CTK đào tạo ngành công nghệ ô tô phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp đào tạo (4.1.08 – Hồ sơ hội thảo rà soát, xây dựng chương trình cao đẳng Công nghệ ô tô năm 2019).

- Trên cơ sở dự thảo CTK năm 2019 nhà trường triển khai thẩm định chương trình đào tạo tiến hành thẩm định chương trình đào tạo mới. Nhà trường đã thành lập Hội đồng thẩm định gồm 21 thành viên, các thành viên trong tổ thẩm định đáp ứng đúng tiêu chuẩn điều 11 thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH quy định bao gồm chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng, phó chủ tịch là Phó hiệu trưởng, 01 giảng viên trong trường là ủy viên thư ký, 01 cán bộ quản lý dạy nghề, 05 cán bộ đơn vị sử dụng lao động và 12 nhà giáo của các cơ sở giáo dục khác làm ủy viên (4.1.09 - Quyết định số 193/QĐ-CĐCN ngày 08/7/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cao đẳng năm 2019; 4.1.10 – Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019; 4.1.11 – Biên bản nghiệm thu CTĐT ngành Công nghệ ô tô năm 2019).

+ Ban rà soát và chỉnh sửa tiếp thu các ý kiến đã tiến hành sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua; sau đó trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt và ra quyết định ban hành. Chương trình Công nghệ ô tô năm 2019 bao gồm 37 môn học, mô đun; tổng thời gian đào tạo 3225 giờ, với 128 tín chỉ. Chương trình đào tạo được thực hiện theo phương thức tích lũy mô đun; bổ sung mô đun Đồ án tốt nghiệp nhằm đánh giá về kiến thức và kỹ năng của sinh viên đạt được khi tốt nghiệp (4.1.12 - Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 về việc

ban hành chương trình đào tạo trình độ trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019 – 2020; **4.1.13** – Quyết định số 205/QĐ-CĐCN ngày 30/7/2019 về việc ban hành Quy chế quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun tại Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh). Chương trình đào tạo các ngành nghề Trung cấp và Cao đẳng toàn trường, trong đó có ngành công nghệ ô tô được áp dụng cho khoá học từ 2019-2020.

Đến năm 2022 theo nhu cầu phát triển của xã hội đảm bảo về thực tiễn giảng dạy và đáp ứng thị trường lao động Nhà trường ra kế hoạch số 15/KH-CĐCN ngày 28 tháng 02 năm 2022; chuẩn bị các điều kiện cần thiết chuẩn bị cho công tác rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo và điều chỉnh, bổ xung giáo trình đào tạo các ngành nghề năm 2022. Trên cơ sở kế hoạch đã đưa ra Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm và Ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2022 trong đó có ngành Công nghệ ô tô. Ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2022 gồm có trưởng ban, phó trưởng ban, thư ký và các thành viên tiêu ban đều đảm bảo theo điều 10 Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH (**4.1.14** - Quyết định số 91/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 về việc thành lập Ban chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo các ngành nghề năm 2022; **4.1.15** - Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 về việc thành lập Ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2022).

Ban rà soát, chỉnh sửa chương trình ngành Công nghệ ô tô được thực hiện như sau: Tổ chức họp ban rà soát, chỉnh sửa chương trình; tiến hành xin ý kiến của của cán bộ quản lý, ý kiến của chuyên gia, ý kiến của người sử dụng lao động, ý kiến của nhà giáo của cơ sở đào tạo khác để làm cơ sở rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo (**4.1.16** - Biên bản họp Ban rà soát, xây dựng chương trình đào tạo năm 2022; **4.1.17** - Các biên bản họp tổ biên soạn chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022; **4.1.18** – Phiếu xin ý kiến của cán bộ quản lý, ý kiến chuyên gia, ý kiến của người sử dụng lao động, ý kiến của nhà giáo cơ sở đào tạo khác về chương trình ngành Công nghệ ô tô năm 2022).

- Đối với 06 môn học chung nhà trường thống nhất giữ nguyên các quyết định ban hành từ năm 2019 (**4.1.06** - Quyết định số 01/QĐ-CĐN ngày 02/01/2019 về việc ban hành 5 môn học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng; Quyết định số 70/QĐ-CĐN ngày 28/02/2019 về việc ban hành chương trình môn học MH06: Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng).

- Đối với các môn học, mô đun đào tạo cơ sở và chuyên ngành, ban rà soát, xây dựng thực hiện rà soát, điều chỉnh trên cơ sở khung chương trình đào tạo cao đẳng năm 2019. Trên cơ sở đó cũng đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, doanh nghiệp ... đưa ra dự thảo được chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô cao đẳng năm 2022 (**4.1.19** - Báo cáo rà soát, xây dựng chương trình Cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2022; **4.1.20** – Hồ sơ hội thảo rà soát, xây dựng chương trình cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2022).

Trên cơ sở dự thảo CTK đã đưa ra, Nhà trường triển khai thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo với 19 thành viên; chủ tịch hội đồng là Phó Hiệu trưởng, phó

chủ tịch là Phó trưởng phòng đào tạo, 01 giảng viên trong trường là ủy viên thư ký; 10 giảng viên, 01 cán bộ quản lý dạy nghề và 05 cán bộ từ doanh nghiệp sử dụng lao động làm ủy viên; các thành viên đều áp ứng đúng tiêu chuẩn điều 11 thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Hội đồng thẩm định tiến hành thực hiện theo quy định (**4.1.21** - Quyết định số 225/QĐ-CĐCN ngày 20/6/2022 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022; **4.1.22** – Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2022; **4.1.23** – Biên bản nghiệm thu CTĐT ngành Công nghệ ô tô năm 2022).

Sau khi có các biên bản của Hội đồng thẩm định; Ban rà soát và chỉnh sửa tiếp thu các ý kiến, nhận xét, đánh giá và soạn thảo lại chương trình đào tạo trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt để lưu hành sau khi đã sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022 đào tạo gồm 35 môn học, mô đun; tổng số giờ đào tạo 3190 giờ với 122 tín chỉ (**4.1.24** - Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022; **4.1.25** – Quyết định số 320/QĐ-CĐCN ngày 10/8/2022 về việc ban hành Quy chế quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun).

Như vậy chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định theo đúng quy định của thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 4.2: *Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo điều 10 Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo thì thành viên Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn chương trình đào tạo là những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, am hiểu và có kinh nghiệm về phát triển chương trình; có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực của ngành, nghề cần xây dựng do vậy Nhà trường ban hành các quyết định thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo như sau:

Năm 2019 Nhà trường ban hành quyết định thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun. Trong ban rà soát và xây dựng nghề Công nghệ ô tô gồm có 07 thành viên, trong đó 05 thành viên đều là giáo viên có thâm niên giảng dạy trên 10 năm trở lên của trường cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh đúng chuyên ngành Công nghệ ô tô và 02 thành viên là đại diện doanh nghiệp sử dụng lao động (**4.1.03** - Quyết định số 192/QĐ-CĐCN ngày 8/7/2019 về việc thành lập ban rà soát và xây dựng chương trình cao đẳng năm 2019; **4.2.01** - Danh sách trích ngang tổ rà soát và điều chỉnh CTĐT ngành công nghệ ô tô năm 2019). Trong quá trình rà soát

và xây dựng chương trình cao đẳng nghề Công nghệ ô tô Nhà trường đều có lấy phiếu nhận xét ý kiến về chương trình đào tạo của đơn vị quản lý dạy nghề, của Nhà giáo đơn vị trường bạn và của người sử dụng lao động để hoàn thiện chương trình đào tạo (**4.1.04** - *Biên bản họp ban rà soát, xây dựng chương trình đào tạo năm 2019, Biên bản họp tổ biên soạn chương trình ngành Công nghệ ô tô năm 2019; 4.1.05* – *Phiếu xin ý kiến của cán bộ quản lý, ý kiến chuyên gia, ý kiến của người sử dụng lao động, ý kiến của nhà giáo cơ sở đào tạo khác về chương trình ngành Công nghệ ô tô năm 2019*).

- Sau khi hoàn thiện dự thảo CTK mới, Nhà trường tiến hành thành lập hội đồng thẩm định các chương trình đào tạo. Hội đồng thẩm định gồm 21 thành viên, các thành viên trong tổ thẩm định đáp ứng đúng tiêu chuẩn điều 11 thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH quy định trong đó có 05 cán bộ đại diện đơn vị sử dụng lao động làm ủy viên (**4.1.09** - *Quyết định số 193/QĐ-CĐCN ngày 08/7/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cao đẳng năm 2019; 4.1.10* – *Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019; 4.1.11* – *Biên bản nghiệm thu CTĐT ngành Công nghệ ô tô năm 2019; 4.1.12* - *Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019-2020; 4.2.02* - *Danh sách trích ngang của hội đồng thẩm định CTĐT 2019*).

Năm 2022 Nhà trường tiếp tục đưa ra kế hoạch rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo quy định. Trên cơ sở đó Nhà trường thành lập Ban chủ nhiệm và rà soát, tổ rà soát chỉnh sửa chương trình, hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành các ngành nghề năm 2022.

- Trong tổ rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trong ban rà soát gồm 06 thành viên, trong đó 04 giảng viên đã có nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy trong ngành Công nghệ ô tô và 02 cán bộ đại diện đơn vị sử dụng lao động đã thực hiện rà soát chương trình đào tạo (**4.1.15** - *Quyết định số 92/QĐ-CĐCN ngày 22/3/2022 về việc Thành lập ban rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2022; 4.2.03* - *Danh sách trích ngang tổ rà soát và điều chỉnh CTĐT ngành công nghệ ô tô năm 2022*). Trong quá trình rà soát và xây dựng chương trình cao đẳng nghề Công nghệ ô tô, Nhà trường đều có lấy phiếu nhận xét ý kiến về chương trình đào tạo của các đơn vị liên quan để hoàn thiện chương trình đào tạo (**4.1.16** - *Biên bản họp ban rà soát, xây dựng chương trình năm 2022; 4.1.17* - *Các biên bản họp tổ biên soạn chương trình ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 4.1.18* – *Phiếu xin ý kiến của cán bộ quản lý, ý kiến chuyên gia, ý kiến của người sử dụng lao động, ý kiến của nhà giáo cơ sở đào tạo khác về chương trình ngành Công nghệ ô tô năm 2022; 4.2.04* - *Danh sách trích ngang hội đồng thẩm định CTĐT 2022*).

- Ngày 20/6/2022, Nhà trường thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022 tiến hành thẩm định chương trình đào tạo theo quy định. Hội đồng thẩm định gồm 19 thành viên, các thành viên trong tổ thẩm định đáp ứng đúng điều 11 thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH; trong đó có 05 cán bộ đơn vị sử dụng lao động làm ủy viên đáp ứng quy định (**4.1.21** - *Quyết định số 225/QĐ-CĐCN ngày 20/6/2022 về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2022; 4.1.22* – *Phiếu phản biện, phiếu đánh giá và biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2022; 4.1.23* – *Biên bản*

nghiệm thu CTĐT ngành Công nghệ ô tô năm 2022; **4.1.24** - Quyết định số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022).

Trên cơ sở các công việc đã thực hiện, đối chiếu với quy định các quy định của Bộ LĐTB&XH, với tiêu chuẩn này có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 4.3: *Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư 03/2017/TT- BLĐTBXH ngày 01/03/2017 về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và Thông tư 12/TT – BLĐTBXH ngày 20/04/2017 về quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2019 đã được ban hành với tổng thời gian đào tạo là 3225 giờ tương ứng là 128 tín chỉ trong đó Lý thuyết là 1088 giờ chiếm 33,74% và Thực hành là 2137 giờ chiếm 66,26%, CTK gồm có 37 môn học và mô đun (**4.1.12** - Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019-2020); năm 2022 đã được ban hành tổng thời gian đào tạo là 3190 giờ tương ứng 122 tín chỉ, trong đó lý thuyết là 1082 giờ chiếm 33,92% và Thực hành là 2108 giờ chiếm 66,08%, CTK gồm có 35 môn học và mô đun (**4.1.24** - Quyết định Số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022) như vậy đã đảm bảo số giờ và số tín chỉ đảm bảo đúng theo TT03/2017 và TT12/2017. Chương trình đào tạo thể hiện chi tiết mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể về kiến thức kỹ năng nghề nghiệp, yêu cầu đầu ra của nghề được xác định rõ ràng đảm bảo đúng theo quy định ban hành về việc quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học trình độ cao đẳng đạt được sau khi tốt nghiệp (**4.3.01** – Quy định khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2019, **4.3.02** – Quy định khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2022)

Nhà trường, Khoa Công nghệ ô tô đã tiến hành lấy ý kiến của chuyên gia, cán bộ quản lý, GV giảng dạy về mức độ phù hợp khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát năm 2020 tỷ lệ khảo sát đạt 89,5%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 44,12%, loại 2 tốt đạt 50%, loại trung bình 5,88% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2021 tỷ lệ khảo sát đạt 84,6%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 45,45%, loại 2 tốt đạt 48,49%, loại trung bình 6,06% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2022 tỷ lệ khảo sát đạt 94,7%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 38,89%, loại 2 tốt đạt 50%, loại trung bình 11,11% và không tốt là 0% (**2.3.09** - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo

sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024; 1.1.08 - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.1.09 - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp 2021, 2022, 2023, 2024).

Trong các chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được phê duyệt và đưa vào sử dụng đã thể hiện rõ được yêu cầu đối với người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: *Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ LĐTBXH đã ban hành. Chương trình đào tạo của ngành Công nghệ ô tô đã thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học, xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; quy định khối lượng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được của từng công việc trong mỗi nghề, thể hiện rõ phương pháp và hình thức đào tạo trong từng môn học, mô-đun để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo năm 2019 đã được ban hành với tổng thời gian đào tạo là 3225 giờ tương ứng là 128 tín chỉ trong đó lý thuyết là 1088 giờ chiếm 33,74% và Thực hành là 2137 giờ chiếm 66,26%, CTK gồm có 37 môn học và mô-đun. Chương trình đào tạo năm 2022 đã được ban hành tổng thời gian đào tạo là 3190 giờ tương ứng 122 tín chỉ, trong đó lý thuyết là 1082 giờ chiếm 33,92% và Thực hành là 2108 giờ chiếm 66,08%, CTK gồm có 35 môn học và mô-đun. Trình tự các mô-đun, môn học được sắp xếp một cách hợp lý đảm bảo tính liên thông chuyển tiếp, bổ trợ cho nhau giữa các môn học. Cụ thể môn lý thuyết chung được giảng dạy trước, đến các môn cơ sở ngành và chuyên ngành. Bảng phân bố trình tự được thể hiện ở chương trình phần sơ đồ liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo. (4.1.12 - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019- 2020; 4.1.24 - Quyết định Số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022).

Để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của thực tiễn xã hội. Nhà trường, Khoa Công nghệ ô tô đã tiến hành ý kiến của chuyên gia, cán bộ quản lý, GV giảng dạy về phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các môn học, mô-đun của chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, nhằm đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. Kết quả khảo sát năm 2020 tỷ lệ khảo sát đạt 89,5%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 32,35%, loại 2 tốt đạt 52,94%, loại trung bình 14,71% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2021 tỷ lệ khảo sát đạt 84,6%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 33,33%, loại 2 tốt đạt 51,52% loại trung bình 15,15% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2022 tỷ lệ khảo sát đạt 94,7%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 36,11%, loại 2 tốt đạt 50%, loại trung bình 13,89 % và không tốt là 0% (2.3.09 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo

sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024; **1.1.08** - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023, 2024; **1.1.09** - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp 2021, 2022, 2023, 2024).

Trong các chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được phê duyệt và đưa vào sử dụng đã thể hiện rõ được yêu cầu đối với người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Tất cả các chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019, năm 2022 đã được thẩm định và ban hành đúng quy định (**4.1.12** - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019-2020; **4.1.24** - Quyết định Số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022).

Trong chương trình đào tạo các môn học và mô đun đều quy định rõ ở phần mục IV là điều kiện thực hiện môn học hoặc mô đun thể hiện: 1. Phòng học chuyên môn hóa/ Nhà xưởng; 2. Trang thiết bị máy móc; 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu; 4. Các điều kiện khác. Điều thể hiện những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Ngoài ra trong tất cả các môn học, mô đun ở phần mục VI là hướng dẫn thực hiện môn học hoặc mô đun thể hiện: 1. Phạm vi áp dụng môn học hoặc mô đun; 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học và mô đun; 3. Những điểm trọng tâm cần chú ý; 4. Tài liệu tham khảo để thể hiện phân công đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn học hoặc mô đun. Tất cả các mô đun, môn học được thông qua hội đồng thẩm định chương trình đánh giá chương trình đào tạo được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (**4.5.01** - Bản in bộ chương trình đào tạo cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2019, 2022; **4.5.02** - Chương trình chi tiết các môn học, mô đun chương trình đào tạo cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2019, 2022)

Để đáp ứng được xu hướng phát triển của xã hội, Ban xây dựng chương trình ngành Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng lấy ý kiến của chuyên gia, cán bộ quản lý, GV giảng dạy về những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Kết quả khảo sát năm 2021 tỷ lệ khảo sát đạt 89,5%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 44,12%, loại 2 tốt đạt 44,12%, loại trung bình 11,76% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2022 tỷ lệ khảo sát đạt 84,6%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 45,45%, loại 2 tốt đạt

42,43% loại trung bình 12,12% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2023 tỷ lệ khảo sát đạt 94,7%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 44,40%, loại 2 tốt đạt 44,47%, loại trung bình 11,13 % và không tốt là 0% (2.3.09 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024; 1.1.08 - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 1.1.09 - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp 2021, 2022, 2023).

Trong các chương trình được phê duyệt và đưa vào sử dụng đã đảm bảo thể hiện rõ được yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên để đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: *Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017. Tất cả các chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019, năm 2022 đã được thẩm định và ban hành đúng quy định (4.1.12 - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019-2020; 4.1.24 - Quyết định Số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022).

Trong chương trình đào tạo các môn học và mô đun đều quy định rõ ở phần mục phần V là nội dung và phương pháp đánh giá: 1. Nội dung (xác định mức độ đạt được yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các môn học và mô đun) đánh giá về kiến thức, về kỹ năng, về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm; 2. Phương pháp đánh giá các môn học học mô đun qua các bài viết, vấn đáp, trắc nghiệm, tích hợp giữa lý thuyết và thực hành hoặc các bài thực hành thực hành trong quá trình thực hiện các bài học trong môn học và mô đun. Tất cả các mô đun, môn học đào tạo được thông qua hội đồng thẩm định chương trình đánh giá chương trình đào tạo được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt được yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học trong biên bản hội đồng thẩm định (4.5.01 - Bản in bộ chương trình đào tạo cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2019, 2022; 4.5.02 - Chương trình chi tiết các môn học, mô đun chương trình đào tạo cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2019, 2022)

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, nhà trường cũng lấy ý kiến cán bộ, GV, HSSV, cựu HSSV. Các ý kiến đều đánh giá nội dung chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học. Kết quả khảo sát năm 2021 tỷ lệ khảo sát đạt 89,5%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 29,41%, loại 2 tốt đạt 55,88%, loại trung bình 14,71% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2022 tỷ lệ

khảo sát đạt 84,6%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 30,30%, loại 2 tốt đạt 54,55% loại trung bình 15,15% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2023 tỷ lệ khảo sát đạt 94,7%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 30,56%, loại 2 tốt đạt 55,56%, loại trung bình 13,88 % và không tốt là 0% (2.3.09 - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024; 1.1.08 - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; 1.1.09 - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp 2021, 2022, 2023).

Trong các chương trình được phê duyệt và đưa vào sử dụng đã đảm thể hiện rõ được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô từng trình độ theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: *Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình phát triển của ngành, địa phương và đất nước thì Tỉnh Bắc Ninh phê duyệt chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025. Tập trung phát triển các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ có nhu cầu và lợi thế phát triển, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Bắc Ninh. Đặc biệt là phát triển hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Do vậy trong Đề án thành lập trường chất lượng cao năm 2021, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã xác định rõ mục tiêu phát triển: “Tiếp tục xây dựng nhà trường trở thành trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực định hướng hội nhập Quốc tế. Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp có uy tín, chất lượng cao, cấp độ khu vực ASEAN”, với phương châm: “Trật tự kỷ cương, khách quan, công bằng, sáng tạo và hiệu quả” (4.7.01 – Đề án thành lập trường Cao đẳng chất lượng cao năm 2021). Đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu lao động là phương châm hoạt động của trường, trong đó, Nhà trường xác định việc xây dựng các chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động là hết sức cần thiết. Căn cứ điều 3 chương II Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ LĐTBXH: Nội dung chương trình đào tạo phải phù hợp với yêu cầu phát triển của nghề, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ, Nhà trường khi xây dựng, chỉnh sửa các chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đều đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. Tất cả các chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019, 2022 đã được rà soát, thẩm định và ban hành đều có các cán bộ sử dụng lao động tham gia rà soát và thẩm định chương trình đều đảm bảo phù hợp yêu cầu địa phương và kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ (4.1.12 - QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Quyết định ban hành

chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019-2020; **4.1.24** - Quyết định Số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022; **4.5.01** - Bản in bộ chương trình đào tạo cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2019, 2022; **4.5.02** - Chương trình chi tiết các môn học, mô đun chương trình đào tạo cao đẳng ngành Công nghệ ô tô năm 2019, 2022).

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, HSSV đã tốt nghiệp đối với các CTĐT đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Kết quả khảo sát năm 2021 tỷ lệ khảo sát đạt 89,5%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 32,35%, loại 2 tốt đạt 61,76%, loại trung bình 5,89% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2022 tỷ lệ khảo sát đạt 84,6%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 33,33%, loại 2 tốt đạt 60,61% loại trung bình 6,06% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2023 tỷ lệ khảo sát đạt 94,7%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 33,33%, loại 2 tốt đạt 61,11%, loại trung bình 5,56 % và không tốt là 0% (**2.3.09** - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024; **1.1.08** - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **1.1.09** - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp 2021, 2022, 2023).

Với tiêu chuẩn này chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ và thực tiễn nghề nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học; Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp với trình độ cao đẳng trong GDNN; Chương trình dạy nghề Công nghệ ô tô của Nhà trường được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo nghề từ Trung cấp lên Cao đẳng. Các môn học, mô đun trong chương trình liên thông là các môn học và mô đun mà sinh viên chưa được học ở bậc thấp hơn hoặc chuyên môn gần (**2.7.01** - Quy chế tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ tại trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh). Đối với những trường hợp HSSV tốt nghiệp hệ trung cấp của các trường đào tạo khác hoặc các khóa cũ của Nhà trường mà bảng điểm thể hiện các môn học, mô đun được miễn học không đảm bảo khối lượng kiến thức, kỹ năng thì phải học bổ sung, học chuyển đổi các môn học, mô đun đó đạt yêu cầu trước mới đủ điều kiện học chương trình liên thông của Nhà trường (**2.7.02** - Quyết định số 198/QĐ-CĐCN ngày 29/7/2019 Ban hành chương trình đào tạo liên thông; Quyết định số 481/QĐ-CĐCN ngày 07/11/2022 Ban hành chương trình đào

tạo liên thông trình độ cao đẳng; 4.8.01 - QĐ số 198a/QĐ-CĐCN ngày 29/07/2019 Quyết định ban hành danh sách các môn học, mô đun, tín chỉ được miễn giảm khi học chương trình đào tạo liên thông của trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh; 2.7.03 - QĐ số 230/QĐ-CĐCN ngày 12/8/2019 Quyết định ban hành quy định xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo liên thông giữa các trình độ của trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh)

Trong nhiều năm qua, nhà trường đã thực hiện việc liên kết với trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên để mở các lớp liên thông lên đại học hình thức đào tạo là vừa học vừa làm trong đó có ngành công nghệ ô tô. HSSV của nhà trường sau khi tốt nghiệp chỉ phải học từ 2 năm đến 3,5 năm để tốt nghiệp và được cấp bằng đại học. Ngay từ khi tuyển sinh đầu vào, nhà trường đã thông báo rõ khả năng liên thông lên trình độ đại học của HSSV (**4.8.02** - *Chương trình đào tạo liên thông chuyên ngành Công nghệ ô tô của trường đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên; 4.8.03* - *Thông báo tuyển sinh liên thông đại học 2021, 2022, 2023, 2024*).

Giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên đã có văn bản thoả thuận về việc liên kết đào tạo giữa 2 trường với đối tượng là HSSV của nhà trường. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên đã chấp thuận sử dụng chương trình đào tạo của một số ngành của nhà trường liên thông trình độ đại học (**4.8.04** - *Công văn số 782/ĐHSPKTHY-ĐT, ngày 15/11/2019 về việc công nhận CTĐT trình độ cao đẳng đủ điều kiện liên thông với trình độ đại học của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên*)

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên có Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học trình độ trung cấp, cao đẳng đối với một số chuyên ngành (**4.8.05** - *Quyết định số 1452/QĐ-ĐHSPKT ngày 21/7/2017 về ban hành quy định đào tạo liên thông trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên*). Theo đó, với ngành đào tạo Công nghệ ô tô của nhà trường trình độ cao đẳng và trình độ trung cấp đủ điều kiện để sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể học liên thông lên trình độ đại học các chuyên ngành tương đương của trường đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên.

Việc liên kết đào tạo giữa trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên đã được UBND tỉnh Bắc Ninh là cơ quan chủ quản của nhà trường chấp thuận.

Với tiêu chuẩn này chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ trong trường và liên thông đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: *Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2019 nhà trường rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo và đã ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (**4.1.12** - *Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019- 2020*). Nhà trường đã ban hành giáo trình lưu

hành nội bộ trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng năm 2019. Đối với trình độ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô tổng có 37 môn học và môn đôn trong đó có 06 môn học chung thì nhà trường ban hành quyết định giáo trình các môn học chung lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, cao đẳng (4.9.01 - Quyết định số 126/QĐ-CĐCN ngày 26/04/2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo các môn học chung lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2019). Còn lại 29 môn học và mô đôn được nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành; riêng 02 mô đôn là Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp không phải xây dựng giáo trình (4.9.02 - Quyết định số 340/QĐ-CĐCN ngày 15/11/2019 về việc ban hành giáo trình nội bộ đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2019; 4.9.03 – Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019; 4.9.04 – Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019).

Năm 2022 nhà trường rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo và đã ban hành chương trình đào tạo năm 2022 (4.1.24 - Quyết định Số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022). Đồng thời nhà trường cũng thực hiện việc rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm 2022 trên cơ sở chương trình đào tạo năm 2022 đã ban hành; giáo trình được chỉnh sửa hoàn thiện và phù hợp với CTĐT và được đưa vào sử dụng cho năm học 2022-2023 (4.9.05 - Quyết định số 433a /QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 về việc ban hành giáo trình nội bộ năm 2022; 4.9.06 – Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022; 4.9.07 – Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022).

Như vậy với tất cả chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Công nghệ ô tô có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 của Bộ lao động và thương binh xã hội đã ban hành. Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, biên soạn giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo được ban hành. Tất cả giáo trình ngành Công nghệ ô tô được biên soạn hoặc lựa chọn thẩm định, ban hành theo đúng quy định của thông tư.

Với 06 môn học chung do giáo trình đã được Tổng cục GDNN tổ chức thẩm định và cho phép sử dụng nên nhà trường đã áp dụng giáo trình này cho trình độ cao đẳng trong toàn trường (4.9.01 - Quyết định số 126/QĐ-CĐCN ngày 26/04/2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo các môn học chung lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2019). Khoa công nghệ ô tô đã sử dụng 06 bộ giáo trình đó để giảng dạy cho các môn học chung của ngành Công nghệ ô tô từ năm học 2019 - 2020.

- Năm 2019 theo QĐ số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2019 (4.1.12 -

Quyết định số 256/QĐ-CĐCN ngày 06/09/2019 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng năm học 2019-2020).

+ Trên cơ sở chương trình đã ban hành năm 2019. Nhà trường đã thành lập Ban rà soát, ban biên soạn giáo trình các ngành, nghề đào tạo theo phương tích lũy mô đun năm 2019. Trong tổ rà soát, ban biên soạn giáo trình ngành Công nghệ ô tô có 06 thành viên gồm 01 trưởng ban, 01 thư ký và 03 thành viên là các giảng viên giảng dạy ngành Công nghệ ô tô (**4.10.01** - *Quyết định số 260/QĐ-CĐCN ngày 12/09/2019 về việc thành lập ban rà soát, ban biên soạn giáo trình các ngành nghề đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun năm 2019*).

+ Trong quá trình tổ chức biên soạn giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2019 tổ biên soạn giáo trình tuân thủ đúng mục tiêu, nội dung các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức, kỹ năng phải đảm bảo đúng mục tiêu của từng chương, từng bài trong mỗi môn học mô đun. Trình bày ngắn gọn dễ hiểu đảm bảo phù hợp với trang thiết bị, nguồn học liệu và phương tiện dạy học. Do vậy tổ biên soạn đã tổ chức hội thảo, phân công, họp tổ biên soạn giáo trình cụ thể cho từng môn học và mô đun (**4.10.02** - *Hồ Sơ hội thảo về biên soạn giáo trình đào năm 2019*; **4.10.03** – *Phân công biên soạn giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2019*; **4.10.04** – *Biên bản họp tổ biên soạn giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2019*).

+ Sau khi rà soát, điều chỉnh và biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ 2019. Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình lưu hành nội bộ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019 trong đó có giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô. Thành phần trong hội đồng thẩm định đáp ứng đúng tiêu chuẩn điều 16 thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH đã quy định (**4.10.05** - *Quyết định số 268/QĐ-CĐCN ngày 25/9/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo theo phương tích lũy mô đun*). Chủ tịch hội đồng điều hành phiên họp của hội đồng tiến hành nhận xét, đánh giá về bản dự thảo giáo trình, thẩm định chất lượng của giáo trình đào tạo; Từ đó tổ biên soạn hoàn thiện giáo trình đào tạo theo ý kiến đóng góp của hội đồng thẩm định. Sau đó báo cáo kết quả thẩm định giáo trình đào tạo sau khi đã hoàn chỉnh theo ý kiến của hội đồng thẩm định và hiệu trưởng nhà trường ra quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng (**4.10.06** – *Hồ sơ thẩm định và nghiệm thu giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2019*; **4.9.02** - *Quyết định số 340/QĐ-CĐCN ngày 15/11/2019 về việc ban hành giáo trình nội bộ đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2019*; **4.9.03** – *Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019*; **4.9.04** – *Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019*).

Đến năm 2022 nhà trường tiếp tục công tác rà soát, điều chỉnh và xây dựng chương trình đào tạo và quyết định ban hành (**4.1.24** - *Quyết định Số 339/QĐ-CĐCN ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2022*). Do chương trình đào tạo mới ban hành nên Nhà trường mới thực hiện Kế hoạch số 15/KH-CĐCN ngày 28 tháng 02 năm 2022 rà soát, điều chỉnh và xây dựng bộ giáo trình mới phù hợp hơn (**4.10.07** – *Quyết định số 395/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập ban rà soát, chỉnh sửa giáo trình đào tạo năm 2022*; **4.10.08** – *Phân công biên soạn giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022*; **4.10.09**

–*Hồ sơ hội thảo biên soạn giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022; 4.10.10 – Biên bản họp tổ biên soạn giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022).*

Thực hiện kế hoạch đã xây dựng, nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh và biên soạn lại các bộ giáo trình cho phù hợp với CTĐT đã phê duyệt; Đồng thời thực hiện việc thẩm định và ban hành giáo trình lưu hành nội bộ năm 2022 theo quy định (**4.10.11** – *Quyết định số 395a/QĐ-CĐCN ngày 26/9/2022 về việc thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo năm 2022*). Chủ tịch hội đồng điều hành phiên họp của hội đồng tiến hành nhận xét, đánh giá về bản dự thảo giáo trình, thẩm định chất lượng của giáo trình đào tạo; Từ đó tổ biên soạn hoàn thiện giáo trình đào tạo theo ý kiến đóng góp của hội đồng thẩm định. Sau đó báo cáo kết quả thẩm định giáo trình đào tạo sau khi đã hoàn chỉnh theo ý kiến của hội đồng thẩm định và hiệu trưởng nhà trường ra quyết định phê duyệt và đưa vào sử dụng (**4.10.12** – *Hồ sơ thẩm định và nghiệm thu giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022; 4.9.05 - Quyết định số 433a /QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 về việc ban hành giáo trình nội bộ năm 2022; 4.9.06 – Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022; 4.9.07 – Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022*).

Quá trình thực hiện biên soạn, lựa chọn giáo trình ngành Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh thì 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định đúng theo quy định của Bộ LĐTB&XH.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 4.11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi xây dựng chương trình đào tạo cũng như biên soạn giáo trình, các tổ biên soạn bám sát quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

Giáo trình đào tạo được xây dựng, biên soạn hoặc lựa chọn trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong CTĐT đã xây dựng, đảm bảo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong CTĐT, nội dung trong giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô đun/môn học trong chương trình đào tạo. Trong từng mô đun có yêu cầu về kiến thức cần nắm được, kỹ năng vận dụng, phương pháp giảng dạy, bài tập liên hệ, bài tập nhóm và hướng dẫn tự học, giúp học sinh vận dụng kiến thức trong bài học được tốt hơn. Giáo trình thuận lợi cho việc dạy học tích hợp, có nội dung dạy học lý thuyết, nội dung dạy học thực hành, và hệ thống bài tập đan xen nhằm đảm bảo chất lượng giáo trình đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học. Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực trong biên bản của hội đồng thẩm định giáo trình năm 2019 và

2022 (**4.9.01** - Quyết định số 126/QĐ-CĐCN ngày 26/04/2019 ban hành giáo trình đào tạo các môn học chung lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2019; **4.10.06** – Hồ sơ thẩm định và nghiệm thu giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2019; **4.9.02** - Quyết định số 340/QĐ-CĐCN ngày 15/11/2019 về việc ban hành giáo trình nội bộ đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2019; **4.9.03** – Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019; **4.9.04** – Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019; **4.10.12** – Hồ sơ thẩm định và nghiệm thu giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022; **4.9.05** - Quyết định số 433a /QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 về việc ban hành giáo trình nội bộ năm 2022; **4.9.06** – Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022; **4.9.07** – Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022).

Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, HSSV đã tốt nghiệp đối với các giáo trình đào tạo. Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. Kết quả khảo sát năm 2021 tỷ lệ khảo sát đạt 89,5%, kết quả về cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng loại 1 rất tốt đạt 29,41%, loại 2 tốt đạt 55,88%, loại trung bình 14,71 % và không tốt là 0%, Kết quả về phương pháp dạy học tích cực loại 1 rất tốt đạt 26,47%, loại 2 tốt đạt 58,82%, loại trung bình 14,71 % và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2022 tỷ lệ khảo sát đạt 84,6%, kết quả về cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng loại 1 rất tốt đạt 30,30%, loại 2 tốt đạt 54,55%, loại trung bình 15,15 % và không tốt là 0%, kết quả về phương pháp dạy học tích cực loại 1 rất tốt đạt 27,27%, loại 2 tốt đạt 57,58%, loại trung bình 15,15% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2023 tỷ lệ khảo sát đạt 94,7%, kết quả về cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng loại 1 rất tốt đạt 30,56%, loại 2 tốt đạt 55,56%, loại trung bình 13,88 % và không tốt là 0%, kết quả về phương pháp dạy học tích cực loại 1 rất tốt đạt 27,77%, loại 2 tốt đạt 55,56%, loại trung bình 16,67% và không tốt là 0% (**2.3.09** - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024; **1.1.08** - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **1.1.09** - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp 2021, 2022, 2023).

Như vậy toàn bộ giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được biên soạn giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình xây dựng giáo trình và thẩm định giáo trình ngành Công nghệ ô tô nhà trường đều có các ủy viên trong hội đồng xây dựng và hội đồng thẩm định giáo trình

là người sử dụng lao động. Từ đó giáo trình đào tạo được xây dựng, biên soạn trên cơ sở tuân thủ mục tiêu và nội dung của các môn học, mô đun trong CTĐT đã xây dựng, bảo đảm tính chính xác, tính hệ thống, tính sư phạm; bảo đảm sự cân đối, phù hợp giữa các nội dung chuyên môn và các hình vẽ, bản vẽ, sơ đồ minh họa, nội dung kiến thức, kỹ năng đảm bảo mục tiêu của từng chương, bài trong mỗi môn học, mô đun phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Từ đó Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo, tổ chức thẩm định và ban hành toàn bộ giáo trình đào tạo cho các chương trình cao đẳng năm 2019 và năm 2022. Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong biên bản của hội đồng thẩm định giáo trình (**4.9.01** - Quyết định số 126/QĐ-CĐCN ngày 26/04/2019 về việc ban hành giáo trình đào tạo các môn học chung lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2019; **4.10.06** – Hồ sơ thẩm định và nghiệm thu giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2019; **4.9.02** - Quyết định số 340/QĐ-CĐCN ngày 15/11/2019 về việc ban hành giáo trình nội bộ đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2019; **4.9.03** – Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019; **4.9.04** – Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019; ; **4.10.12** – Hồ sơ thẩm định và nghiệm thu giáo trình nghề Công nghệ ô tô năm 2022; **4.9.05** - Quyết định số 433a/QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 về việc ban hành giáo trình nội bộ năm 2022; **4.9.06** – Bảng thống kê giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022; **4.9.07** – Bản in giáo trình ngành Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2022).

Để chất lượng của giáo trình đảm bảo phù hợp giữa giảng dạy và thực tiễn cũng như phù hợp với sản xuất kinh doanh và dịch vụ hàng năm, nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến của giáo viên chuyên môn, chuyên gia từ các cơ sở sản xuất, cán bộ quản lý, HSSV sau khi tốt nghiệp, đánh giá về chất lượng giáo trình và mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới về kỹ thuật công nghệ để nhà trường rút kinh nghiệm cho việc biên soạn giáo trình ngành Công nghệ ô tô đảm bảo chất lượng và phù hợp với yêu cầu thực tế, cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào giáo trình đào tạo. Kết quả khảo sát năm 2021 tỷ lệ khảo sát đạt 89,5%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 23,94%, loại 2 tốt đạt 61,76%, loại trung bình 14,3% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2022 tỷ lệ khảo sát đạt 84,6%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 24,24%, loại 2 tốt đạt 60,61%, loại trung bình 15,15% và không tốt là 0%; Kết quả khảo sát năm 2023 tỷ lệ khảo sát đạt 94,7%, kết quả cụ thể như sau: loại 1 rất tốt đạt 30,56%, loại 2 tốt đạt 61,11%, loại trung bình 8,33% và không tốt là 0% (**2.3.09** - Kế hoạch lấy ý kiến, Phiếu khảo sát, Báo cáo khảo sát cán bộ quản lý, viên chức, người lao động năm học 2021-2022; 2022-2023, 2023-2024; **1.1.08** - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023; **1.1.09** - Kế hoạch và Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp 2021, 2022, 2023).

Như vậy toàn bộ giáo trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô được biên soạn giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 02 điểm

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Ngành Công nghệ ô tô thuộc khoa Công nghệ ô tô quản lý, được bố trí giảng dạy và học tập tại trung tâm công nghệ cao BCI và tại các khu giảng đường nhà C, D hiện đại, đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập. Bên cạnh khuôn viên được quy hoạch tổng thể và chi tiết, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp, hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, các phòng học chuyên môn đảm bảo các điều kiện cho hoạt động dạy và học, đáp ứng quy mô đào tạo ngành công nghệ ô tô của nhà trường.

Nhà trường có cơ sở hạ tầng phát triển tốt, đảm bảo đủ về mặt bằng, diện tích, giao thông, các công trình phục vụ được xây dựng kiên cố, vững chắc, đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo của chương trình công nghệ ô tô.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết và xưởng thực hành; các máy móc, trang thiết bị, dụng cụ được bố trí hợp lý, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt và vận hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường đảm bảo tốt điều kiện giảng dạy của ngành công nghệ ô tô, các thiết bị đào tạo của ngành có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. Để đảm bảo đạt mục tiêu của chương trình đào tạo về hình thành kỹ năng nghề cho sinh viên, khoa Công nghệ ô tô đã thực hiện đúng các quy trình về cấp phát vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Trong quá trình đào tạo, nhận thấy được vai trò quan trọng của thư viện đối với hoạt động của nhà trường, của khoa và của ngành Công nghệ ô tô để nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập. Thư viện được bố trí linh hoạt, bao gồm tủ sách đặt tại khoa Công nghệ Ô tô thuận tiện cho giảng viên và sinh viên nghiên cứu, học tập. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được nhà trường phê duyệt; có đủ bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Nhà trường đã bố trí hệ thống thư viện gồm: 01 phòng đọc sách, 01 kho sách phục vụ nhu cầu của bạn đọc, thành lập các Tủ sách thư viện tại các Khoa, thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên và HSSV tra cứu tài liệu.

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường có đầy đủ hệ thống phòng học lý thuyết và xưởng thực hành; các máy móc, trang thiết bị, dụng cụ được bố trí hợp lý, thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt và vận hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường đảm bảo tốt điều kiện giảng dạy của ngành công nghệ ô tô. Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên phù hợp với công năng và các yêu cầu kiến trúc, cảnh quan sư phạm bảo đảm khoảng cách an toàn, yên tĩnh cho giảng dạy và học tập.

Nhà trường có hệ thống phòng học, giảng đường, xưởng thực hành được xây dựng kiên cố, hệ thống giao thông nội bộ thuận lợi, hệ thống cấp thoát nước tốt đảm bảo các điều kiện giảng dạy ngành Công nghệ ô tô.

Thư viện có chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ công tác đào tạo ngành Công nghệ ô tô; có phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu, có hệ thống nối mạng, công nối mạng Internet hoạt động tốt. Thường xuyên giới thiệu các giáo trình tài liệu mới cho bạn đọc. Nhà trường đã ký kết thỏa thuận liên kết với Công ty TNHH Tài liệu trực tuyến VINA xây dựng và phát triển thư viện số. Tất cả 1.700.000 tài nguyên số có trong website: <http://thuvienbci.edu.vn> đều được thư viện Nhà trường truy cập và sử dụng. Như vậy, thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã đáp ứng tốt cho nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh, sinh viên ở mọi không gian và thời gian khác nhau.

Các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học được phát huy hiệu quả trong quá trình giảng dạy.

* **Những tồn tại:** Không có.

* **Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo tốt nhất phục vụ cho người học.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 5.1	02
Tiêu chuẩn 5.2	02
Tiêu chuẩn 5.3	02
Tiêu chuẩn 5.4	02
Tiêu chuẩn 5.5	02
Tiêu chuẩn 5.6	02
Tiêu chuẩn 5.7	02
Tiêu chuẩn 5.8	02

Tiêu chuẩn 5.1: *Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước ngành Công nghệ ô tô đảm bảo quy chuẩn xây dựng được xây dựng theo quy hoạch chi tiết tại quyết định số 1023/QĐ-CT ngày 04/10/2001 và phê duyệt đầu tư xây dựng, cải tạo tại các quyết định số 13/QĐ-SXD ngày 10/01/2008, số 1784/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt các hạng mục đầu tư nên đảm bảo quy chuẩn thiết kế; lưu trữ đầy đủ hồ sơ xây dựng, hồ sơ hoàn công. Xác định trong xưởng Công nghệ ô tô sẽ bao gồm những máy nén khí, máy ra vào lớp, máy cân bằng động, máy lắng phan

và cầu nâng 2 trụ phải có độ an toàn cao nên trong tính toán thiết kế nền móng đặt máy được thiết kế và xây dựng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật về xây dựng đảm bảo chống rung động.

Diện tích các hạng mục dùng cho học tập ngành Công nghệ ô tô được thể hiện trong số liệu thống kê:

TT	Hạng mục, công trình	Diện tích (m²)
1	Khu học tập	
1.1	Phòng 308 - Nhà lớp học 5 tầng	105
1.2	Phòng học chuyên môn – Khu Công nghệ cao ODA	120
2	Khu thực hành	
2.1	Xưởng ô tô 1 – Tầng 1 nhà D	250
2.2	Xưởng ô tô 2 – Tầng 1 nhà D	250
2.3	Xưởng ô tô 3 – Tầng 2 nhà D	250
2.4	Xưởng ô tô 4 – Tầng 2 nhà D	250
2.5	Xưởng Sử dụng dụng cụ cầm tay – Khu Công nghệ cao ODA	400
2.6	Xưởng liên kết đào tạo – TTDV ô tô Thuận Phong	200

Phòng học lý thuyết cho ngành Công nghệ ô tô được bố trí ở khu nhà 5 tầng, xây dựng theo quy chuẩn, có diện tích 65 m²/phòng học, đảm bảo diện tích theo quy định (105 m²/35 HSSV = gần 3 m²/chỗ học); kết cấu, kiến trúc đảm bảo các yêu cầu về an toàn và chiếu sáng tự nhiên. Ngoài Phòng 308 để giảng dạy môn học cơ sở của khoa Công nghệ Ô tô, để giảng dạy các môn học chung do khoa Khoa học – Kinh tế - Công nghệ thông tin đảm nhiệm còn có các phòng học lý thuyết 307 có diện tích tương đương phòng 308 và cũng được đặt tại khu giảng đường nhà C. Các phòng học đều có cửa sổ, hành lang thông thoáng, được bố trí đầy đủ hệ thống điện chiếu sáng (12 đèn neon, 04 quạt trần). Trong phòng học có Nội quy sử dụng phòng học để giáo viên, HSSV thực hiện theo quy định, đảm bảo an toàn.

Xưởng thực hành ngành Công nghệ ô tô được xây dựng theo quy chuẩn, đảm bảo chiều cao và quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, đáp ứng các yêu cầu công nghệ của các thiết bị đào tạo ngành Công nghệ ô tô, diện tích từ 250 đến 400 m²/xưởng đáp ứng được yêu cầu về không gian, diện tích ánh sáng, hệ thống thông gió, lắp đặt, vận hành các thiết bị chuyên môn an toàn, phòng chống cháy, nổ, xưởng đào tạo nghề Công nghệ ô tô, mặt nền được xử lý chống thấm, đổ bê tông cốt thép dày có thể chịu được tải trọng của các thiết bị có tải trọng lớn. Xưởng thực hành có Nội quy để đảm bảo an toàn trong quá trình thực tập. Năm học 2024-2025 là năm học đạt số lượng sinh viên ngành Công nghệ ô tô là 90 SV học tại 5 lớp như vậy mỗi lớp trung bình 15 sinh viên, như vậy với xưởng nhỏ nhất 250 m² thì diện tích/1SV sẽ là: 250m²/15SV = 17 m² đảm bảo theo quy định tại thông tư số 38/2018/TT-BLĐTBXH.

Để cung cấp nước sạch cho các xưởng Công nghệ ô tô, từ đường ống cấp nước D100 của nhà trường, được dẫn đến vị trí thuận lợi, thuận tiện cho việc lau rửa, vệ sinh. Trường sử dụng nước sạch do Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh cung cấp, do đó hệ thống cung cấp nước cho các khu học tập, sinh hoạt; công tác phòng cháy, chữa cháy cho các phòng học, xưởng thực hành ngành Công nghệ ô tô luôn được đảm bảo.

Hệ thống nước thải, chất thải được Trường thu gom, xử lý đảm bảo yêu cầu; hàng tuần được Công ty Cổ phần môi trường và Công trình đô thị Bắc Ninh đến thu góp và vận chuyển rác thải đến nơi xử lý theo quy định theo Hợp đồng số 08/HĐ-VCRT-TH-NH ngày 01/02/2019. (5.1.01 - Hợp đồng đấu nối với Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh; 5.1.02 - Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải với Công ty vệ sinh môi trường Bắc Ninh; 5.1.03 - Báo cáo tình hình cung cấp điện, nước năm 2021, 2022, 2023, 2024)

Tại các nhà xưởng thực hành ngành Công nghệ ô tô có thiết kế đường điện cụ thể, đường dây điện 3 pha, chiếu sáng, thông gió, quạt công nghiệp v.v. Tại các xưởng và các khu vực hoạt động trong trường đều có hệ thống ngắt điện bảo vệ tự động khi có sự cố xảy ra. Tại xưởng ô tô - trung tâm công nghệ cao được lắp đặt cầu dao tổng được đấu nối với nguồn điện chung của trường, từ cầu dao đường điện được tính toán thiết kế đi trên máng đến các vị trí máy và hệ thống chiếu sáng trong nhà xưởng (5.1.04 - Hợp đồng đấu nối với Điện lực TP Bắc Ninh)

Hệ thống phòng cháy, chữa cháy của Trường đặt tại các vị trí hành lang, cầu thang các tòa nhà và tại các xưởng thực hành ô tô được trang bị các bình chữa cháy và gắn các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy tại từng khu vực chức năng. Hệ thống phòng cháy, chữa cháy hàng năm được phòng Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ công an tỉnh Bắc Ninh kiểm tra, đánh giá tại các Biên bản kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, trong đó đánh giá công tác phòng cháy, chữa cháy của trường đảm bảo yêu cầu. Trên cơ sở khuyến nghị của Công an PCCC, Trường đều xây dựng kế hoạch PCCC và cứu nạn, cứu hộ và đều có báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng chống cháy nổ hàng năm (5.1.05 - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy các công trình; Biên bản kiểm tra phòng cháy, chữa cháy 2021, 2022, 2023, 2024; 5.1.06 - Kế hoạch công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ năm 2021, 2022, 2023, 2024; 5.1.07 - Báo cáo kết quả thực hiện công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ năm 2021, 2022, 2023, 2024)

Theo số liệu thống kê, lưu lượng HSSV quy đổi trong 3 năm gần đây:

- Năm học 2021-2022 là: 154 sinh viên
- Năm học 2022-2023 là: 163 sinh viên
- Năm học 2023-2024 là: 197 sinh viên

Như vậy, năm học 2023-2024 tổng số học sinh, sinh viên quy đổi nhiều nhất trong ba năm học qua là 197 SV. Nhu cầu phòng học, xưởng thực hành cần có là:

- Phòng học lý thuyết: $(197 \text{ HSSV} \times 0,3 (30\% \text{ học lý thuyết}))/35(\text{HSSV/lớp}) = 2$ phòng

- Xưởng thực hành: $(197 \text{ HSSV} \times 0,7(70\% \text{ học thực hành}))/18(\text{HSSV/lớp}) = 6$ xưởng.

Quá trình tổ chức hoạt động dạy và học, Trường xây dựng kế hoạch đào tạo 2 ca thực tập/ngày và đưa HSSV đi trải nghiệm thực tập tại doanh nghiệp. Như vậy phòng học, xưởng thực hành đáp ứng được công tác đào tạo của Trường theo quy định.

Kết thúc năm học, Trường có báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng phòng học, xưởng thực hành của các nghề đào tạo trong đó có ngành Công nghệ ô tô, đều đánh giá phòng học, xưởng thực hành đáp ứng đủ cho việc thực hiện kế hoạch đào tạo trong từng học kỳ của các nghề. (5.5.08 - Báo cáo việc quản lý, sử dụng phòng học, xưởng thực hành hàng năm)

Thông qua khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Được đánh giá hài lòng với vị trí, điều kiện giảng dạy, học tập của ngành Công nghệ ô tô (5.1.09- Phiếu khảo sát ý kiến của giáo viên, và HSSV về cơ sở vật chất thiết bị năm 2021, 2022, 2023, 2024; 5.1.10- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến về cơ sở vật chất thiết bị năm 2021, 2022, 2023, 2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: *Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị đào tạo ngành Công nghệ ô tô được đầu tư bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu và quỹ phát triển của nhà trường. Trang thiết bị của ngành Công nghệ ô tô về cơ bản đảm bảo đủ số lượng, công năng, thông số kỹ thuật, đúng chủng loại theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc theo yêu cầu được xác định trong các chương trình đào tạo phù hợp quy mô đào tạo ngành Công nghệ ô tô. Đây cũng chính là một yếu tố thuận lợi để đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên trình độ tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng (5.2.01 - Danh mục thiết bị đào tạo của khoa (kèm hồ sơ thiết bị); 5.2.02 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; 5.2.03 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Trang thiết bị đào tạo ngành Công nghệ ô tô, được đầu tư hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghệ mới như: Máy chẩn đoán Gcan 2; Máy cân bằng động; Máy láng phanh, Máy cân chỉnh vòi phun, Động cơ Hybrit, Động cơ phun dầu điện tử ... Ngoài ra để tiếp cận tốt nhất với sự phát triển của xã hội và nhu cầu của doanh nghiệp, Trường hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, tổ chức cho sinh viên đi học tập tại doanh nghiệp để sinh viên có cơ hội tiếp cận với các trang thiết bị, máy móc hiện đại. (5.2.05 - Các hợp đồng, các Biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp, nhà máy về thực tập sản xuất của học sinh, Hợp đồng thực tập và đào tạo kép với Garage ô tô Thuận Phong; 2.4.03 - Các quyết định cử sinh viên lớp Công nghệ ô tô đi thực tập sản xuất tại các cơ sở năm học 2020-2021: QĐ số 290/QĐ-CĐCN; năm học 2021-2022: QĐ số 165, 396, 309/QĐ-CĐCN; năm 2023: QĐ số 246 /QĐ-CĐCN; 5.2.05 - Sổ theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm; 5.2.06 - Thống kê số liệu HSSV các lớp, khóa học hàng năm; 2.2.02 - Kế hoạch đào tạo khóa học 2019-2022, 2020-2023, 2021-2024, 2022-2025; 2.2.03 - Tiến độ giảng dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)

Thông qua khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Được đánh giá hài lòng với vị trí, điều kiện giảng dạy, học tập của ngành Công nghệ ô tô (5.1.09- Phiếu khảo sát ý kiến của giáo viên, và HSSV về cơ sở vật chất thiết bị năm 2021, 2022, 2023, 2024; 5.1.10- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến về cơ sở vật chất thiết bị năm 2021, 2022, 2023, 2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị của ngành Công nghệ ô tô đảm bảo đủ số lượng, công năng, thông số kỹ thuật, đúng chủng loại theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc theo yêu cầu được xác định trong các chương trình đào tạo phù hợp quy mô đào tạo ngành Công nghệ ô tô. Đây cũng chính là một yếu tố thuận lợi để đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên trình độ tay nghề cao, đáp ứng được nhu cầu ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng (5.2.01 - Danh mục thiết bị đào tạo của khoa, kèm hồ sơ thiết bị; 5.2.02 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; 5.2.03 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề năm 2021, 2022, 2023, 2024).

- Năm học 2021-2022 là: 201 sinh viên (CNOTOCD K10A1,2: 58, CNOTOCD K11A1,2: 74, CNOTOCD K12A1,2: 69)

- Năm học 2022-2023 là: 216 sinh viên (CNOTOCD K11A1,2: 74, CNOTOCD K12A1,2: 69, CNOTOCD K13A1,2: 73)

- Năm học 2023-2024 là: 216 sinh viên (CNOTOCD K12A1,2: 39, CNOTOCD K13A1,2: 51, CNOTOCD K14A1,2: 93)

Như vậy mỗi năm học trung bình ngành Công nghệ ô tô có trên 200 Sinh viên theo học thực hiện học theo chương trình đào tạo đã được ban hành cụ thể:

Sinh viên Cao đẳng CNOTOCD K11 thực hiện đào tạo theo chương trình được ban hành năm 2019 bao gồm 12 Môn học cơ sở và 19 Mô đun chuyên môn. Sinh viên Cao đẳng CNOTOCD K12, CNOTOCD K13; CNOTOCD K14 thực hiện đào tạo theo chương trình được ban hành năm 2022 bao gồm 11 Môn học cơ sở và 18 Mô đun chuyên môn.. Các Môn học được ưu tiên đào tạo trong năm học đầu tiên sau khi sinh viên nhập học (1.1.01. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô 2019, 2022)

Trên cơ sở chương trình đào tạo đã được phê duyệt, khoa Công nghệ Ô tô tiến hành xếp kế hoạch giáo viên cho từng lớp theo học kỳ đảm bảo tình khoa học, hiệu quả trong đào tạo và trên các trang thiết bị đầy đủ, hiện đại. Từ kế hoạch giáo viên theo năm học đó, phòng đào tạo phối hợp với khoa xếp thời khóa biểu, trên đó bố trí cụ thể từng ngày dạy và học, thời gian học, phòng học đối với Môn học và xưởng thực hành đối với Mô đun, đảm bảo không có sự chồng chéo về lớp, về giảng viên và xưởng thực hành (5.3.01 - Diễn biến HSSV các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.1.10 - Các Quyết định Biên chế các lớp Cao đẳng và Trung cấp năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.03 - Tiến độ đào tạo các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025; 2.2.04 - Kế hoạch giáo viên theo học kỳ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024,

2024-2025; 2.2.05 - Thời khóa biểu theo tuần học của năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)

Thông qua khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Được đánh giá hài lòng với vị trí, điều kiện giảng dạy, học tập của ngành Công nghệ ô tô (5.1.09- Phiếu khảo sát ý kiến của giáo viên, và HSSV về cơ sở vật chất thiết bị năm 2021, 2022, 2023, 2024; 5.1.10- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến về cơ sở vật chất thiết bị năm 2021, 2022, 2023, 2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo ngành Công nghệ ô tô khi lắp đặt được bố trí tuân thủ khuyến nghị của nhà sản xuất ghi trong hồ sơ máy, tuân thủ các quy định an toàn và vệ sinh công nghiệp. Các thiết bị nặng của nghề Công nghệ ô tô bố trí bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, dễ tiếp cận để vận chuyển, bảo dưỡng và vẫn đủ không gian cho hướng dẫn thực hành, đặc biệt là các thiết bị được đầu tư từ các dự án của ODA, của GIZ được lắp đặt tại nhà xưởng Trung tâm Công nghệ cao.

Các thiết bị được bố trí theo dãy hoặc hàng (đối với các thiết bị có kích thước lớn). Giữa các hàng, dãy có lối đi rộng rãi từ 1,5 đến 2m, bản học lý thuyết bố trí ở góc riêng trong xưởng. Đối với các thiết bị có kích thước vừa hoặc nhỏ, thiết bị bố trí theo hình chữ U hoặc chữ L, bản học lý thuyết bố trí ở giữa hoặc góc, có thể linh hoạt bố trí lại theo nhóm hay theo ý đồ dạy học của giáo viên vừa thuận tiện cho việc học lý thuyết và thực hành (5.4.01- Sơ đồ bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành; 5.4.02 - Bộ ảnh chụp bố trí thiết bị tại các xưởng thực hành)

Trong các xưởng thực hành Công nghệ ô tô đều có Nội quy xưởng thực hành qui định về công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, bảng hướng dẫn vận hành sử dụng máy, phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn trong quá trình thực tập. Đối với các thiết bị có yêu cầu về an toàn trong vận hành như các thiết bị điện, cầu nâng, máy mài, các loại máy gia công cơ khí của ngành Công nghệ ô tô đều có Hướng dẫn sử dụng cụ thể của nhà sản xuất hoặc quy trình vận hành gắn kèm với thiết bị ở vị trí dễ quan sát. Máy móc, thiết bị đều được gắn tem mác rõ ràng và được kiểm tra chặt chẽ (5.4.03 - Nội quy xưởng thực hành; 5.4.04 - Bộ ảnh chụp Hướng dẫn an toàn/Quy trình vận hành gắn trên các thiết bị; 5.4.05 - Tem gắn mã tài sản trên các thiết bị)

Các thiết bị thực hành được quản lý chặt chẽ bởi bộ phận chuyên trách của trường và khoa Công nghệ ô tô, do đó đảm bảo được an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng trang thiết bị; dụng cụ trong xưởng thực hành được sắp xếp trong các tủ đựng dụng cụ ngăn nắp, gọn gàng (5.4.06 - Sổ theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm; 5.4.07 - Sổ quản lý theo dõi thiết bị tại khoa; 5.4.08 - Biên bản kiểm kê và đánh giá tình trạng thiết bị dạy nghề hàng năm).

Công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp, thu gom rác thải đảm bảo yêu cầu. Sau mỗi buổi thực hành, HSSV được hướng dẫn thu dọn dụng cụ, vệ sinh thiết bị đúng quy định trong Nội quy xưởng thực hành. Việc thu gom rác thải sinh hoạt được tập trung vào các thùng rác bố trí hợp lý ở từng khu vực xưởng để Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Bắc Ninh đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo các Hợp đồng đã ký kết (**5.1.02** - *Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải với Công ty vệ sinh môi trường Bắc Ninh*).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, học sinh, sinh viên về xưởng, thiết bị, dụng cụ đào tạo. Được đều đánh giá thiết bị xưởng được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn và vệ sinh công nghiệp (**5.1.09**- *Phiếu khảo sát ý kiến của giáo viên, và HSSV về cơ sở vật chất thiết bị năm 2021, 2022, 2023, 2024*; **5.1.10**- *Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến về cơ sở vật chất thiết bị năm 2021, 2022, 2023, 2024*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 5.5: *Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nguyên, nhiên vật liệu phục vụ đào tạo ngành Công nghệ ô tô được bố trí, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện, tuân thủ các quy định an toàn và vệ sinh công nghiệp. Các nguyên, nhiên vật liệu nặng, chiều dài lớn bố trí bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và môi trường sư phạm theo đúng công năng sử dụng, dễ tiếp cận để vận chuyển và vẫn đủ không gian cho sắp xếp các vật liệu khác trong kho, nguyên, nhiên vật liệu được bố trí theo tầng trên giá hoặc được bố trí vị trí cố định, nhưng vẫn đảm bảo thông thoáng. Đối với các nguyên, nhiên vật liệu có kích thước vừa hoặc nhỏ, bố trí đặt trên giá hoặc trong tủ để đồ theo quy định, có thể linh hoạt bố trí lại theo nhóm hay theo ý đồ dạy học của giáo viên vừa thuận tiện cho việc sắp xếp vừa thuận tiện trong quá trình đào tạo (**5.5.01**- *Bộ ảnh chụp bố trí nguyên, nhiên vật liệu tại kho*)

Năm 2018 Nhà trường đã ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho 11 ngành nghề đào tạo theo quyết định số 10a/QĐ-CĐCN ngày 19/01/2018 trong đó có ngành Công nghệ ô tô. Năm 2020, Trường đã tổ chức rà soát lại định mức kinh tế-kỹ thuật các nghề trên cơ sở đối chiếu với định mức kinh tế-kỹ thuật các nghề và trình độ tương ứng trong các Thông tư do BLĐT BXH đã ban hành. Trường đã ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật của 11 nghề theo Quyết định số 102/QĐ-CĐCN ngày 07/05/2020 trong đó có ngành Công nghệ ô tô (**1.3.01**- *Định mức kinh tế kỹ thuật cho ngành Công nghệ ô tô năm 2018, 2020*)

Trường cũng đã ban hành quy chế quản lý, cung ứng và sử dụng vật tư trong đào tạo theo quyết định số 65/QĐ-CĐCN ngày 12/2/2018, sửa đổi bổ sung bởi quyết định số 31/QĐ-CĐCN ngày 21/01/2020. (**1.3.06** - *Quy chế cung ứng và quản lý vật tư trong đào tạo năm 2021, 2022, 2023, 2024*)

Quy chế có 3 chương, 10 Điều, trong đó có quy định cụ thể về Công tác lập kế hoạch và mức tính vật tư (mức tính vật tư được tính trên cơ sở số giờ thực hành được

tính theo tình hình thực tế trên ca học); Công tác cung ứng, Thủ tục cấp phát vật tư; Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vật tư; Việc thu hồi vật liệu sau thực tập.

Khi thiết bị, vật tư được nhập về đưa vào kho của Nhà trường để bảo quản, lưu giữ; các khoa khi lĩnh thiết bị, vật tư phải thực hiện đúng Quy chế cung ứng và quản lý vật tư đã ban hành. Giáo viên và Khoa chuyên môn căn cứ kế hoạch, tiến độ đào tạo lập dự trù vật tư cho các mô đun/môn học cho từng quý để nhà trường tổ chức mua sắm. Trên cơ sở dự trù vật tư được phê duyệt, khoa và giáo viên lập Giấy lĩnh vật tư trình Hiệu trưởng phê duyệt. Phòng Kế toán, thủ kho xuất vật tư theo Giấy lĩnh vật tư để thực hiện kế hoạch đào tạo. (1.3.08 - Dự trù vật tư quý các năm 2021, 2022, 2023, 2024; 1.3.09 - Phiếu giao nhận vật tư)

Trường có hệ thống quản lý việc cấp phát vật tư, trang thiết bị hàng hóa, vật liệu do phòng TCHC phụ trách. Việc cấp phát, thu hồi vật tư, nhiên liệu thực hiện theo quy định và được báo cáo để Hiệu trưởng phê duyệt (1.3.10 - Biên bản đánh giá, thu hồi vật tư, sản phẩm thực tập; 5.5.02 - Sổ quản lý, cấp phát, sử dụng, vật tư thực tập hàng năm)

Kết thúc năm học, Khoa Công nghệ ô tô có Báo cáo liên quan đến công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư trong năm; trong đó đánh giá việc cấp phát vật tư thực hiện đúng định mức và dự trù vật tư, đáp ứng yêu cầu thực tập của mô đun thực hành (1.2.06 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa CNOTO năm 2021, 2022, 2023, 2024)

Định kỳ tiến hành khảo sát giáo viên, học sinh, sinh viên về quản lý, sử dụng vật tư. Việc cấp phát các vật tư, nhiên liệu thực hiện theo đúng quy định, kịp thời, không bị thất thoát hoặc sử dụng sai mục đích, đảm bảo đúng kế hoạch và tiến độ, đào tạo (5.5.03- Phiếu khảo sát giáo viên, học sinh về bảo quản, sử dụng vật tư năm 2021, 2022, 2023, 2024; 5.5.04- Biên bản tổng hợp kết quả khảo sát năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

1. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được phê duyệt

Thống kê sinh viên Cao đẳng được đào tạo theo chương trình đã được phê duyệt cụ thể như sau: Sinh viên Cao đẳng CNOTOĐ K10, CNOTOĐ K11 thực hiện đào tạo theo chương trình được ban hành năm 2019 bao gồm 12 Môn học cơ sở và 19 Mô đun chuyên môn. Sinh viên Cao đẳng CNOTOĐ K12, CNOTOĐ K13, CNOTOĐ K14 thực hiện đào tạo theo chương trình được ban hành năm 2022 bao gồm 11 Môn học cơ sở và 18 Mô đun chuyên môn.

Toàn bộ chương trình được ban hành năm 2017, 2019, 2022 đều có Giáo trình đào tạo được xây dựng chi tiết, đáp ứng được nhu cầu của người học (1.1.01 - Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô 2019, 2022; 5.6.01 - Bảng kê danh mục giáo trình ngành

Công nghệ ô tô năm 2019. 2022 ; 5.6.02 - QĐ 9 Quyết định số 340/QĐ-CĐCN ngày 15/11/2019 ban hành giáo trình lưu hành nội bộ trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng năm 2019; Quyết định số 433a /QĐ-CĐCN ngày 12/10/2022 về việc ban hành giáo trình nội bộ năm 2022).

2. Giáo trình có đủ bản in đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học, toàn bộ chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Trường có đủ tài liệu, chương trình, giáo trình đã được phê duyệt, mỗi loại giáo trình đều có ít nhất 05 bản in tại Thư viện để phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập của giáo viên và học sinh sinh viên. Tất cả giáo trình lưu hành nội bộ của Trường được số hóa lên website và thư viện số của Trường (5.6.03- <https://bci.edu.vn/danh-muc-giao-trinh-luu-hanh-noi-bo-2019.html>; <http://thuvienso.bci.edu.vn/chuong-trinh-giao-trinh/tat-ca-tai-lieu-chuong-trinh-giao-trinh-9138-0.html>)

3. Có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo cho người học

Từ năm 2018, Thư viện Trường đã thành lập các Tủ sách thư viện khoa, tủ sách này được đặt ở văn phòng khoa Công nghệ ô tô tạo thuận lợi, mang lại hiệu quả tối ưu cho việc đọc, nghiên cứu tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập của giáo viên và HSSV. Theo số liệu thống kê, hiện tại Thư viện Trường có 2245 đầu sách các loại với số bản in 7503 bản in, trong đó số giáo trình các môn học/mô đun nghề đào tạo trường phê duyệt là 287 giáo trình với 1535 bản in, còn lại là sách tham khảo và các loại sách khác. Hàng năm, thư viện đều bổ sung thêm các giáo trình, tài liệu mới phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học cho các giáo viên và học sinh sinh viên. (5.6.04 - Quyết định thành lập Tủ sách Thư viện ở các Khoa chuyên môn; 5.6.05 - Biên bản giao nhận sách tài liệu cho tủ sách thư viện khoa)

Định kỳ tiến hành khảo sát giáo viên, học sinh, sinh viên về các điều kiện và tài liệu học tập, giảng dạy của thư viện đều nhận được phản hồi tốt (5.6.06 - Phiếu khảo sát giáo viên, học sinh về điều kiện hoạt động của thư viện 2021, 2022, 2023; 5.6.07- Biên bản tổng hợp kết quả khảo sát năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện nhà trường được trang bị máy tính phục vụ công tác tra cứu, truy cập thông tin và quản lý thư viện (5.7.01 - Danh mục trang thiết bị thư viện). Hiện nay, Thư viện đang sử dụng phần mềm Quản lý thư viện trường học (SLIMS). Đây là một phần mềm với nhiều ưu điểm trong xử lý nghiệp vụ thư viện cũng như quản lý, lưu thông tài liệu giúp cho Thư viện nhà trường hoạt động hiệu quả, góp phần tin học hoá công tác quản lý thư viện (5.7.02 - Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện; 5.7.03 - Ảnh chụp phần mềm quản lý Thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường đã được số hóa và được cập nhật trên website và thư viện số của trường (5.7.04 - Danh mục giáo trình đã được số hóa

của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh; 5.7.05 - Link sách, tài liệu tham khảo được số hóa: <https://bci.edu.vn/tai-lieu-dien-tu.html>; <https://bci.edu.vn/gioi-thieu-sach-tai-lieu-ban-mem-hay.html>)

Năm 2022, Nhận thấy tầm quan trọng của Thư viện điện tử, Nhà trường đã hợp tác với công ty TNHH Tài liệu trực tuyến Vi Na xây dựng, phát triển và khai thác thư viện số. Tất cả nội dung tài nguyên số có trong website <http://tailieu.vn> (hơn 1.700.000 tài liệu) đều được Thư viện trường Cao đẳng Công nghiệp toàn quyền truy cập và sử dụng (5.7.06 - Website <http://thuvienso.bci.edu.vn>; 5.7.07 - Hợp đồng kinh tế số 35/VDOC-BCI; 5.7.08 - Ảnh chụp website thư viện số của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.) Như vậy, bạn đọc Thư viện của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có thể truy cập, download tài nguyên theo ý muốn trong số hơn 1.700.000 tài liệu của thư viện số phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Hàng năm Thư viện tổ chức thu thập ý kiến của bạn đọc đánh giá hiệu quả hoạt động của thư viện. Kết quả khảo sát cho thấy thư viện điện tử Trường phục vụ hiệu quả cho nhu cầu tra cứu của bạn đọc tốt (5.6.06 - Phiếu khảo sát giáo viên, học sinh về điều kiện hoạt động của thư viện 2021, 2022, 2023; 5.6.07- Biên bản tổng hợp kết quả khảo sát năm 2021, 2022, 2023, 2024)).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 5.8: *Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với mục tiêu hội nhập khu vực và thế giới, khoa Công nghệ Ô tô đã được đầu tư mua sắm trang thiết bị hiện đại đặc biệt là các trang thiết bị phục vụ giảng dạy như máy tính, máy chiếu, các phần mềm hỗ trợ dạy học đặc biệt dạy cho ngành Công nghệ ô tô... để hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học.

1. Các phần mềm ảo đang được sử dụng để giảng dạy ngành Công nghệ ô tô được mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. (5.8.01 - Báo cáo các phần mềm đang sử dụng trong công tác đào tạo: - Dạy học trực tuyến: Zoom meeting, Google meet.... - Các phần mềm chuyên dụng mô phỏng, AutoCAD... - Các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu Projector, màn chiếu ...)

2. Phần mềm mô phỏng thực hành hoặc bài giảng, tài liệu giảng dạy có sử dụng phần mềm. (5.8.02 - Các thiết bị hỗ trợ dạy học: máy tính, máy chiếu vật thể, máy chiếu Projector, màn chiếu ...; 5.8.03 - Hồ sơ giảng dạy của giáo viên liên quan đến sử dụng phần mềm 2021, 2022, 2023, 2023; 5.8.04 - ảnh chụp các phần mềm)

3. Nhà trường giao cho khoa Công nghệ Ô tô quản lý và giảng dạy trên các phần mềm ảo, mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. (5.8.05 - TB về việc áp dụng phần mềm giảng dạy)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 02 điểm.

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí:

*** Mở đầu:**

Trong giai đoạn hiện nay “Dịch vụ người học” được nhà trường hết sức quan tâm, đầu tư để đáp ứng tốt nhu cầu của HSSV trong suốt quá trình học tập, rèn luyện tại trường. Nhà trường có đầy đủ Căng tin, Thư viện, Phòng y tế, Nhà thi đấu thể thao ... nhằm phục vụ các nhu cầu của CB, GV, NLĐ và các lớp HSSV.

Người học khi nhập trường đều được cung cấp các thông tin cần thiết về Chương trình học, thời gian học, học phí, thẻ HSSV, vé xe bus, các chế độ hỗ trợ của nhà nước NĐ81-CP; của tỉnh Bắc Ninh NQ10/HĐND-2019; chế độ hỗ trợ và học bổng của nhà trường một cách công khai, minh bạch. Các thông tin về nhà trường, các phòng Khoa, cũng như các thông tin khác được công bố trên Website của trường (<http://www.bci.edu.vn>).

Trường có bộ phận tư vấn hỗ trợ người học đi thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp cũng như giới thiệu học bổng và việc làm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các tỉnh lân cận.

*** Những điểm mạnh:**

- Hàng năm sau khi nhập học, tất cả các em Học sinh, Sinh viên (HSSV) được tham gia học tập đầu khóa, được các thầy giáo, cô giáo các đơn vị liên quan như: phòng Đào tạo, phòng Công tác HSSV, phòng Quan hệ công chúng, cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và một số khoa chuyên môn phổ biến các nội quy, quy định, chế độ chính sách, cụ thể:

+ Phòng Đào tạo triển khai đầy đủ các văn bản liên quan về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ Phòng Công tác HSSV triển khai các văn bản quy định về quy chế công tác HSSV, các nội quy, quy chế của trường (quy chế công tác HSSV, quy chế ứng xử văn hóa, quy định không hút thuốc lá trong trường học, quy định ký cam kết không buôn bán vận chuyển, buôn bán, tàng trữ pháo nổ.....) và các văn bản về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học (quy định miễn giảm học phí; khen thưởng HSSV; quy định xét, cấp học bổng đầu khóa, học bổng rèn luyện....)

+ Phòng Quan hệ công chúng triển khai các thông tin về thị trường lao động, việc làm, quan hệ doanh nghiệp, đào tạo kép, thực tập tốt nghiệp...

+ Cán bộ Đoàn thanh niên, Hội sinh viên triển khai các hoạt động về 5S, tình nguyện, giảng dạy mô đun xanh, bảo vệ môi trường, các hoạt động xã hội, các chương trình về văn nghệ, thể thao, chào xuân, khởi nghiệp...

- Trong quá trình học tập tại trường, tất cả các lớp HSSV được giáo viên chủ nhiệm lớp phổ biến, triển khai họp lớp để phối hợp triển khai tất cả các văn bản, chế độ chính sách của nhà trường, như: quy định miễn giảm học phí, thủ tục miễn giảm học phí cho HSSV.

- Ngoài ra nhà trường còn triển khai họp phụ huynh HSSV (trực tiếp hoặc online) vào đầu khóa và giữa kỳ để triển khai tất cả những vấn đề lớn liên quan đến HSSV, đảm bảo quyền và lợi ích cho HSSV.

- Trong rất nhiều năm qua trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh có mối quan hệ bền vững, tốt đẹp với các doanh nghiệp, công ty lớn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nhà trường có kế hoạch theo chương trình công tác năm, tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm rất tốt cho HSSV, đảm bảo tỷ lệ việc làm sau khi ra trường đạt kết quả rất cao.

- Các hoạt động giáo dục toàn diện cho HSSV (các chương trình văn nghệ, thể thao, kỹ năng mềm, ngoại ngữ ngoại khóa, startup kite, giáo dục truyền thống, giáo dục quốc phòng và an ninh, các hội thi, hội diễn...) được nhà trường rất quan tâm, chỉ đạo các đơn vị liên quan tổ chức, thực hiện và đạt chất lượng cao.

*** Những tồn tại:**

Hiện nay HSSV nói chung và sinh viên ngành Công nghệ ô tô (CNOTO) có nhu cầu chơi đá bóng cao, tuy nhiên nhà trường chưa có sân bóng đá; nếu được đầu tư, thành lập sân bóng đá thì hoạt động phong trào, hoạt động ngoại khóa được tốt hơn.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	08
Tiêu chuẩn 6.1	02
Tiêu chuẩn 6.2	02
Tiêu chuẩn 6.3	02
Tiêu chuẩn 6.4	02

Tiêu chuẩn 6.1. *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trước khi nhập học, trong quá trình học tập thì HSSV, phụ huynh HSSV... được tiếp cận các thông tin về nhà trường thông qua hệ thống thông tin trên bảng tin, website (<https://bci.edu.vn>), fanpage trường (Trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh), giáo viên chủ nhiệm, phòng/khoa liên quan... **(6.1.01 - Báo cáo về việc người học tiếp cận thông tin khi nhập học và trong quá trình học tập các năm 2021, 2022, 2023).**

Sau khi HSSV hàng năm nhập học, các em HSSV sẽ được nhận các văn bản liên quan việc học tập đầu khóa, HSSV sẽ được các thầy giáo, cô giáo trình bày, phân tích các nội dung liên quan về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các văn bản quy định về quy chế công tác HSSV, các nội quy, quy chế của trường (quy chế ứng xử văn hóa, quy định không hút thuốc lá trong trường học, quy định ký cam kết không buôn bán vận chuyển pháo nổ.....) và các văn bản về việc thực hiện chế độ chính sách đối với người học (quy định miễn giảm học phí; khen thưởng HSSV; quy định xét, cấp học bổng đầu khóa, học bổng rèn luyện....).

(6.1.02 - Các văn bản liên quan học tập đầu khóa hàng năm, thông báo tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh các năm 2021, 2022, 2023, 2024 và các văn bản liên quan)

Trong quá trình học tập, các em HSSV tiếp tục được giáo viên chủ nhiệm triển khai các văn bản liên quan về các nội quy, quy định về chế độ chính sách, các văn bản về những quy định của nhà trường thông qua sinh hoạt lớp, thông qua báo cáo tháng được gửi về phòng Công tác HSSV hàng tháng (gửi bản mềm về email: cthssv.bci@gmail.com); những nội dung này còn được triển khai trong các chương trình họp phụ huynh HSSV đầu khóa, giữa kỳ, hàng năm (**6.1.03** - Các quyết định về việc phân công giáo viên chủ nhiệm (GVCN) các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 và báo cáo công tác GVCN hàng tháng)

Các văn bản thể hiện nội quy, quy chế của trường (**6.1.04** - Các quyết định, kế hoạch liên quan về công tác Đào tạo, công tác HSSV năm Quy định ban hành của Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về CTHSSV, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp và xét, cấp học bổng khuyến khích học tập (Các QĐ v/v ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập; v/v ban hành thực hiện CTĐT, quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp; v/v ban hành Quy chế công tác HSSV và các văn bản, kế hoạch liên quan)

Hàng năm nhà trường ban hành kế hoạch khảo sát, mẫu phiếu khảo sát, tiến hành khảo sát, lấy ý kiến người học và các thành phần liên quan; các phiếu đều có kết quả hài lòng và rất hài lòng (**6.1.06** - Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2022, 2023, 2024 v/v cung cấp dịch vụ cho người học tại trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.2. Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, giao nhiệm vụ triển khai, tuyên truyền, thực hiện các chế độ, chính sách cho HSSV; đơn vị chủ trì: phòng Kế toán; đơn vị phối hợp thực hiện: phòng Công tác HSSV và các đơn vị liên quan (**6.2.01** - Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa liên quan về việc thực hiện chế độ chính sách theo quy định được thể hiện trong quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh các năm 2022, 2023, 2024)

Hàng năm nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn, thực hiện đầy đủ việc miễn giảm học phí học nghề cho các đối tượng HSSV học tập tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh theo quy định của chính phủ. Trong các năm vừa qua, HSSV nhà trường và sinh viên ngành Công nghệ ô tô đóng học phí thông qua hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản; HSSV năm thứ nhất sẽ đóng học phí năm thứ nhất từ khi nhập học; HSSV các năm tiếp theo sẽ đóng học phí theo năm học, mỗi năm đóng 10 tháng, chia làm 2 học kỳ, mỗi kỳ 5 tháng; đảm bảo đúng các quy định của nhà trường, của Bộ lao động-thương binh và xã hội, của Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ tài chính và các văn

quản nhà nước quy định khác có liên quan (6.2.02 - Các thông báo về việc thực hiện thu học phí và thông báo miễn giảm học phí các năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025)

Trong những năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025 nhà trường ban hành thông báo, quyết định thực hiện nghị quyết số 10 và nghị quyết số 05 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh, quy định việc miễn, giảm học phí cho HSSV đang học tập tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh (6.2.03 - Các thông báo về việc quy định hỗ trợ học phí theo nghị quyết số 10/NQ-HĐND, ngày 29/9/2021 và nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND, ngày 28/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh và các quyết định quy định, thực hiện chi hỗ trợ học phí học nghề tại trường).

Trong quá trình học tập, những HSSV học tập và rèn luyện tốt được Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường họp, báo cáo, trình Hiệu trưởng để được xem xét, cấp học bổng khuyến khích học tập, trong đó có nhiều sinh viên ngành CNOT được xét, cấp học bổng theo năm học.

- Năm học 2021-2022: Sinh viên Võ Minh Tuấn lớp CNOT CĐK11A1 đạt học bổng loại xuất sắc.

- Năm học 2022-2023: Sinh viên Nguyễn Khắc Tính lớp CNOT CĐK12A1 đạt học bổng loại xuất sắc.

- Năm học 2023-2024: đã họp, xét, chờ quyết định.

(6.2.04- Các văn bản quy định cấp học bổng, quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và các quyết định cấp học bổng khuyến khích học tập).

Trong quá trình học tập, những HSSV đạt thành tích cao như: tốt nghiệp thủ khoa, tốt nghiệp loại giỏi khi ra trường, đạt kết quả cao trong hội thi tay nghề các cấp, cuộc thi Startup Kite... sẽ được xem xét, khen thưởng; tổng hợp danh sách sinh viên ngành CNOT được khen thưởng, nội dung khen thưởng như sau:

- Năm 2022: Sinh viên Nguyễn Minh Chiến lớp CNOT CĐK10A1 tốt nghiệp thủ khoa, được tặng giấy khen của Hiệu trưởng và kinh phí 300.000 đồng;

- Năm 2023: Các sinh viên Nguyễn Công Quang, Võ Minh Tuấn, Lê Văn Hoan tốt nghiệp loại giỏi, được tặng giấy khen của Hiệu trưởng nhà trường;

- Năm 2024: Sinh viên Nguyễn Thế Sơn lớp CNOT CĐK12A2 tốt nghiệp thủ khoa loại Giỏi, được tặng giấy khen của Hiệu trưởng nhà trường.

(6.2.05- Các quyết định khen thưởng các năm 2021, 2022, 2023, 2024: QĐ khen thưởng cho HSSV tốt nghiệp thủ khoa loại giỏi; QĐ công nhận kết quả thi, khen thưởng cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN”, khen thưởng cuộc thi Hello summer hàng năm; các quyết định khen thưởng HSSV thi kỹ năng nghề, HSSV có thành tích xuất sắc trong năm học).

Ngoài ra nhà trường còn ban hành một số văn bản liên quan về việc hỗ trợ học sinh, sinh viên; hàng năm phòng Công tác HSSV là đơn vị đầu mối, kết hợp với các tổ chức Đoàn thể (Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường), giáo viên chủ nhiệm và các Phòng, Khoa rà soát HSSV có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà nhân các dịp như: ngày truyền thống HSSV, chuẩn bị đón tết nguyên đán, HSSV bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-

19....; đã tặng quà cho nhiều HSSV (6.2.06- Các quyết định, hình ảnh liên quan về việc “Hỗ trợ học sinh, sinh viên”).

Hàng năm HSSV nhà trường được các tổ chức Quốc tế như: Elis, Hessen, Korea food, GIZ, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam, Acecook, các doanh nghiệp.... hỗ trợ các gói học bổng, HSSV được nhận bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

(6.2.07. Một số quyết định trao học bổng, một số hình ảnh, đường link sinh viên nhận học bổng của các tổ chức trao các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Trong quá trình HSSV học tập tại trường, các em HSSV, sinh viên ngành CNOT được tạo điều kiện thuận lợi về công tác y tế, khám sức khỏe đầu khóa, bảo hiểm y tế, chăm sóc y tế, đảm bảo an ninh trường học...; phòng y tế được bố trí vị trí làm việc thuận lợi (tầng 1 nhà Hiệu bộ), phòng Công tác HSSV được bố trí làm việc tại phòng 107 nhà C để HSSV có các điều kiện thuận lợi khi có các đề nghị liên quan: về sức khỏe, xác nhận việc di chuyển nghĩa vụ quân sự, đi xe bus, ở ký túc xá, xác nhận là con đối tượng thương bệnh binh và các nội dung liên quan khác...

Căng tin nhà trường được bố trí thuận tiện, sạch sẽ, đảm bảo các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, 5s, giá dịch vụ hợp lý; căng tin được bố trí tại tầng 1 khu nhà B, với diện tích 300 m²; được trang bị đầy đủ điện, nước, ánh sáng, bàn ghế; trang thiết bị hàng năm đều được nhà trường nâng cấp... đảm bảo cho CBGV, HSSV nhà trường và sinh viên ngành CNOT sử dụng dịch vụ được thuận tiện, hài lòng (6.2.08. Báo cáo tổng kết các năm 2021, 2022, 2023 v/v thực hiện công tác y tế).

Hiện nay tỉnh Bắc Ninh xây dựng khu nhà ở sinh viên, đưa vào sử dụng từ năm 2011, với 3 tòa nhà 8 tầng, tại trung tâm thành phố Bắc Ninh, thuận tiện giao thông, cách trường 2.0 km; đáp ứng đầy đủ các điều kiện về chỗ ăn, ở, sinh hoạt, khu vui chơi, luyện tập thể thao, căng tin, phòng tập thể hình, các điều kiện về an ninh, trông giữ xe cho HSSV các trường, HSSV trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh và sinh viên ngành CNOT (6.2.09. Các văn bản liên quan KTX các năm 2021 đến 2024 của trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh).

Hàng năm nhà trường triển khai, thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người học; số tiền miễn học phí học nghề và cấp học bổng trong các năm học (6.2.10. Báo cáo thực hiện chế độ chính sách đối với người học các năm 2021, 2022, 2023 của Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Hàng năm Nhà trường thực hiện lấy ý kiến của người học, người đã tốt nghiệp về việc thực hiện các chế độ chính sách khen thưởng, đãi ngộ người đang học tập tại trường, hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập (6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2022, 2023, 2024 v/v cung cấp dịch vụ cho người học tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.3. Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường ban hành quy chế tổ chức và hoạt động, phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng đơn vị phòng, khoa; các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm.... được giao cho đơn vị phòng Quan hệ công chúng (6.3.01. Nội dung thể hiện về việc giao nhiệm vụ, chức năng làm việc cho đơn vị phòng Quan hệ công chúng trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường các năm 2022, 2023, 2024).

Trong quá trình học tập và chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, nhà trường đã có các văn bản, kế hoạch tổ chức phối hợp cùng các doanh nghiệp để thực hiện tư vấn, tuyển dụng (6.3.02. Hồ sơ tư vấn, tuyển dụng việc làm cho HSSV các năm 2021, 2022, 2023, 2024: Các quyết định, kế hoạch, thông báo, chương trình tư vấn, tuyển dụng việc làm cho HSSV).

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có mối liên hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp, trong đó có sự gắn kết chặt chẽ với công ty TNHH Samsung; dưới đây là các văn bản liên quan về kế hoạch, chương trình hợp tác, kết quả hợp tác, trong đó có các sinh viên ngành CNOT (6.3.03. Các văn bản hợp tác, kết quả hợp tác giữa trường Cao đẳng công nghiệp Bắc Ninh với công ty TNHH Samsung các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Hàng năm nhà trường tổ chức một số hội thảo liên quan nội dung kết nối nhà trường, doanh nghiệp (6.3.04. Một số chương trình, hội thảo giữa Nhà trường, doanh nghiệp, tư vấn nghề nghiệp các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Một số hình ảnh kèm theo về các hoạt động giới thiệu việc làm, tuyển dụng các năm 2021, 2022, 2023, 2024 được công khai trên website và fanpage trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Một số đường link, hình ảnh kèm theo về các hoạt động giới thiệu việc làm, tuyển dụng các năm 2021, 2022, 2023, 2024 được công khai trên website và fanpage trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

- Năm 2022:

<https://bci.edu.vn/co-hoi-nhan-hoc-bong-ky-thuat-vien-tai-nang-samsung-tiep-tuc-duoc-trao-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/bci-goertek-vina-trien-khai-nhung-buoc-dau-tien-trong-chuong-trinh-hop-tac-dao-tao.html>

<https://bci.edu.vn/hoi-thao-chuong-trinh-dao-tao-tai-doanh-nghiep-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/ki-ket-bien-ban-ghi-nho-hop-tac-dao-tao-giua-bci-va-so-cong-thuong-tinh-bac-ninh.html>

<https://bci.edu.vn/chuong-trinh-sinh-hoat-voi-chuyen-de-doi-moi-cong-tac-truyen-thong-va-tu-van-dinh-huong-nghe-nghiep-cho-thanh-nien-tao-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-phuc-vu-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-tinh-bac-ninh.html>

<https://bci.edu.vn/bci-goertekvina-ki-bien-ban-ghi-nho-hop-tac-dao-tao.html>

<https://bci.edu.vn/chuong-trinh-chia-se-thong-tin-ve-thi-truong-lao-dong-va-phong-van-tuyen-dung-danh-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/bci-va-cong-ty-tnhh-amkor-technology-viet-nam-ki-bien-ban-hop-tac.html>

<https://bci.edu.vn/sinh-vien-bci-sinh-hoat-ngoai-khoa-chuyen-de-tu-duy-dinh-huong-nghe-nghiep-va-phat-trien-ky-nang-lam-viec-chuyen-nghiep-trong-thoi-ky-doi-moi.html>

<https://bci.edu.vn/doan-doanh-nghiep-nhat-ban-tham-va-lam-viec-tai-bci.html>
<https://bci.edu.vn/sinh-vien-bci-tiep-tuc-nhan-hoc-bong-ky-thuat-vien-tai-nang-samsung.html>

- Năm 2023:

<https://bci.edu.vn/co-hoi-viec-lam-tai-goertek-vina-tiep-tuc-duoc-mo-ra-cho-sinh-vien-bci.html>

<https://bci.edu.vn/sinh-vien-bci-nang-cao-ky-nang-mo-rong-co-hoi-viec-lam.html>

- Năm 2024:

<https://bci.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-ky-nang-va-dinh-huong-nghe-nghiep-danh-cho-sinh-vien-bci-do-lg-display-viet-nam-to-chuc.html>

(6.3.05. Một số đường link tuyển dụng các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Nhà trường thực hiện công tác lần vết, trong đó HSSV ra trường có tỷ lệ việc làm cao. Kết quả khảo sát sinh viên ngành CNOT sau khi tốt nghiệp, ra trường, tỷ lệ việc làm cao (6.3.06. Hồ sơ khảo sát việc làm, lần vết các năm 2021, 2022, 2023, 2024 đối với HSSV sau khi tốt nghiệp).

Các doanh nghiệp tham gia hợp tác với nhà trường trong nhiều năm gần đây luôn có sự gắn kết chặt chẽ, phối hợp với nhà trường thực hiện các nội dung như:

- Hợp tác nghiên cứu khoa học, thẩm định chương trình, giáo trình.
- Hợp tác tham quan, trải nghiệm thực tế, thực tập tại doanh nghiệp.
- Chương trình đào tạo kép.
- Chương trình 5S.
- Chương trình cấp học bổng khuyến khích học tập.

- Chương trình tư vấn, giới thiệu việc làm, tuyển dụng lao động... (6.3.07. Hồ sơ tuyển dụng SV tốt nghiệp các năm 2021, 2022, 2023, 2024 (Các thông báo, công văn tuyển dụng của các doanh nghiệp; Báo cáo tổng hợp các doanh nghiệp tham gia các hoạt động hợp tác với trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh, kết quả hoạt động gắn kết giữa nhà trường với doanh nghiệp các năm 2021, 2022, 2023, 2024).

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm, cán bộ có liên quan (6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2022, 2023, 2024 v/v cung cấp dịch vụ cho người học tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6.4. Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong quá trình tham gia học tập tại trường, HSSV nhà trường nói chung và sinh viên ngành CNOTO được tạo điều kiện thuận lợi tham gia các hoạt động thể thao, văn

nghệ, các hoạt động xã hội, cụ thể: các chương trình Hello summer, các chương trình chào xuân, các giải thể thao, chương trình ngoại ngữ ngoại khóa, chương trình kỹ năng mềm, các hoạt động giáo dục truyền thống và các hoạt động khác nhằm phát triển toàn diện cho HSSV, cụ thể:

- Các hoạt động văn hóa văn nghệ:

+ Hoạt động như Chào xuân, chào hè (đây là 2 hoạt động đã bước sang năm thứ 9 liên tiếp, tính từ năm 2015 đến nay) là sân chơi để các em HSSV được thể hiện tài năng thuyết trình, thời trang, văn nghệ (chính), võ thuật...

+ Các hoạt động biểu diễn văn nghệ chào mừng các ngày Lễ khai giảng năm học mới, chương trình chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, chương trình Lễ bế giảng năm học, chương trình thi kỹ năng nghề, chương trình thi giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp các cấp...

+ Hội thi tiếng hát các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Các hoạt động thể thao: Các giải thi đấu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, kéo co, nhảy bao bố, đua thuyền trên cạn, đẩy gậy, đi xe đạp chậm...

- Các thông tin về tổ chức hoạt động:

+ Các hoạt động được tổ chức tại trường, cụ thể: Khu vực sân trường nhà C (phía trước nhà 5 tầng); khu vực sân nhà D (phía trước nhà 2 tầng); Hội trường B (diện tích 300 m²); trung tâm văn hóa thể thao BCi (diện tích trên 800 m²)...

+ Các địa điểm đã tổ chức khác: Sân bóng đá sinh viên (ký túc xá sinh viên Y Na, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh); Sân bóng đá tỉnh ủy Bắc Ninh; Sân bóng đá phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Sân bóng đá cung văn hóa thiếu nhi thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bắc Ninh; Trung tâm văn hóa Kinh Bắc thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Các trang thiết bị phục vụ các hoạt động: Có hệ thống loa công suất lớn, âm ly, âm thanh tốt; 01 loa điện tử di động; loa cầm tay; 02 sân bóng chuyền; 01 sân bóng rổ; 03 sân cầu lông; 01 bàn bóng bàn; Có đầy đủ các điều kiện tổ chức các môn như bóng chuyền, cầu lông, bóng đá...*(6.4.01 - Báo cáo tổng hợp các thông tin về khu thể dục, thể thao, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ các năm 2021, 2022, 2023).*

Trong nhiều năm gần đây, sinh viên nghề CNOT rất tích cực tham gia các hoạt động và đạt thành tích cao, cụ thể:

- Năm 2022 đội bóng đá sinh viên trường đạt giải nhất bóng đá lần thứ VII do Đoàn khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh (trận chung kết thắng đội bóng đá sở văn hóa thể thao và du lịch tỉnh Bắc Ninh với tỷ số 3-1).

- Năm 2023: Tổ chức giải bóng đá, cầu lông, bóng chuyền nhân dịp kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2023), chào mừng 41 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2023).

- Năm 2024: Tổ chức giải bóng đá nhân dịp kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2024), tham dự giải bóng đá Hội sinh viên tỉnh Bắc Ninh; giải bóng đá chào mừng 42 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2024) *(6.4.02- Hoạt động văn nghệ, thể thao các năm 2021, 2022, 2023, 2024: Các kế hoạch, quyết định, thể lệ, ảnh, đường link kèm theo hoạt động liên quan).*

Hàng năm nhà trường đều tổ chức chương trình Hello Summer; đây là hoạt động thường niên, thu hút được đông đảo các em HSSV trong trường tham gia; các đội tham gia chương trình sẽ thể hiện các phần thi như: chào hỏi, trình diễn tài năng, hùng biện, các hoạt động xã hội. Tại vòng thi chung kết Hello Summer các năm, BTC có mời các ông/bà có nhiều kinh nghiệm và hoạt động sáng tạo nghệ thuật về làm BGK như: Bà Ngô Thị Kim Tiên - Trưởng ban tuyên giáo tỉnh Đoàn Bắc Ninh, bà Nguyễn Thị Lan - PTP văn nghệ đài PTTT tỉnh Bắc Ninh, ông Nguyễn Lâm Hoàng – PTP văn nghệ đài PTTT tỉnh Bắc Ninh, NSUT Thu Hồng - PHT trường trung cấp Văn hóa nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh, thầy Nguyễn Đức Lưu...*(6.4.03- Hoạt động Hello summer các năm 2021, 2022, 2023, 2024: Các kế hoạch, quyết định, link chương trình).*

Hàng năm nhà trường tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ ngoại khóa, cuộc thi về tin học, chính trị Mác – Lê Nin... cho HSSV; có một số sinh viên chuyên ngành CNOT tích cực tham gia hoạt động *(6.4.04- Hoạt động ngoại ngữ ngoại khóa, kỹ năng mềm các năm 2021, 2022, 2023, 2024: Các quyết định, kế hoạch, chương trình, đường link).*

Từ năm 2020 đến nay, trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã tổ chức chương trình ý tưởng khởi nghiệp, những sinh viên ngành CNOT đạt thành tích cao trong chương trình, cụ thể:

- Năm 2021 đã có 22 ý tưởng tham dự vòng sơ loại cấp trường, xét chọn 08 ý tưởng tham dự vòng chung kết cấp trường.

- Năm 2022 đã có 21 ý tưởng tham dự vòng bán kết cấp trường, đã xét chọn 09 ý tưởng tham dự vòng chung kết, tổ chức thi 31/8/2022.

- Năm 2023 có 20 dự án/ý tưởng tham dự vòng bán kết cấp trường, đã lựa chọn 10 dự án/ý tưởng tham dự vòng chung kết cấp trường, dự kiến tổ chức thi tháng 8/2023. Hiện tại nhà trường có thầy Trần Văn Thực – Phó Hiệu trưởng, hiện đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch CLB Đầu tư và Khởi nghiệp tỉnh Bắc Ninh, trưởng ban vận động CLB đầu tư và khởi nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng, THCN, THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Năm 2024 đã bước sang năm thứ 5 liên tiếp trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh tổ chức cuộc thi về “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN”; năm 2024 có 20 dự án tham dự vòng thi bán kết cấp trường, BTC đã lựa chọn 10 dự án tham dự vòng thi chung kết cấp trường, kết quả cụ thể:

+ 01 giải nhất: CLB Startup Kite IT BCi, dự án Xây dựng nền tảng thương mại điện tử “Chợ Bắc Ninh”.

+ 02 giải nhì: Lớp ĐCN CĐK13A1, dự án Chế tạo nồi hơi tự động điều chỉnh hơi, nhiệt, áp suất, tiết kiệm năng lượng; Lớp CGKL CĐK13A1, CGKL CĐK14A1 dự án Xưởng chế tạo khuôn.

+ 03 giải ba: Lớp KTCBMA K41B dự án Kinh doanh đồ uống tốt cho sức khỏe HEALTHY DRINK; Lớp CNTT CĐK13A1 dự án Kinh doanh, thiết kế và phục hồi các sản phẩm Decor online - RT Décor; Lớp Cơ ĐT CĐK13A2 dự án Xưởng sửa chữa thiết bị công nghiệp.

+ 04 giải khuyến khích thuộc về các lớp: TMĐT CĐK14A2, ĐTCN CĐK13A4, TMĐT CĐK13A2, CN CTM CĐK14.

- Kết thúc vòng thi chung kết khởi nghiệp cấp trường, với các dự án đạt giải cao được nhà trường đăng ký cuộc thi khởi nghiệp các cấp, cụ thể:

+ Có 03 dự án lọt vòng thi chung kết cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo thanh niên Bắc Ninh; có 01 dự án đạt giải nhì, 02 dự án đạt giải tiềm năng.

+ Các dự án tiếp tục đăng ký tham dự cuộc thi về khởi nghiệp các cấp: Cuộc thi Vietfuture 2024, cuộc thi tìm kiếm tài năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Techfest 2024, cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp HSSV GDNN” toàn quốc 2024.

- Cũng trong năm 2024, nhà trường chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tập huấn về kiến thức khởi nghiệp cho HSSV nhà trường:

+ Phối hợp Sở công thương, tổ chức cho 60 sinh viên tham dự chương trình khởi nghiệp về thương mại điện tử tỉnh Bắc Ninh ngày 15/10/2024 tại trung tâm văn hóa Kinh Bắc.

+ Phối hợp Sở khoa học công nghệ Bắc Ninh tổ chức tập huấn cho 120 sinh viên về khởi nghiệp, ngày 25/10/2024 tại Hội trường B trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

+ Tổ chức tập huấn về khởi nghiệp cho HSSV vào các chương trình giảng dạy đầu khóa, các chuyên đề theo tháng, theo quý trong năm (**6.4.05- Hoạt động khởi nghiệp (Startup kite) các năm 2021, 2022, 2023, 2024: Các quyết định, thông báo, biên bản, ảnh, đường link;** **6.4.06- Câu lạc bộ đầu tư và khởi nghiệp của nhà trường, của tỉnh Bắc Ninh: Các quyết định và hoạt động liên quan**).

Hàng năm tất cả sinh viên các lớp Cao đẳng, trong đó có sinh viên ngành CNOT đều được Nhà trường phối hợp với trung tâm GDQP&AN – Đại học TĐTT – Từ Sơn, Bắc Ninh giảng dạy, học tập môn GDQP&AN; tại đây sinh viên các lớp ngành CNOT được học tập theo đúng quy chế đào tạo, các nội dung học tập như: tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao, bóng đá, sinh hoạt chính trị...

Đường link bài viết trên website trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh về việc tổ chức tham gia học GDQP&AN:

- **Năm 2021:** <https://bci.edu.vn/tan-sinh-vien-k12-hao-huc-len-duong-tham-gia-khoa-dao-tao-an-ninh-quoc-phong.html>

- **Năm 2022:** <https://bci.edu.vn/tan-sinh-vien-cao-dang-k13-hoan-thanh-khoa-dao-tao-giao-duc-an-ninh-quoc-phong.html>

- **Năm 2023:** <https://bci.edu.vn/tan-sinh-vien-cao-dang-k14-tham-gia-khoa-dao-tao-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh.html>

- **Năm 2024:** <https://bci.edu.vn/hon-800-sinh-vien-cao-dang-k15-tham-gia-khoa-dao-tao-giao-duc-quoc-phong-va-an-ninh.html>

Bảng tổng hợp tóm tắt một số nội dung liên quan việc tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao:

Kế hoạch/QĐ/TB	Nội dung hoạt động	Kết quả thực hiện
Năm 2021		
KH số 04/KH-CĐCN, ngày 27/01/2021	Tổ chức chào xuân năm 2021	Có 05 tiết mục văn nghệ
KH số 17/KH-CĐCN, ngày 31/3/2021	Tổ chức chương trình Hello summer 2021	Có 34 đội/lớp tham gia chương trình, thể hiện các phần: Hoạt động xã hội, tình nguyện; văn nghệ, tài năng và ứng xử.
CTr số 08/CTr-CĐCN, ngày 30/11/2021; QĐ số 405/QĐ-CĐCN, ngày 01/12/2021	Mở lớp ngoại ngữ ngoại khóa năm học 2021-2022	Có 29 sinh viên tham gia khóa học lớp ngoại ngữ tiếng Nhật Bản
Báo cáo số 30/BC-CĐCN, ngày 10/9/2021	Báo cáo tổng kết cuộc thi Startup kite năm 2021	Có 22 dự án tham dự vòng thi cấp trường; có 08 dự án tham dự vòng thi chung kết cấp trường; 03 dự án tham dự vòng thi bán kết cấp khu vực.
Báo cáo số 15/BC-ĐTN, ngày 26/11/2021	Tổng kết công tác Đoàn và PTTN năm 2021	<ul style="list-style-type: none"> - Có 30 ĐVTN tham gia tiếp sức mùa thi tại THPT Hàn Thuyên và Chuyên Bắc Ninh. - Tham gia giao lưu bóng đá với trường Cao đẳng y tế Bắc Ninh. - Tham dự cuộc thi “Sinh viên Việt Nam – hát mãi bản hùng ca” do Hội sinh viên tổ chức. - 45 ĐVTN tham gia hoạt động GDĐT tại Lăng Kinh Dương Vương và Đền Đô.
Năm 2022		
KH số 10/KH-CĐCN, ngày 26/01/2022	Tổ chức chào xuân năm 2022	Có 06 tiết mục văn nghệ
TB số 86/TB-CĐCN, ngày 17/6/2022	Biểu diễn văn nghệ chào mừng Hội thi thiết bị đào tạo tự làm tỉnh Bắc Ninh năm 2022	Có 04 tiết mục văn nghệ
QĐ số 352/QĐ-CĐCN, ngày 30/8/2022	Thành lập đội văn nghệ biểu diễn chào mừng cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp HSSV năm 2022	03 tiết mục văn nghệ

QĐ số 384/QĐ-CĐCN, ngày	Thành lập đội bóng đá tham dự giải bóng đá truyền thống đoàn khối.	03 CBGV và 13 HSSV tham dự giải; đạt giải nhất giải bóng đá.
KH số 31/KH-CĐCN, ngày 14/4/2022	Tổ chức chương trình Hello summer 2022	Có 15 đội tham gia chương trình Chung kết Hello summer thể hiện các phần: Hoạt động xã hội, tình nguyện; văn nghệ, tài năng và ứng xử.
QĐ số 353/QĐ-CĐCN, ngày 31/8/2022; QĐ số 502/QĐ-CĐCN, ngày 17/11/2022	QĐ công nhận kết quả thi chung kết cấp trường và QĐ cử đoàn công tác tham gia vòng chung kết cấp Quốc Gia về Startup kite	Có 9 dự án tham dự vòng thi chung kết cấp trường, với tổng kinh phí khen thưởng là 7.600.000 đồng; và QĐ cử 02 CBGV, 04 sinh viên tham gia vòng thi chung kết cấp Quốc Gia về Startup kite.
Báo cáo số 15/BC-ĐTN, ngày 18/11/2022	Tổng kết công tác Đoàn và PTTN năm học 2021-2022	- Tham gia tiếp sức mùa thi, kỳ thi vào lớp 10 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022: Đợt 1 có 46 ĐVTN, đợt 2 có 40 ĐVTN. - Nhiều lượt đợt tình nguyện trong năm: 20 ĐVTN tham gia tình nguyện chủ nhật xanh; 20 ĐVTN tham gia tình nguyện nhập học. - 500 ĐVTN tham gia chương trình tuyên truyền pháp luật về an ninh mạng và kỹ năng sử dụng không gian mạng...
KH số 08/KH-ĐTN, ngày 25/10/2022	Tổ chức giải thể thao chào mừng năm học 2022-2023 và kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	Có 36 đội bóng tham gia, có 24 đội tham gia thi đấu cầu lông, 12 đội tham gia thi đấu bóng chuyền.
Năm 2023		
KH số 01/KH-CĐCN, ngày 09/01/2023	Tổ chức chào xuân Quý Mão 2023	Có 05 tiết mục văn nghệ chào mừng
QĐ số 181/QĐ-CĐCN, ngày 18/4/2023	Thành lập đội văn nghệ tham gia Hội diễn các cơ sở GDNN năm 2023	Có 08 CBGV và 34 HSSV tham gia đội văn nghệ; kết quả đạt giải nhì toàn đoàn.
KH số 25/KH-CĐCN, ngày 28/3/2023	Tổ chức chương trình Hello summer 2023	Có 40 đội tham dự vòng sơ khảo chương trình thể hiện các phần: Hoạt động xã hội, tình nguyện; văn nghệ...

QĐ số 225/QĐ-CĐCN, ngày 15/5/2023	Công nhận KQ thi và chi hỗ trợ các đội tham dự chung kết Hello summer	38 đội tham dự vòng sơ khảo; chi hỗ trợ 33.500.000 đồng cho các đội dự vòng thi chung kết.
QĐ số 241/QĐ-CĐCN, ngày 19/5/2023	Công nhận kết quả thi, khen thưởng các đội dự thi chung kết Hello summer 2023	Có 10 đội tham dự vòng thi chung kết, có giải thưởng 12.000.000 đồng thưởng kèm theo.
QĐ số 288/QĐ-CĐCN, ngày 16/6/2023	Công nhận KQ thi và lựa chọn các dự án vào chung kết Startup kite.	Có 20 dự án, ý tưởng tham gia vòng bán kết; lựa chọn 10 dự án vào chung kết cấp trường.
QĐ số 455/QĐ-CĐCN, ngày 21/9/2023	Công nhận KQ thi, khen thưởng chung kết Startup kite 2023	Có 10 dự án tham dự chung kết; Tổng kinh phí khen thưởng là 8.100.000 đồng.
KH số 03/KH-HSV, ngày 22/6/2023; Báo cáo số 03/BC-HSV, ngày 23/8/2023	Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh	400 HSSV tham gia chiến dịch tình nguyện và tiếp sức mùa thi, các hoạt động chủ nhật xanh, mùa hè xanh năm 2023.
KH số 01/KH-ĐTN, ngày 17/02/2023	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 92 năm ngày thành lập Đoàn	08 đội tham gia giải bóng đá.
Kế hoạch số 03/KH-HSV, ngày 11/01/2024	Tham dự giải bóng đá Hội sinh viên tỉnh	01 đội bóng đá sinh viên trường tham dự giải tại nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh Bắc Ninh.
Kế hoạch số 03/KH-ĐTN, ngày 02/3/2024	Tổ chức giải bóng đá kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đoàn	12 đội tham gia giải bóng đá.
Kế hoạch năm 2024	Tổ chức giải thi đấu bóng đá chào mừng 42 năm ngày nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2024)	16 đội tham gia giải đấu

Hàng năm nhà trường tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa khác (tuyên truyền phổ biến pháp luật, tình nguyện, tuyên truyền an toàn giao thông, phòng chống ma túy...) (**6.4.07. Hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, tình nguyện, tuyên truyền phòng chống ma túy... trong các năm 2021, 2022, 2023, 2024**)

Nhà trường thực hiện khảo sát, báo cáo khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm (**6.1.05. Hồ sơ khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, CBQL, HSSV các năm 2022, 2023, 2024 v/v cung cấp dịch vụ cho người học tại trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 02 điểm

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí:

Công tác đào tạo gắn liền với liên kết doanh nghiệp được nhà trường chú trọng là mục tiêu số 1 trong chiến lược phát triển nhà trường. Nhà trường đã tổ chức các hoạt động tư vấn tìm việc làm, thực hiện khảo sát sinh viên đã tốt nghiệp ra trường, khảo sát các đơn vị sử dụng lao động để thấy được nhu cầu và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động, đào tạo gắn với doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu của xã hội. Theo định kỳ hằng năm, nhà trường thường tổ chức các hội nghị có sự tham gia của các doanh nghiệp và xin ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về công tác đào tạo của nhà trường. Nhà trường còn khảo sát đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp đối với tất cả ngành nghề nhà trường hiện đang đào tạo trong đó có nghề CNOT- với mục đích thu nhận thông tin khách quan về chương trình đào tạo, sản phẩm đào tạo của nhà trường, từ đó căn cứ điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với yêu cầu xã hội

Ngoài công tác thực hiện khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp, điều tra lần vết đối với người học đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp, nhà trường còn thực hiện các công tác khảo sát khác với mục đích nâng cao chất lượng như:

- Thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

- Thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Nhà trường tổng hợp số liệu từ các khảo sát để thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng theo quy định theo kế hoạch cụ thể từ đó thực hiện các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài.

*** Những điểm mạnh:**

Có kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hằng năm.

Nhiều doanh nghiệp đánh giá cao về công tác khảo sát đánh giá của nhà trường và sự quan tâm của nhà trường đến người học.

Có kế hoạch thực hiện tự đánh giá. Định kỳ hàng năm nhà trường có kế hoạch cụ thể về công tác tự đánh giá các đơn vị trong nhà trường và đánh giá tự đánh giá chất lượng cơ sở đào tạo.

* **Những tồn tại:** Công tác khảo sát lần vết còn gặp khó khăn vì HSSV thay đổi số điện thoại địa điểm làm việc.

* **Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tổ chức nhiều buổi tư vấn tìm việc cho sinh viên tốt nghiệp ra trường, là cầu nối giữa cựu HSSV với doanh nghiệp, tạo sự tương tác giữa nhà trường và cựu HSSV để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác khảo sát lần vết.

Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV. Tổ chức các buổi tọa đàm với nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực và thường xuyên đổi mới phương pháp đào tạo theo kỹ năng nghề.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 7.1	02
Tiêu chuẩn 7.2	02
Tiêu chuẩn 7.3	02
Tiêu chuẩn 7.4	02
Tiêu chuẩn 7.5	02
Tiêu chuẩn 7.6	02
Tiêu chuẩn 7.7	02
Tiêu chuẩn 7.8	02

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đánh giá chất lượng đào tạo thông qua khảo sát ý kiến của doanh nghiệp để đánh giá mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp đang tham gia làm việc tại doanh nghiệp, từ đó đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ ô tô cũng như chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô của nhà trường đối với yêu cầu của doanh nghiệp và thực tiễn sản xuất, trong các năm 2021, 2022, 2023 đã xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức khảo sát doanh nghiệp về mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo (7.1.01 - Kế hoạch số 15/KH - CĐCN ngày 30 tháng 3 năm 2021 kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2021; Kế hoạch số 26/KH - CĐCN ngày 28 tháng 3 năm 2022 kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2022; Kế hoạch khảo về việc khảo sát doanh nghiệp năm 2023)

Để thực hiện tốt kế hoạch khảo sát nhà trường đã lập danh sách các doanh nghiệp tiến hành với phương thức thông qua các phiếu khảo sát để thu thập ý kiến phản hồi từ

doanh nghiệp (7.1.02 - Danh sách các doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2021, 2022, 2023; 7.1.03 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023)

Năm 2021

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Đầu mối liên lạc			Tổng số SVT N	Ghi chú
			Họ tên	Chức vụ	Số ĐT		
1	Công ty TNHH HBTECH VINA	TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Hoàng Quốc Trung	Phó Giám Đốc	0965.817.442	1	
2	Tập đoàn KHKT Hồng Hải Foxconn	Quê Võ, Bắc Ninh	Nguyễn Văn Sơn	Chuyên viên phòng Nhân sự	0966.958.222	2	
3	Công ty TNHH SX cơ khí Hưng Thịnh	TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Ms Uyên	Trưởng phòng nhân sự	0988.130.954	1	
4	Công ty TNHH Sanwa Việt Nam	KCN Đình Trám - Bắc Giang	Nguyễn Hồng Thúy	Trưởng phòng nhân sự	0987.800.390	1	
5	Công ty TNHH Symkos	TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Anh Tùng	Phó Giám Đốc	0983.836.816	1	
6	Công ty TNHH chế tạo khuôn mẫu LG	Số 08, khu Gia Bình, P.Ninh Xá, TP.Bắc Ninh	Mr Đạo	Phụ trách chung	0986.531.688	1	
7	Công ty TNHH Thuận Phong	TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Nguyễn Văn Hiếu	Giám đốc	0974.125.555	2	
8	Công ty TNHH ABB Việt Nam	KCN Tiên Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh	Đoàn Thị Ngân	Trưởng phòng nhân sự	0912.066.746	1	
9	Công ty cơ phận cơ khí TAD	Tiên Du, Bắc Ninh	Nguyễn Khắc Thao	Phụ trách chung	0914.803.683	1	
10	Công ty TNHH Canon Tiên Sơn	KCN Tiên Sơn - Tiên Du -Bắc Ninh	Nguyễn Thị Hào	Chuyên viên phòng Nhân sự	0914.995.951	1	

11	Công ty TNHH Fujikin	Phù Chấn, Từ Sơn, Bắc Ninh	Chị Trang	Trưởng phòng nhân sự	0966.452. 469	1	
----	----------------------------	----------------------------------	-----------	----------------------------	------------------	---	--

Năm 2022

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Đầu mối liên lạc			Tổng số SVTN	Ghi chú
			Họ tên	Chức vụ	SỐ ĐT		
1	Công Ty TNHH Hitachi Energy (ABB) Việt Nam, Cn Bắc Ninh	KCN Tiên Sơn , P.Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đoàn Thị Ngân	TP Nhân sự	0912.066.746	1	CNOT
2	Công ty TNHH Vilook Tech	P.Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh	Anh Biên	PT chung	968627949	1	CNOT
3	Công Ty TNHH SX Cơ Khí Hung Thịnh	Đạo Ngạn 1, Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang	Chị Uyên	PT Nhân sự	0988130954	2	CNOT
4	Công ty CP Innotek	Lô II - 4.1, KCN Quế Võ II, Xã Ngọc Xá, Quế Võ, Bắc Ninh	Anh Hùng	Phụ trách nhân sự	0972.275.488	2	CNOT
5	Công ty TNHH Symkos	TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Anh Tùng	Phụ trách nhân sự	0983.836.816	1	CNOT
6	Tập đoàn KHKT Hồng Hải Foxconn	Quế Võ, Bắc Ninh	Nguyễn Văn Sơn	Nhân sự	0966.958.222	2	CNOT
7	Công ty TNHH Sanwa Việt Nam	KCN Đình Trám - Bắc Giang	Nguyễn Hồng Thúy	TP Nhân sự	0987.800.390	1	CNOT
8	Công Ty TNHH Samsung	KCN Yên Phong, Yên Phong, Bắc Ninh	Nguyễn Thị Thu Trang	PP Tuyển dụng	0392 229 074	1	CNOT

	Display Việt Nam (SDV)						
9	Công ty cổ phần cơ khí TAD	Tiên Du, Bắc Ninh	Nguyễn Khắc Thao	PT chung	0914.803.683	2	CNOT
10	Công ty TNHH Fujikin	Phù Chân, Từ Sơn, Bắc Ninh	Chị Trang	TP Nhân sự	0966.452.469	1	CNOT

Năm 2023

ST T	Tên công ty	Địa chỉ	Đầu mối liên lạc			Tổng số SVTN	Ghi chú
			Họ tên	Chức vụ	SỐ ĐT		
1	Công Ty TNHH Hitachi Energy (ABB) Việt Nam, Cn Bắc Ninh	KCN Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh	Đoàn Thị Ngân	TP Nhân sự	0912.066.746	2	CNOT
2	Công Ty TNHH Samsung Display Việt Nam (SDV)	KCN Yên Phong, Yên Phong, Bắc Ninh	Nguyễn Thị Thu Trang	PP Tuyển dụng	0392 229 074	5	CNOT
3	Công Ty TNHH Fushan Technology VN	KCN VSIP Bắc Ninh, Phường Phù Chân, Từ Sơn, BN	Chị Thu	TP Nhân sự	0974 171 600	2	CNOT
4	Công ty TNHH KHKT Goertek	KCN Quế Võ, BN	Anh Sỹ	Phòng Quan hệ DN	0973.536.735	1	CNOT
5	Công Ty TNHH SX Cơ Khí Hưng Thịnh	Đạo Ngạn 1, Quang Châu, Việt Yên, Bắc Giang	Chị Uyên	PT Nhân sự	0988.130.954	1	CNOT
6	Công ty TNHH Symkos	TP. Bắc Ninh	Anh Tùng	P. GD	0983.836.816	1	CNOT
7	Công ty TNHH Thuận Phong	TP. Bắc Ninh, BN	Nguyễn Văn Hiếu	GD	0974.125.555	2	CNOT

8	Công Ty TNHH Canon Vietnam-KCN Tiên Sơn	KCN Tiên Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, Bắc Ninh	Nguyễn Thị Hảo	Chuyên viên phòng nhân sự	0914.995.951	3	CNOT
9	Công ty TNHH Nhật Anh	Số 288 đường Ngô Gia Tự, Phường Tiên An, TP BN	Anh Quân	GD	0946.886.668	1	CNOT
10	Công Ty TNHH HB Techvina	K1, P. Đại Phúc, TP Bắc Ninh	Hoàng Quốc Trung	P. GD	0965.817.442	1	CNOT

Trên cơ sở thu thập các ý kiến của phía doanh nghiệp như đánh giá quá trình thực tập của HSSV cùng với kết quả khảo sát cựu HSSV đang làm việc tại doanh nghiệp cho thấy năng lực, kỹ năng của HSSV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp có đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp hay không.

Có 4 đánh giá mức độ đáp ứng: **1: Rất tốt; 2: Tốt; 3: Trung bình; 4: Không tốt.**

Đánh giá của doanh nghiệp:

Năm 2021

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Mức độ đáp ứng			
		1	2	3	4
I	Chương trình đào tạo				
1	Có sự tham gia xây dựng chương trình đào tạo của doanh nghiệp	54.5%	36.4%	9.1%	0.0%
2	Thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra	54.5%	36.4%	9.1%	0.0%
3	Cấu trúc chương trình đào tạo, danh mục các môn học, mô đun, thời gian và phân bổ thời gian thực hiện phù hợp	36.4%	54.5%	9.1%	0.0%
4	Nội dung chương trình phù hợp, có cập nhật bổ sung đáp ứng yêu cầu người học	63.6%	27.3%	9.1%	0.0%
II	Giáo trình đào tạo				
1	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình đào tạo	27.3%	72.7%	0.0%	0.0%
2	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	72.7%	27.3%	0.0%	0.0%
3	Giáo trình cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế	63.6%	36.4%	0.0%	0.0%
4	Giáo trình được trình bày logic, khoa học	27.3%	72.7%	0.0%	0.0%

Năm 2022:

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Mức độ đáp ứng			
		1	2	3	4
I	Chương trình đào tạo				
1	Có sự tham gia xây dựng chương trình đào tạo của doanh nghiệp	70%	30%	0.0%	0.0%
2	Thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra	60%	40%	0.0%	0.0%
3	Cấu trúc chương trình đào tạo, danh mục các môn học, mô đun, thời gian và phân bổ thời gian thực hiện phù hợp	60%	40%	0.0%	0.0%
4	Nội dung chương trình phù hợp, có cập nhật bổ sung đáp ứng yêu cầu người học	70%	30%	0.0%	0.0%
II	Giáo trình đào tạo				
1	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình đào tạo	50%	50%	0.0%	0.0%
2	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	60%	40%	0.0%	0.0%
3	Giáo trình cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế	90%	10%	0.0%	0.0%
4	Giáo trình được trình bày logic, khoa học	50%	50%	0.0%	0.0%

Năm 2023

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Mức độ đáp ứng			
		1	2	3	4
I	Chương trình đào tạo				
1	Có sự tham gia xây dựng chương trình đào tạo của doanh nghiệp	50%	50%	0%	0%
2	Thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra	40%	60%	0%	0%
3	Cấu trúc chương trình đào tạo, danh mục các môn học, mô đun, thời gian và phân bổ thời gian thực hiện phù hợp	60%	40%	0%	0%
4	Nội dung chương trình phù hợp, có cập nhật bổ sung đáp ứng yêu cầu người học	90%	10%	0%	0%
II	Giáo trình đào tạo				
1	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình đào tạo	60%	40%	0%	0%
2	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	60%	40%	0%	0%
3	Giáo trình cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế	100%	0%	0%	0%

4	Giáo trình được trình bày logic, khoa học	80%	20%	0%	0%
---	---	-----	-----	----	----

(7.1.04 - Báo cáo số 16/BC - CĐCN ngày 12 tháng 5 năm 2021 Báo cáo kết quả việc thực hiện khảo sát doanh nghiệp năm 2021; Báo cáo số 10/BC - CĐCN ngày 10 tháng 5 năm 2022 Báo cáo kết quả việc thực hiện khảo sát doanh nghiệp năm 2022; Báo cáo kết quả việc thực hiện khảo sát năm 2023)

Từ các kết quả trên cho thấy năng lực của SV ngành CNOT sau khi tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp đều được chính doanh nghiệp đánh giá đáp ứng nhu cầu; CTĐT, giáo trình đào tạo của nhà trường đáp ứng được thực tiễn sản xuất của doanh nghiệp

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường đã thực hiện công tác khảo sát, thống kê số HSSV tốt nghiệp ra trường có việc làm, để thực hiện công tác lần vết nhà trường đã xây dựng kế hoạch đảm bảo thu thập các thông tin liên quan đến HSSV với sự phối hợp của phòng CTHSSV (thu thập thông tin email, số điện thoại) và phòng Đào tạo (Danh sách sinh viên tốt nghiệp) (7.2.01- Kế hoạch số 27/ KH - CĐCN ngày 02 tháng 7 năm 2021 Kế hoạch về việc phối hợp với Trung tâm nghiên cứu chính sách và phát triển (GIZ) thực hiện lần vết khảo sát học viên và khảo sát doanh nghiệp năm 2021; Kế hoạch số 17/KH- CĐCN ngày 03 tháng 3 năm 2022 Kế hoạch khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2022; Kế hoạch khảo sát lần vết 2023)

Công tác khảo sát được thực hiện khách quan nhằm thu thập các thông tin về việc làm và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đảm bảo tính phù hợp với vị trí việc làm (7.2.02- Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2021, 2022, 2023)

Năm 2021, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 236/236 SV CĐK9 tốt nghiệp. Số SV trả lời khảo sát là 216 (đạt tỷ lệ 92%), trong đó số SV có việc làm là 178/216 (đạt 82%), tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 147/178 (đạt 83%). Số liệu ngành CNOT như sau:

TT	Ngành nghề đào tạo	Số SV tốt nghiệp	Thông tin SV tham gia KS		Tình trạng việc làm								Ghi chú
					Đã có				Chưa có		Nhu cầu		
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	Sự phù hợp	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	GT VL	Tỷ lệ	
1	CNOT	17	17	100%	14	82%	12	86%	3	18%	3	18%	
TỔNG		17	17	100%	14	82%	12	86%	3	18%	3	18%	

Năm 2022, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 292/292 SV CĐK10 tốt nghiệp. Số SV trả lời khảo sát là 246 (đạt tỷ lệ 84%), trong đó số SV có việc làm là 201 sinh viên (chiếm tỷ lệ 82%), tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 172 (đạt 86%). Số liệu ngành CNOT như sau:

TT	Ngành nghề đào tạo	Số SV tốt nghiệp	Thông tin SV tham gia KS		Tình trạng việc làm								Ghi chú
					Đã có				Chưa có		Nhu cầu		
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	Sự phù hợp	SL	Tỷ lệ	Tỷ lệ	GT VL	Tỷ lệ	
1	CNOT	35	32	91%	26	81%	22	85%	6	19%	0	0%	
TỔNG		35	32	91%	26	81%	22	85%	6	19%	0	0%	

(Nguồn: Báo cáo lần vết năm 2021- Phòng PR)

Năm 2023, nhà trường thực hiện điều tra khảo sát 272/272 SV CĐK11 tốt nghiệp ra trường. Số SV trả lời khảo sát là 223 (đạt tỷ lệ 82%), trong đó số SV có việc làm là 185 (chiếm tỷ lệ 83%), tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với nghề/chuyên ngành được đào tạo trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp là 153 (đạt tỷ lệ 83%). Số liệu ngành CNOT như sau:

TT	Ngành nghề đào tạo	Số SV tốt nghiệp	Thông tin SV tham gia KS		Tình trạng việc làm								Ghi chú
					Đã có				Chưa có		Nhu cầu		
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	Sự phù hợp	SL	Tỷ lệ	Tỷ lệ	GT VL	Tỷ lệ	
1	CNOT	31	26	84%	22	85%	18	82%	4	15%	4	13%	
TỔNG		31	26	84%	22	85%	18	82%	4	15%	4	13%	

(Nguồn: Báo cáo lần vết năm 2022- Phòng PR)

Qua quá trình tiến hành khảo sát, kết quả điều cho thấy đối với SV đã tốt nghiệp nghề CNOT của trường đánh giá về chất lượng đào tạo của trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cụ thể như sau:

Có 4 đánh giá mức độ đáp ứng: **1: Rất tốt; 2: Tốt; 3: Trung bình; 4: Không tốt.**

STT	CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ GIÁO TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC											
		NĂM 2021				NĂM 2022				NĂM 2023			
		1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4
1	Chương trình đào tạo: Đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng	35%	59%	6%	0%	56%	44%	0%	0%	10%	90%	0%	0%

	sự thay đổi của thị trường lao động												
2	Chương trình đào tạo: Đảm bảo đủ năng lực liên thông lên trình độ cao hơn	41%	59%	0%	0%	63%	38%	0%	0%	25%	75%	0%	0%
3	Chương trình đào tạo :Đáp ứng yêu cầu công việc hiện nay của bạn	24%	76%	0%	0%	47%	53%	0%	0%	30%	70%	0%	0%
4	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực: Các giáo trình cho từng mô-đun, môn học phù hợp nội dung chương trình	82%	18%	0%	0%	31%	69%	0%	0%	35%	65%	0%	0%
5	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực: Các nội dung bài tập, hướng dẫn thực hành trong giáo trình đào tạo phát huy tính tích cực của HSSV	59%	41%	0%	0%	41%	59%	0%	0%	25%	75%	0%	0%

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, nhà Trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo toàn trường nói chung và nhà giáo giảng dạy nghề CNOT nói riêng để có cơ sở đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo. Nhà trường đã sử dụng phiếu khảo sát để thu thập ý kiến nhằm đánh giá một cách khách quan (7.3.01 - Kế hoạch số 55/KH - CĐCN ngày 8 tháng 7 năm 2022 Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh sinh viên năm 2022; Kế hoạch số 23/KH - CĐCN ngày 23 tháng 3 năm 2023 Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh sinh viên năm 2023; Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh sinh viên năm 2024)

Việc thực hiện việc khảo sát đối với nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia trực tiếp chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm:

Hoạt động khảo sát được thực hiện theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

Toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động tham gia trực tiếp chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm được triển khai sâu rộng và hiểu rõ mục đích, yêu cầu, ý nghĩa của việc lấy ý kiến khảo sát; Đồng thời trung thực trong việc cung cấp thông tin, có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm trong quá trình tham gia khảo sát

(7.3.02 - Danh sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia khảo sát;

7.3.03 - Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giảng viên nhân viên năm 2022, 2023, 2024)

Năm học	Thành phần tham gia KS	Tổng số	Số lượng tham gia KS	Tỷ lệ
2021-2022	Giảng viên	13	13	100%
	CBQL	10	10	100%
	NV	22	14	64%
	Tổng	45	37	82%
2022-2023	Giảng viên	13	13	100%
	CBQL	10	10	100%
	NV	22	13	59%
	Tổng	45	36	80%
2023-2024	Giảng viên	10	10	100%
	CBQL	10	10	100%
	NV	22	18	78%
	Tổng	42	38	88%

Nội dung khảo sát tập trung chủ yếu vào một số nội dung cơ bản như: các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. (7.3.04 – Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, quản lý và học sinh sinh viên năm 2021 – 2022; 2022 – 2023; 2023 - 2024)

Có 4 đánh giá mức độ đáp ứng: **1: Rất tốt; 2: Tốt; 3: Trung bình; 4: Không tốt.**

Bảng tổng hợp khảo sát nhà giáo, CBQL NV

ST T	Các nội dung lấy ý kiến	Kết quả các mức độ (%)											
		Năm 2020-2021				Năm 2021-2022				Năm 2022- 2023			
		1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4
1	Đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ	41.18	58.82	0	0	42.42	57.58	0	0	20.9	79.1	0	0
2	Năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học	29.41	58.82	11.76	0	30.30	57.58	12.12	0	15.1	81.4	3.5	0
3	Năng lực lãnh đạo và điều hành đội ngũ quản lý	29.41	55.88	14.71	0	30.3	54.55	15.15	0	20.9	74.4	4.7	0

4	Đội ngũ nhân viên của trường có trình độ chuyên môn phù hợp	44.1 2	55.88	0	0	45.4 5	54.5 5	0	0	23.3	73.3	3.5	0
5	Công tác tuyển dụng viên chức, quy hoạch CBQL	29.4 1	44.12	8.82	0	30.3	42.4 2	9.09	0	14.0	80.2	5.8	0
6	Công tác thực hiện xếp loại CBGVNV được thực hiện theo quy định; đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan	38.2 4	47.06	14.7 1	0	39.3 9	45.4 5	15.1 5	0	20.9	77.9	1.2	0
7	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBGVNV được triển khai, thực hiện có hiệu quả	47.0 6	52.94	0	0	48.4 8	51.5 2	0	0	19.8	77.9	2.3	0
8	Triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động đối với giáo viên	47.0 6	52.94	0	0	48.4 8	51.5 2	0	0	14.0	81.4	4.7	0
9	Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn cán bộ để quy hoạch, bổ nhiệm được xác định cụ thể và phổ biến công khai	29.4	44.1	8.9	0%	30.3	42.4	9.1	0	14.0	83.7	2.3	0

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Bên cạnh việc thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, Nhà trường còn lấy ý kiến từ người đang tham gia học tập ngành nghề CNOT tại trường để đánh giá chất lượng đào tạo và các chính sách liên quan (7.4.01 - Kế hoạch số 55/KH - CĐCN ngày 8 tháng 7 năm 2022 Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh sinh viên năm 2022; Kế hoạch số 23/KH - CĐCN ngày 23 tháng 3 năm 2023 Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh sinh viên năm 2023; Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh sinh viên năm 2024) Nhằm thu thập các thông tin một cách khách quan và khoa học thông qua các phiếu khảo sát đến với học sinh, sinh viên với nội dung toàn diện về mọi mặt của nhà trường ;

7.4.02 – Danh sách học sinh, sinh viên khảo sát năm 2021 - 2022, 2022-2023, 2023 - 2024; 7.4.03 - Phiếu khảo sát học sinh, sinh viên năm 2022, 2023, 2024)

STT	Năm học	Số SV CNOT	Số SV tham gia khảo sát	Tỷ lệ
1	2021-2022	31	20	65%
2	2022-2023	47	36	77%
3	2023-2024	47	45	96%
	Tổng	125	101	81%

Có 4 đánh giá mức độ đáp ứng: **1: Rất tốt; 2: Tốt; 3: Trung bình; 4: Không tốt.**

SỐ LIỆU KHẢO SÁT Ý KIẾN CỦA NGƯỜI HỌC

TT	Nội dung thu thập ý kiến		2020-2021				2021-2022				2022-2023			
			1	2	3	4	1	2	3	4	1	2	3	4
1	Phương thức tổ chức đào tạo	Thực hiện đa dạng hoá các phương thức TCĐT	49%	49%	0%	2%	36%	56%	6%	3%	45%	50%	5%	0%
2		Phương thức đào tạo phù hợp với HSSV	49%	49%	0%	2%	33%	61%	3%	3%	55%	45%	0%	0%
3	Phương pháp đào tạo	Kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn	53%	44%	0%	2%	36%	61%	0%	3%	50%	45%	5%	0%
4		Phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm	49%	49%	0%	2%	36%	61%	3%	3%	50%	50%	0%	0%
5	Hoạt động giảng dạy của GV	Nội dung và phương pháp giảng dạy	44%	51%	2%	2%	31%	58%	8%	3%	45%	55%	0%	0%
6		Tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và việc sử dụng phương tiện dạy học của giảng viên	47%	49%	2%	2%	31%	58%	8%	3%	45%	55%	0%	0%
7		Trách nhiệm, sự nhiệt tình của giảng viên	49%	47%	2%	2%	31%	64%	3%	3%	55%	45%	0%	0%
8		Năng lực của giảng viên	51%	44%	2%	2%	31%	67%	0%	3%	55%	45%	0%	0%
9	Dịch vụ người học	Cung cấp thông tin khi nhập học và trong	44%	49%	4%	2%	36%	58%	3%	3%	35%	65%	0%	0%

		quá trình học tập tại trường												
10		Chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng cho HSSV	49 %	47 %	2%	2%	33 %	61 %	3 %	3%	30%	70 %	0%	0 %
11		Ký túc xá đảm bảo các điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt	51 %	44 %	2%	2%	36 %	61 %	0 %	3%	35%	65 %	0%	0 %
12		Dịch vụ y tế; ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của HSSV	51 %	44 %	2%	2%	33 %	53 %	11 %	3%	35%	65 %	0%	0 %
13		Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội	49 %	47 %	2%	2%	36 %	53 %	8 %	3%	30%	70 %	0%	0 %
14		Các hoạt động học tập, trải nghiệm, tư vấn việc làm	51 %	42 %	4%	2%	36 %	58 %	3 %	3%	30%	70 %	0%	0 %
15		Tiếp cận các thông tin, dịch vụ hỗ trợ người học trong quá trình học tập	49 %	47 %	2%	2%	36 %	58 %	3 %	3%	25%	75 %	0%	0 %
16	Sự hài lòng chất lượng DV GD	Chương trình đào tạo phù hợp, sát thực tiễn, đáp ứng nhu cầu của người học	47 %	49 %	2%	2%	36 %	58 %	3 %	3%	25%	75 %	0%	0 %
17		Công tác tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập	47 %	49 %	2%	2%	36 %	61 %	0 %	3%	25%	75 %	0%	0 %
18		Môi trường giáo dục rèn luyện về đạo đức, kỹ năng và nhân cách	49 %	47 %	2%	2%	36 %	61 %	0 %	3%	30%	70 %	0%	0 %

Kết quả khảo sát cho thấy người học đánh giá cao công tác đào tạo và phục vụ của nhà trường. Các chính sách của nhà nước đối với người học được nhà trường thực hiện đầy đủ và có nhiều chính sách thiết thực khuyến khích và hỗ trợ người học (7.4.04 – Báo cáo kết quả khảo sát học sinh sinh viên năm học 2021 – 2022; 2022 – 2023; 2023 - 2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ BLĐTĐBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN, thông tư 15/2017/TT- BLĐTĐBXH ngày

8/6/2017 quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GDNN. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng theo đúng quy định của Thông tư và các quy định của BLĐT BXH, Tổng cục GDNN và của Trường.

Hàng năm, trường thành lập Hội đồng đánh giá chất lượng, xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, bám sát hướng dẫn về công tác tự kiểm định, nộp về Tổng cục GDNN đúng thời gian quy định (7.5.01 - Quyết định số 35/QĐ - CDCN ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành năm 2022; Quyết định số 56/QĐ - CDCN ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành năm 2023; Quyết định về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành năm 2024)

Công tác tự đánh giá chất lượng đào tạo được nhà trường đặc biệt quan tâm. Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa công nghệ ô tô thực hiện báo cáo đánh giá đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng. Trong quá trình triển khai công tác tự kiểm định, Nhà trường tổ chức họp lấy ý kiến của CB, GV, NV trong trường, công khai nội dung tự kiểm định. Sau khi hoàn thành báo cáo, Nhà trường công khai báo cáo, nộp Sở LĐT B&XH, Tổng cục giáo dục nghề nghiệp (7.5.02 -; Kế hoạch số 09/ KH - CDCN ngày 25 tháng 1 năm 2022 Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành năm 2022; Kế hoạch số 03/ KH - CDCN ngày 30 tháng 01 năm 2023 Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2023; Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các ngành, nghề năm 2024, 7.5.03 – Báo cáo tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023)

Năm 2021: kết quả tự đánh giá: 96/100 tổng số điểm đạt

Năm 2022: kết quả tự đánh giá: 98/100 tổng số điểm đạt

Năm 2023: Kết quả tự đánh giá đạt: 100/100 tổng số điểm đạt

Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn là đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trên cơ sở đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn, Nhà trường xác định được các ưu điểm để tập trung phát huy. Với những tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu, Hội đồng tự đánh giá đã thảo luận đề xuất phương hướng, kế hoạch nâng cao chất lượng phù hợp với định hướng của Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường.

Trong báo cáo tự đánh giá năm 2020, 2021, 2022 của chương trình nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng với những nội dung chưa đạt, nhà trường, Khoa đã xác định và đưa vào kế hoạch hành động trong các năm tiếp theo để từng bước hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng đào tạo (7.6.01 - Kế hoạch số 06/KH - CDCN ngày 18 tháng

1 năm 2022 Kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng nghề Công nghệ ô tô năm 2022; 7.6.02 - Báo cáo số 55/BC - CDCN ngày 30 tháng 12 năm 2022 Báo cáo tổng kết quá trình thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng nghề Công nghệ ô tô năm 2022; Báo cáo tổng kết quá trình thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng nghề Công nghệ ô tô năm 2023)

Chương trình Công nghệ ô tô năm 2019 bao gồm 37 môn học, mô đun; tổng thời gian đào tạo 3225 giờ, với 128 tín chỉ. Chương trình đào tạo được thực hiện theo phương thức tích lũy mô đun; bổ sung mô đun Đồ án tốt nghiệp nhằm đánh giá về kiến thức và kỹ năng của sinh viên đạt được khi tốt nghiệp. Đến năm 2022 theo nhu cầu phát triển của xã hội đảm bảo về thực tiễn giảng dạy và đáp ứng thị trường lao động, trên cơ sở nghiên cứu bởi các ban thuộc Hội đồng thẩm định được thành lập gồm 21 thành viên, các thành viên trong tổ thẩm định đáp ứng đúng tiêu chuẩn điều 11 thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH quy định bao gồm chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng, phó chủ tịch là Phó hiệu trưởng, 01 giảng viên trong trường là ủy viên thư ký, 01 cán bộ quản lý dạy nghề, 05 cán bộ đơn vị sử dụng lao động và 12 nhà giáo của các cơ sở giáo dục khác làm ủy viên; Đồng thời Nhà trường và Khoa CN ô tô tổ chức hội thảo lấy ý kiến của các chuyên gia, giáo viên, doanh nghiệp để hoàn thiện dự thảo CTK đào tạo ngành công nghệ ô tô phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp đào tạo các ý kiến của chuyên gia, Ban rà soát và chỉnh sửa tiếp thu các ý kiến đã tiến hành sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định và được Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua; sau đó trình Hiệu trưởng xem xét, phê duyệt và ra quyết định ban hành: Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô năm 2022 đào tạo gồm 35 môn học, mô đun; tổng số giờ đào tạo 3190 giờ với 122 tín chỉ.

Hàng năm, tại Hội nghị cán bộ, viên chức các kế hoạch và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng hàng năm được thể hiện rõ trong báo cáo.

Nhà trường tự đánh giá tiêu chuẩn là đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn quan tâm đến việc làm khi HSSV tốt nghiệp ra trường, để thực hiện tốt trong công tác tiếp nhận các thông tin từ phía doanh nghiệp cũng như cựu HSSV thông qua công tác khảo sát lần vết.

Xét các năm 2021;2022;2023 số liệu như sau:

Năm 2021

TT	Ngành nghề đào tạo	Số SV tốt nghiệp	Thông tin SV tham gia KS	Tình trạng việc làm			Ghi chú
				Đã có	Chưa có	Nhu cầu	

			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	Sự phù hợp	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	GT VL	Tỷ lệ	
1	CNOTO	17	17	100%	14	82%	12	86%	3	18%	3	18%	
TỔNG		17	17	100%	14	82%	12	86%	3	18%	3	18%	

Năm 2022

TT	Ngành nghề đào tạo	Số SV tốt nghiệp	Thông tin SV tham gia KS		Tình trạng việc làm								Ghi chú
					Đã có				Chưa có		Nhu cầu		
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	Sự phù hợp	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	GT VL	Tỷ lệ	
1	CNOTO	35	32	91%	26	81%	22	85%	6	19%	0	0%	
TỔNG		35	32	91%	26	81%	22	85%	6	19%	0	0%	

Năm 2023

TT	Ngành nghề đào tạo	Số SV tốt nghiệp	Thông tin SV tham gia KS		Tình trạng việc làm								Ghi chú
					Đã có				Chưa có		Nhu cầu		
			SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	Sự phù hợp	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	GT VL	Tỷ lệ	
1	CNOTO	31	26	84%	22	85%	18	82%	4	15%	4	13%	
TỔNG		31	26	84%	22	85%	18	82%	4	15%	4	13%	

Căn cứ kế hoạch thực hiện khảo sát lần vết đã triển khai đến các cựu HSSV tham gia (7.7.01- Kế hoạch số 27/ KH - CDCN ngày 02 tháng 7 năm 2021 Kế hoạch về việc phối hợp với Trung tâm nghiên cứu chính sách và phát triển (GIZ) thực hiện lần vết khảo sát học viên và khảo sát doanh nghiệp năm 2021; Kế hoạch số 17/KH-CDCN ngày 03 tháng 3 năm 2022 Kế hoạch khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2022; Kế hoạch khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2023; 7.7.02 – Danh sách sinh viên ngành CNOT tham gia khảo sát năm 2021; 2022; 2023)

Như vậy, nhà trường đáp ứng được yêu cầu có trên 80% tổng số học sinh, sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp (7.7.03- Báo cáo kết quả khảo sát lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2021 - 2022, 2022 – 2023; 2023- 2024)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường giao cho phòng Quan hệ công chúng xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên của Trường. Theo đó, số lượng doanh nghiệp được khảo sát các năm như sau:

Năm khảo sát	Số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát
2021	11
2022	10
2023	10

Nhằm thu thập các thông tin từ phía doanh nghiệp cung cấp, nhà trường đã xây dựng kế hoạch để tiến hành khảo sát (7.8.01 - Kế hoạch số 15/KH - CĐCN ngày 30 tháng 3 năm 2021 kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2021; Kế hoạch số 26/KH - CĐCN ngày 28 tháng 3 năm 2022 kế hoạch về việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp năm 2022; Kế hoạch khảo về việc khảo sát doanh nghiệp năm 2023); 7.8.02 – Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát)

Qua quá trình tiến hành khảo sát các thông tin nhà trường nhận được về sự hài lòng khi tiếp nhận, tuyển dụng sinh viên đáp ứng các yêu cầu về kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm thông qua báo cáo (7.8.03 - Phiếu khảo sát doanh nghiệp; 7.8.04 - Báo cáo số 16/BC - CĐCN ngày 12 tháng 5 năm 2021 Báo cáo kết quả việc thực hiện khảo sát doanh nghiệp, Báo cáo số 10/BC - CĐCN ngày 10 tháng 5 năm 2022 Báo cáo kết quả việc thực hiện khảo sát doanh nghiệp, Báo cáo kahor Sts doanh nghiệp năm 2023)

Các mức độ phản hồi:

1: Rất tốt 2: Tốt 3: Trung bình 4: Không tốt

Năm 2021

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Mức độ đáp ứng				Tổng
		1	2	3	4	
I	Kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học					
1	Kiến thức chuyên môn	63.6%	36.4%	0.0%	0.0%	100%
2	Kỹ năng nghề nghiệp	72.7%	27.3%	0.0%	0.0%	100%
3	Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	81.8%	18.2%	0.0%	0.0%	100%
4	Sự hài lòng của DN	81.8%	18.2%	0.0%	0.0%	100%
II	Thái độ của người học					
5	Tinh thần trách nhiệm	72.7%	27.3%	0.0%	0.0%	100%
6	Quan hệ với đồng nghiệp	81.8%	18.2%	0.0%	0.0%	100%
III	Chương trình đào tạo					
7	Có sự tham gia xây dựng chương trình đào tạo của doanh nghiệp	54.5%	36.4%	9.1%	0.0%	100%

8	Thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra	54.5%	36.4%	9.1%	0.0%	100%
9	Cấu trúc chương trình đào tạo, danh mục các môn học, mô đun, thời gian và phân bổ thời gian thực hiện phù hợp	36.4%	54.5%	9.1%	0.0%	100%
10	Nội dung chương trình phù hợp, có cập nhật bổ sung đáp ứng yêu cầu người học	63.6%	27.3%	9.1%	0.0%	100%
IV	Giáo trình đào tạo					
11	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình đào tạo	27.3%	72.7%	0.0%	0.0%	100%
12	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	72.7%	27.3%	0.0%	0.0%	100%
13	Giáo trình cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế	63.6%	36.4%	0.0%	0.0%	100%
14	Giáo trình được trình bày logic, khoa học	27.3%	72.7%	0.0%	0.0%	100%

Năm 2022

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Mức độ đáp ứng				Tổng
		1	2	3	4	
I	Kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học					
1	Kiến thức chuyên môn	50%	50%	0%	0%	100%
2	Kỹ năng nghề nghiệp	70%	30%	0%	0%	100%
3	Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	50%	50%	0%	0%	100%
4	Sự hài lòng của DN	70%	30%	0%	0%	100%
II	Thái độ của người học					
5	Tinh thần trách nhiệm	60%	40%	0%	0%	100%
6	Quan hệ với đồng nghiệp	70%	30%	0%	0%	100%
III	Chương trình đào tạo					
7	Có sự tham gia xây dựng chương trình đào tạo của doanh nghiệp	70%	30%	0%	0%	100%
8	Thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra	60%	40%	0%	0%	100%
9	Cấu trúc chương trình đào tạo, danh mục các môn học, mô đun, thời gian và phân bổ thời gian thực hiện phù hợp	60%	40%	0%	0%	100%
10	Nội dung chương trình phù hợp, có cập nhật bổ sung đáp ứng yêu cầu người học	70%	30%	0%	0%	100%
IV	Giáo trình đào tạo					

11	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình đào tạo	50%	50%	0%	0%	100%
12	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	60%	40%	0%	0%	100%
13	Giáo trình cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế	90%	10%	0%	0%	100%
14	Giáo trình được trình bày logic, khoa học	50%	50%	0%	0%	100%

Năm 2023

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Mức độ đáp ứng				Tổng
		1	2	3	4	
I	Kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học					
1	Kiến thức chuyên môn	90%	10%	0%	0%	100%
2	Kỹ năng nghề nghiệp	100%	0%	0%	0%	100%
3	Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm	70%	30%	0%	0%	100%
4	Sự hài lòng của DN	90%	10%	0%	0%	100%
II	Thái độ của người học					
5	Tinh thần trách nhiệm	70%	30%	0%	0%	100%
6	Quan hệ với đồng nghiệp	60%	40%	0%	0%	100%
III	Chương trình đào tạo					
7	Có sự tham gia xây dựng chương trình đào tạo của doanh nghiệp	50%	50%	0%	0%	100%
8	Thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và nội dung chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra	40%	60%	0%	0%	100%
9	Cấu trúc chương trình đào tạo, danh mục các môn học, mô đun, thời gian và phân bổ thời gian thực hiện phù hợp	60%	40%	0%	0%	100%
10	Nội dung chương trình phù hợp, có cập nhật bổ sung đáp ứng yêu cầu người học	90%	10%	0%	0%	100%
IV	Giáo trình đào tạo					
11	Cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình đào tạo	60%	40%	0%	0%	100%
12	Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực	60%	40%	0%	0%	100%
13	Giáo trình cập nhật kiến thức phù hợp với thực tế	100%	0%	0%	0%	100%
14	Giáo trình được trình bày logic, khoa học	80%	20%	0%	0%	100%

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu, quản lý và tài chính

Nhà trường hoạt động với phương pháp quản lý chuyên nghiệp, mọi quá trình được đánh giá và thực hiện theo tiêu chuẩn ISO; Mạng lưới doanh nghiệp được kết nối tới HSSV trong toàn bộ thời gian thực tập tốt nghiệp và sau khi ra trường;

Nhà trường sẽ có tổ tuyển sinh, tiếp thị đào tạo chuyên nghiệp với các hoạt động truyền thông đa chiều để quảng bá hình ảnh nhà trường tới học viên và doanh nghiệp;

Các đơn vị trực thuộc trường hoạt động tốt, cơ cấu tổ chức bền vững, có kế thừa đảm bảo cho mọi hoạt động của nhà trường được ổn định, phát triển; Các GV, BC, CNV xác định rõ vị trí làm việc và được đánh giá công việc theo năng lực thực tại của chuẩn ISO;

Nhà trường sẽ có một đội ngũ giáo viên dạy nghề đạt chuẩn ASEAN; Quốc tế.

Đảm bảo chất lượng đầu ra và giải quyết trên 90% HSSV có việc làm đúng chuyên ngành, thu nhập ổn định.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đẩy mạnh các hoạt động tuyên sinh, liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế để đảm bảo nguồn lực tài chính của đơn vị ngày càng vững mạnh và phát triển.

3.2. Hoạt động đào tạo

Trường sẽ phát huy những điểm mạnh và khắc phục dần những tồn tại. Từ năm 2023 trở đi Trường sẽ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện tổ chức các hoạt động về đào tạo liên thông các cấp học trong nhà Trường; tiếp tục hợp tác với các trường đại học tiến hành đào tạo các cấp trình độ cao hơn như: đại học, thạc sĩ... Tiếp tục hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm đưa các học viên đi thực tập và làm quen với môi trường làm việc thực tế. Tăng cường trang thiết bị, máy móc thực hành tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và phù hợp với điều làm việc thực tế. Tăng cường xây dựng cơ sở dữ liệu đào tạo và việc làm; tìm hiểu các cơ hội để hợp tác quốc tế về đào tạo, tiếp thu các phương thức đào tạo hiện đại và phù hợp.

3.3. Nhà giáo, cán bộ quản lý, và nhân viên

Trong những năm tới Nhà trường tiếp tục rà soát các quy chế, quy định có liên quan đến công tác cán bộ. Tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên trẻ nhằm mục tiêu tạo nguồn lực và đội ngũ kế cận có chất lượng tốt để chủ động đáp ứng các nhiệm vụ trong tình hình mới.

3.4. Chương trình, giáo trình

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình cho phù hợp với cơ sở, trang thiết bị của nhà trường cũng như những thay đổi của công nghệ, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

3.5. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Xây dựng kế hoạch, tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư tiếp cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo tốt nhất phục vụ cho người học. Tiếp tục mua bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động của Nhà trường.

3.6. Dịch vụ cho người học

Nhằm nâng cao hiệu quả của công tác HSSV nhà trường đề xuất trình UBND Tỉnh tạo điều kiện để xây dựng khu KTX cho học sinh, sinh viên

3.7. Giám sát, đánh giá chất lượng

Hợp tác chặt chẽ với doanh nghiệp và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV. Tổ chức các buổi tọa đàm với nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực và thường xuyên đổi mới phương pháp đào tạo theo kỹ năng nghề.

PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. KẾT LUẬN

Công tác tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ô tô là một quá trình xem xét và đánh dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL CTĐT do Bộ LĐTB-XH ban hành là một yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về GDNN và hoạt động của các trường Cao đẳng hiện nay.

Để công tác đảm bảo chất lượng có tính bền vững, đúng trình tự của một môi trường GDNN lành mạnh, phù hợp, phát triển, rất cần thiết phải đưa các hoạt động đảm bảo chất lượng của nhà trường đi vào nề nếp và chuẩn hoá. Vì vậy, trong thời gian qua căn cứ vào Bộ tiêu chí KĐ CTĐT, căn cứ vào thực tế Nhà trường xác định mục tiêu,

chủ trương, biện pháp, xây dựng kế hoạch, triển khai các hoạt động hướng tới phát huy những mặt mạnh đã đạt được, khắc phục những tồn tại, đảm bảo đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn về đánh giá chất lượng đào tạo.

Đối với công tác tự đánh giá nghề Công nghệ ô tô trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh xác định là một nhiệm vụ thường xuyên. Từ đó hàng năm nhà trường căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn đã và chưa đạt để rà soát hoạt động giảng dạy và học tập của nhà trường, qua đó phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế. Vì KĐCL CTĐT được tiến hành thường xuyên nên công tác tự đánh giá nhà trường có hướng phấn đấu hướng tới việc tự hoàn thiện để nâng cao chất lượng đào tạo.

4.2. KIẾN NGHỊ

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT, nhà trường thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về đánh giá chất lượng CTĐT: Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình đánh giá khoa học và phù hợp với việc đánh giá và cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo. Nhà trường hiện tại không có kiến nghị gì khác./.

Nơi nhận:

- TCGDNN (b/c);
- Sở LĐ-TB&XH (b/c);
- BGH;
- Lưu VT, tổ BĐCL.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Quang Khuê